

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ

Kính gửi: - Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh.

1. Tên tổ chức: **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THỦ ĐỨC**

- Mã chứng khoán: **TDW**
- Địa chỉ: 8 Khổng Tử, Phường Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh.
- Điện thoại: 19001012
- E-mail: idscntd@gmail.com

2. Nội dung thông tin công bố

Biên bản số 26/BB-CNTĐ-ĐHĐCĐ và Nghị quyết số 27/NQ-CNTĐ-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2026 Công ty cổ phần Cấp nước Thủ Đức.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 22/04/2026 tại đường dẫn: www.thuducwater.vn

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm
- BBH và NQ ĐHĐCĐ.

Đại diện tổ chức
Người đại diện theo pháp luật
GIÁM ĐỐC

Nguyễn Công Minh

Số: 26/BB-CNTĐ-HĐQT

TP. HCM, ngày 22 tháng 04 năm 2026

BIÊN BẢN
HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THỦ ĐỨC

A. TÊN DOANH NGHIỆP, THỜI GIAN, ĐỊA ĐIỂM, THÀNH PHẦN THAM DỰ ĐẠI HỘI:

1. Tên Công ty: Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 4103005935 đăng ký lần đầu ngày 18 tháng 01 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 6 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0304803601 ngày 15 tháng 08 năm 2025.
- Trụ sở chính: 8 Khổng Tử, phường Thủ Đức, TP. HCM.

2. Thời gian và địa điểm khai mạc Đại hội

- Thời gian: 9 giờ, ngày 22/04/2026.
- Địa điểm: Trung tâm Hội nghị Minh Thù, địa chỉ: Số 01-02A Alexandre De Rhodes, Phường Thủ Đức, TP. HCM.

3. Thành phần tham dự Đại hội:

- Hội đồng quản trị Công ty.
- Ban kiểm soát Công ty.
- Ban Giám đốc Công ty
- Các cổ đông/người được ủy quyền của cổ đông tham dự họp.

4. Nội dung thảo luận

- Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát; Ban Giám đốc.
- Cổ đông và đại diện theo danh sách chốt quyền ngày 19/03/2026.
- Khách mời.

B. NỘI DUNG VÀ DIỄN BIẾN CỦA ĐẠI HỘI

I. PHẦN NGHI THỨC VÀ THỦ TỤC TIẾN HÀNH ĐẠI HỘI

1. Tuyên bố lý do

Đại diện Ban tổ chức tuyên bố lý do triệu tập cuộc họp: Căn cứ Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức đã triệu tập cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2026 (“Đại hội”) để thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của cổ đông. Ban tổ chức thông báo Đại hội được tổ chức và hoạt động theo hình thức họp trực tiếp, bỏ phiếu điện tử.

2. Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông

Trưởng ban kiểm tra tư cách cổ đông báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông. *Đến 09 giờ 08 phút ngày 22/04/2026, có 31 cổ đông dự họp (tham dự trực tiếp và ủy quyền tham dự), đại diện cho 8.127.978 phiếu biểu quyết chiếm: 95,6233% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết.*

Kết luận: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty Cổ phần cấp nước Thủ Đức đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

3. Thông qua danh sách Chủ tọa Đoàn, Ban Kiểm phiếu và Ban Thư ký.

a. Chủ tọa Đoàn

- Bà: Vũ Phương Thảo - Chủ tịch HĐQT - Chủ tọa
- Ông: Trương Khắc Hoàn - Thành viên HĐQT - Thành viên
- Ông: Nguyễn Công Minh - Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc - Thành viên

Đại hội tiến hành biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử và nhất trí thông Chủ tọa Đoàn

b. Ban Kiểm phiếu

- Ông Nguyễn Ngọc Đăng Khoa - Trưởng ban
- Bà Nguyễn Thị Mộng Thúy - Thành viên
- Bà Chu Hiểu Vy - Thành viên
- Bà Trương Thị Kiều Phụng – Thành viên

Đại hội tiến hành biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử và nhất trí thông qua Ban Kiểm Phiếu

c. Ban Thư ký

Ban chủ tọa đã chỉ định Ban Thư ký để giúp việc cho Chủ tọa Đoàn điều khiển Đại hội gồm các thành viên sau:

- Bà: Nguyễn Thị Ngọc Lành - Trưởng ban
- Bà: Phạm Thị Thu Hương - Thành viên.

4. Thông qua chương trình đại hội, Quy chế làm việc, Quy chế bầu cử

Ban tổ chức đã trình bày các nội dung sau: chương trình đại hội, Quy chế làm việc, Quy chế bầu cử để cổ đông xem xét thông qua (toàn văn tài liệu đại hội đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và phương tiện công bố thông tin trên thị trường chứng khoán từ ngày 31/03/2026).

- ❖ Kết quả biểu quyết chi tiết cho các nội dung: thông qua Chủ tịch Đoàn, Ban kiểm phiếu, Chương trình Đại hội, Quy chế làm việc và Quy chế bầu cử tại Đại hội như sau:

Từ thời điểm khai mạc đến 9 giờ 24 phút, số lượng đại biểu tham dự Đại hội: 31 đại biểu, đại diện cho 8.127.978 phiếu biểu quyết, chiếm 95,6233% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết.

Thống kê số phiếu phát ra, số phiếu thu về, số phiếu không thu về:

Tổng số tờ phiếu phát ra: 31 đại diện cho 8.127.978 phiếu biểu quyết, chiếm 100% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số tờ phiếu thu về: 31 đại diện cho 8.127.978 phiếu biểu quyết, chiếm 100% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số tờ phiếu không thu về: 0 đại diện cho 0 phiếu biểu quyết, chiếm 0 % tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Stt	Nội dung thông qua	Tổng số tờ phiếu hợp lệ	Tổng tờ số phiếu không hợp lệ	Tán thành		Không tán thành		Không ý kiến	
				Tổng số phiếu	Tỷ lệ	Tổng số phiếu	Tỷ lệ	Tổng số phiếu	Tỷ lệ
1	Danh sách Chủ tịch Đoàn	31	0	8.127.978	100%	0	0	0	0
2	Danh sách Ban kiểm phiếu	31	0	8.127.978	100%	0	0	0	0
3	Chương trình Đại hội	31	0	8.127.978	100%	0	0	0	0
4	Quy chế làm việc	31	0	8.127.978	100%	0	0	0	0
5	Quy chế bầu cử	31	0	8.127.978	100%	0	0	0	0

II. NỘI DUNG CHÍNH CỦA ĐẠI HỘI

Đại hội nghe trình bày các Báo cáo và tờ trình gồm:

Nội dung 01: Báo cáo kết quả hoạt động năm 2025 của Ban Giám đốc và định hướng hoạt động năm 2026

Nội dung 02: Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2025 và Kế hoạch hoạt động năm 2026

Nội dung 03: Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2025 và Kế hoạch hoạt động năm 2026

Nội dung 04: Tờ trình Báo cáo Tài chính năm 2025 của Công ty đã kiểm toán

Nội dung 05: Tờ trình Kết quả thực hiện kế hoạch tài chính và Phương án phân phối lợi nhuận

Nội dung 06: Tờ trình Quỹ tiền lương thực hiện của Người quản lý; Thù lao HĐQT, BKS năm 2025

Nội dung 07: Tờ trình Kế hoạch SXKD, Kế hoạch tài chính, Quỹ tiền lương của Người quản lý, Thù lao của HĐQT, BKS năm 2026; tạm ứng cổ tức năm 2026

Nội dung 08: Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026

Nội dung 09: Tờ trình giao dịch với bên có liên quan

Nội dung 10: Tờ trình sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty

Nội dung 11: Tờ trình Bầu bổ sung Thành viên độc lập HĐQT nhiệm kỳ 2022 – 2027

Đối với nội dung bầu cử bổ sung Thành viên độc lập HĐQT nhiệm kỳ 2022 – 2027, căn cứ quy định tại Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Điều lệ Công ty, cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị tại Công ty phải đảm bảo tối thiểu 02 thành viên HĐQT độc lập. Để thực hiện quy định này, Công ty đã thông báo việc bầu bổ sung thành viên độc lập Hội đồng quản trị thời gian còn lại nhiệm kỳ 2022 – 2027 tại bộ tài liệu Đại hội.

Tuy nhiên, đến thời điểm tổ chức đại hội, Công ty không nhận được thông tin ứng viên cho vị trí thành viên độc lập Hội đồng quản trị. Do đó, tại kỳ đại hội đồng thường niên năm 2026, Công ty vẫn không bầu chọn được thành viên độc lập Hội đồng quản trị theo quy định

III. Ý KIẾN CỦA CỔ ĐÔNG

Cổ đông không có ý kiến.

IV. CỔ ĐÔNG BIỂU QUYẾT

Như vậy tại kỳ đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 Công ty không lựa chọn được thành viên độc lập Hội đồng quản trị thời gian còn lại nhiệm kỳ 2022 - 2027 do không có ứng viên đáp ứng tiêu chuẩn độc lập theo quy định được đề cử, ứng cử.

Từ thời điểm khai mạc đến 10 giờ 05 phút, số lượng đại biểu tham dự Đại hội: 32 đại biểu, đại diện cho 8.127.979 phiếu biểu quyết, chiếm 95,6233% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết.

Thống kê số phiếu phát ra, số phiếu thu về, số phiếu không thu về:

Tổng số tờ phiếu phát ra: 32 đại diện cho 8.127.979 phiếu biểu quyết, chiếm 100% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số tờ phiếu thu về: 32 đại diện cho 8.127.979 phiếu biểu quyết, chiếm 100% tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Tổng số tờ phiếu không thu về: 0 đại diện cho 0 phiếu biểu quyết, chiếm 0 % tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

Đại hội nghe trình bày và biểu quyết theo phương thức biểu quyết bỏ phiếu điện tử các nội dung sau:

Stt	Nội dung biểu quyết	Tổng số tờ phiếu hợp lệ	Tổng số tờ phiếu không hợp lệ	Tán thành		Không tán thành		Không ý kiến	
				Tổng số phiếu	Tỷ lệ (%)	Tổng số phiếu	Tỷ lệ (%)	Tổng số phiếu	Tỷ lệ (%)
1	Nội dung 01: Báo cáo kết quả hoạt động năm 2025 của Ban Giám đốc và định hướng hoạt động năm 2026	32	0	8.127.979	100%	0	0%	0	0%
2	Nội dung 02: Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2025 và Kế hoạch hoạt động năm 2026	32	0	8.127.979	100%	0	0%	0	0%
3	Nội dung 03: Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2025 và Kế hoạch hoạt động năm 2026	32	0	8.127.979	100%	0	0%	0	0%
4	Nội dung 04: Tờ trình Báo cáo Tài chính năm 2025 của Công ty đã kiểm toán	32	0	8.127.979	100%	0	0%	0	0%
5	Nội dung 05: Tờ trình Kết quả thực hiện kế hoạch tài chính và Phương án phân phối lợi nhuận	32	0	8.127.979	100%	0	0%	0	0%
6	Nội dung 06: Tờ trình Quỹ tiền lương thực hiện	32	0	8.127.979	100%	0	0%	0	0%

Stt	Nội dung biểu quyết	Tổng số tờ phiếu hợp lệ	Tổng số tờ phiếu không hợp lệ	Tán thành		Không tán thành		Không ý kiến	
				Tổng số phiếu	Tỷ lệ (%)	Tổng số phiếu	Tỷ lệ (%)	Tổng số phiếu	Tỷ lệ (%)
	của Người quản lý; Thù lao HĐQT, BKS năm 2025								
7	Nội dung 07: Tờ trình Kế hoạch SXKD, Kế hoạch tài chính, Quỹ tiền lương của Người quản lý, Thù lao của HĐQT, BKS năm 2026; tạm ứng cổ tức năm 2026	32	0	8.127.979	100%	0	0%	0	0%
8	Nội dung 08: Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026	32	0	8.127.979	100%	0	0%	0	0%
9	Nội dung 09: Tờ trình giao dịch với bên có liên quan (*)	30	0	3.792.979	100%	0	0%	0	0%
10	Nội dung 10: Tờ trình sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty	32	0	8.127.979	100%	0	0%	0	0%

(*) Kết quả biểu quyết đối với nội dung 09 Tờ trình giao dịch với bên có liên quan sau khi loại quyền biểu quyết của cổ đông có lợi ích liên quan: Tổng công ty Cấp nước Sài Gòn sở hữu 4.335.000 cổ phần.

IV. GIỚI THIỆU BIÊN BẢN VÀ NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI

Từ thời điểm khai mạc đến 10 giờ 45 phút, số lượng đại biểu tham dự Đại hội: 32 đại biểu, đại diện cho 8.127.979 phiếu biểu quyết, chiếm 95,6233% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết.

Đại hội biểu quyết và nhất trí thông qua toàn văn Biên bản cuộc họp Đại hội cổ đông thường niên năm 2026, kết quả biểu quyết như sau:

Stt	Nội dung bỏ phiếu	Tổng số tờ phiếu hợp lệ	Tổng số tờ phiếu không hợp lệ	Tán thành		Không tán thành		Không ý kiến	
				Tổng số phiếu	Tỷ lệ	Tổng số phiếu	Tỷ lệ	Tổng số phiếu	Tỷ lệ
1	Biên bản kỳ họp ĐHĐCĐ	32	0	8.127.979	100%	0	0%	0	0%

Stt	Nội dung bỏ phiếu	Tổng số tờ phiếu hợp lệ	Tổng số tờ phiếu không hợp lệ	Tán thành		Không tán thành		Không ý kiến	
				Tổng số phiếu	Tỷ lệ	Tổng số phiếu	Tỷ lệ	Tổng số phiếu	Tỷ lệ
	thường niên năm 2026								
2	Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2026	32	0	8.127.979	100%	0	0%	0	0%

V. BẾ MẠC ĐẠI HỘI

Chủ tọa tuyên bố bế mạc kỳ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức vào lúc 11 giờ 00 phút, ngày 22 tháng 4 năm 2026.

BAN CHỦ TỌA

CHỦ TỌA	THÀNH VIÊN	THÀNH VIÊN
Vũ Phương Thảo	Trương Khắc Hoàn	Nguyễn Công Minh
BAN THƯ KÝ		

Nguyễn Thị Ngọc Lành

Phạm Thị Thu Hương

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THỦ ĐỨC

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức;
- Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức ngày 22 tháng 4 năm 2026.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua các nội dung sau:

1. Báo cáo của Ban Giám đốc về kết quả thực hiện năm 2025 và định hướng hoạt động năm 2026
Một số chỉ tiêu chủ yếu đạt được như sau:

Stt	Nội dung	Đvt	Kế hoạch 2025	Thực hiện 2025	Tỷ lệ % TH/KH
1	Nước cung cấp (qua ĐHN)	1000m ³	114.500	111.388,67	97,28
2	Doanh thu tiền nước (qua ĐHN)	tr. đồng	1.368.275	1.334.919	97,56
3	Tỷ lệ hộ dân được cấp nước sạch	%	100,00	100,00	100,00
4	Tỷ lệ nước thất thoát thất thu	%	11,20	9,85	Giảm 1,35

2. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2025 và Kế hoạch hoạt động năm 2026.
 3. Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2025 và Kế hoạch hoạt động năm 2026.
 4. Báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty đã được kiểm toán.
 5. Kết quả thực hiện kế hoạch tài chính năm 2025; kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2025, phương án phân phối lợi nhuận còn lại của các năm trước và chi cổ tức
- 5.1. Kết quả thực hiện tài chính năm 2025

Các chỉ tiêu chủ yếu:

STT	Chỉ tiêu	Đvt	Kế hoạch 2025	Thực hiện 2025	Tỷ lệ% TH/KH
1	Tổng Doanh thu	tr. đồng	1.379.925	1.357.122	98,35
2	Lợi nhuận trước thuế	tr. đồng	72.507	75.841	104,60
3	Lợi nhuận sau thuế	tr. đồng	58.006	60.436	104,19
4	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn CSH _{bq}	%	23,07	23,96	103,87
4.1	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn CSH _{bq} (Theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC)	%	38,67	40,29	104,19
5	Cổ tức	%	12	26,00 (trình ĐHCĐ)	216,67

5.2. Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2025, Phương án phân phối phần Lợi nhuận còn lại chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước (từ năm 2024 trở về trước) cho giai đoạn năm 2026 – 2029 và chi trả cổ tức

a) Phân phối lợi nhuận năm 2025 và phân phối lợi nhuận còn lại của những năm trước trong năm 2026

Stt	Nội dung	Tỷ lệ trích (%)	Số tiền (đồng)
I.	Tổng Lợi nhuận chưa phân phối		108.287.342.120
1.	Lợi nhuận chưa phân phối năm nay		60.435.817.325
2.	Lợi nhuận chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		47.851.524.795
II.	Phân phối lợi nhuận		
1.	Phân phối Lợi nhuận chưa phân phối của các năm trước		
1.1	Lợi nhuận chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		47.851.524.795
1.2	Chia cổ tức (Tỷ lệ: 3,00%/Vốn điều lệ)		2.550.000.000
1.3	Lợi nhuận còn lại của các năm trước chưa phân phối [(1.3) = (1.1) - (1.2)]		45.301.524.795
2.	Phân phối Lợi nhuận chưa phân phối năm 2025		
2.1	Lợi nhuận chưa phân phối năm 2025	100,00	60.435.817.325
2.2	Chia cổ tức (Tỷ lệ 26,00%/ vốn điều lệ)	36,57	22.100.000.000
-	Chia cổ tức đợt 1: tỷ lệ 16,00%/Vốn điều lệ		13.600.000.000
-	Chia cổ tức đợt 2: tỷ lệ 10,00%/vốn điều lệ		8.500.000.000

Stt	Nội dung	Tỷ lệ trích (%)	Số tiền (đồng)
2.3	Trích lập các quỹ:		
a.	Đầu tư phát triển	26,15	15.801.894.117
b.	Khen thưởng – Phúc lợi	32,16	19.438.280.128
c.	Khen thưởng Người quản lý	1,27	766.792.000
2.4	Lợi nhuận còn lại năm 2025 chưa phân phối [(2.4) = (2.1) - (2.2) - (2.3)]		2.328.851.080
3.	Tổng Lợi nhuận chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ này		47.630.375.875
-	Lợi nhuận còn lại năm 2025 chưa phân phối		2.328.851.080
-	Lợi nhuận còn lại các năm trước chưa phân phối		45.301.524.795

b) Phương án phân phối Lợi nhuận còn lại chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước (từ năm 2024 trở về trước) cho giai đoạn năm 2027 – 2029

Stt	Nội dung	Số tiền (đồng)
1.	Tổng Lợi nhuận còn lại chưa phân của các năm trước (từ năm 2024 trở về trước)	45.301.524.795
2.	Chia cổ tức bằng tiền vào các năm (2027-2029), cụ thể:	
-	Năm 2027: Tỷ lệ 10,00%/Vốn điều lệ	8.500.000.000
-	Năm 2028: Tỷ lệ 18,00%/Vốn điều lệ	15.300.000.000
-	Năm 2029: Tỷ lệ 25,20%/Vốn điều lệ	21.420.000.000
3.	Lợi nhuận còn lại của các năm trước sau phân phối (3) = (1-2)	81.524.795

c) Chi trả cổ tức

Ủy quyền cho Hội đồng quản trị xem xét, quyết định thời điểm chi trả cổ tức và thực hiện chi trả theo quy định.

6. Quỹ tiền lương thực hiện của Người quản lý; Thù lao HĐQT, BKS năm 2025

Stt	Nội dung	Đvt	Kế hoạch năm 2025	Thực hiện năm 2025	Tỷ lệ %TH/KH
1.	Quỹ tiền lương của Người quản lý	tr. đồng	3.810,24	4.000,75	105,00
1.1	Quỹ tiền lương của Chủ tịch HĐQT, Trưởng BKS (chuyên trách)	tr. đồng	1.160,40	1.218,42	105,00
1.2	Quỹ tiền lương của Ban điều hành	tr. đồng	2.649,84	2.782,34	105,00
2.	Thù lao của HĐQT, BKS năm 2025 (không chuyên trách)	tr. đồng	668,00	668,00	100,00

7. Kế hoạch sản xuất kinh doanh; Kế hoạch tài chính; Quỹ tiền lương Người quản lý; Thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2026; tạm ứng cổ tức năm 2026.

a) Chỉ tiêu kế hoạch năm 2026

Stt	Nội dung	Đvt	Kế hoạch năm 2026
A.	Sản xuất kinh doanh		
1.	Nước tiêu thụ (qua ĐHN)	m ³	113.900.000
2.	Doanh thu tiền nước (qua ĐHN)	tr. đồng	1.377.734
3.	Tỷ lệ hộ dân được sử dụng nước sạch	%	100,00
4.	Tỷ lệ thất thoát nước	%	10,00
B.	Tài chính		
1	Tổng doanh thu	tr. đồng	1.391.884
2	Lợi nhuận trước thuế	tr. đồng	76.691
3	Lợi nhuận sau thuế	tr. đồng	61.353
4	Tỷ suất LNST/Vốn CSH bq	%	22,66
4.1	Tỷ suất LNST/Vốn CSH bq (theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC)	%	36,95
5	Cổ tức	%	14,00
C.	Quỹ tiền lương Người quản lý; Thù lao HĐQT, Ban Kiểm soát		
1.	Quỹ tiền lương Người quản lý	tr. đồng	4.000,75
1.1	Quỹ tiền lương của Chủ tịch HĐQT, Trưởng ban kiểm soát (chuyên trách)	tr. đồng	1.218,42
1.2	Quỹ tiền lương của Ban điều hành	tr. đồng	2.782,34
2.	Kế hoạch thù lao Hội đồng quản trị, Ban KS	tr. đồng	696,00
	Thành viên HĐQT (không chuyên trách)	đ/người/tháng	8.000.000
	Thành viên BKS (không chuyên trách)	đ/người/tháng	6.000.000
	Mức thù lao trên không bao gồm tiền lương, thu nhập của các chức vụ kiêm nhiệm tại công ty.		

b) Ủy quyền cho Hội đồng quản trị xem xét, quyết định điều chỉnh các chỉ tiêu kế hoạch theo tình hình thực tế tại đơn vị, đồng thời báo cáo kết quả thực hiện tại phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên gần nhất.

c) Ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định tạm ứng cổ tức năm 2026 tùy vào tình hình sản xuất kinh doanh tại đơn vị.

8. Lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026

- a) Thông qua danh sách các đơn vị kiểm toán theo đề xuất của Ban kiểm soát để thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026 tại Công ty gồm:
- Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam (AFC).
 - Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS).
 - Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học Moore AISC.
- b) Ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn Công ty Kiểm toán có đủ năng lực, trình độ và đội ngũ kiểm toán viên chuyên nghiệp theo Danh sách đơn vị kiểm toán nêu trên để thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính Công ty.

9. Ký kết Hợp đồng giao dịch với Người có liên quan

- a) Thông qua ký kết các hợp đồng, giao dịch của Công ty với Tổng công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH Một thành viên (Cổ đông sở hữu 51% tổng số cổ phần biểu quyết của TDW - Công ty mẹ).
- b) Ủy quyền cho Hội đồng quản trị xem xét, quyết định giá mua bán sỉ nước sạch năm 2026 và đơn giá mua bán sỉ nước sạch năm 2027 cho đến ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm tiếp theo.
- c) Giám đốc công ty ký Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch sau khi được sự phê chuẩn của Hội đồng quản trị về đơn giá mua bán sỉ.
- d) Hội đồng quản trị báo cáo kết quả thực hiện trên trong phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm tiếp theo.

10. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty

Stt	Nội dung quy định tại Điều lệ hiện hành	Nội dung quy định tại Điều lệ sau sửa đổi, bổ sung
1.	<p>Khoản 3 Điều 2</p> <p>Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty</p> <p>3. Trụ sở đăng ký của Công ty:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Địa chỉ trụ sở chính: 08 Khổng Tử, phường Bình Thọ, TP. Thủ Đức, TP.HCM - Điện thoại: 19001012 - Fax: 028.3896 0241 - E-mail: cntd@capnuocthuduc.vn - Website: www.thuducwater.vn 	<p>Khoản 3 Điều 2</p> <p>Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty</p> <p>3. Trụ sở đăng ký của Công ty:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Địa chỉ trụ sở chính: 08 Khổng Tử, phường Thủ Đức, TP. HCM - Điện thoại: 19001012 - E-mail chính: cntd@capnuocthuduc.vn E-mail phụ: thuduc@sawaco.com.vn - Website chính: www.thuducwater.vn

Stt	Nội dung quy định tại Điều lệ hiện hành	Nội dung quy định tại Điều lệ sau sửa đổi, bổ sung
		Website phụ: https://thuduc.sawaco.com.vn
2.	<p>Khoản 4 Điều 25 Ứng cử, đề cử thành viên HĐQT 4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp, Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 và Điều lệ công ty. </p>	<p>Khoản 4 Điều 25 Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị 4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 và điều kiện theo quy định tại Điều 275 Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020, được sửa đổi bổ sung bởi khoản 78 Điều 1 Nghị định số 245/2025/NĐ-CP của Chính Phủ ngày 11/9/2025 và Điều lệ công ty. </p>
3.	<p>Khoản 3 Điều 26 Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị .. 3. Cơ cấu thành viên HĐQT như sau: Cơ cấu Hội đồng quản trị của công ty phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị. </p>	<p>Khoản 3 Điều 26 Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị 3. Cơ cấu thành viên HĐQT như sau: ❖ Số lượng thành viên Hội đồng quản trị không điều hành của công ty đại chúng phải đảm bảo quy định sau: a) Có tối thiểu 01 thành viên không điều hành trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 03 đến 05 thành viên; b) Có tối thiểu 02 thành viên không điều hành trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 06 đến 08 thành viên; c) Có tối thiểu 03 thành viên không điều hành trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 09 đến 11 thành viên. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.</p>

Người đại diện theo pháp luật (Giám đốc của Công ty) ký ban hành Điều lệ sửa đổi, bổ sung theo quy định.

Điều 2. Kết quả bầu bổ sung thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2022 – 2027

Không lựa chọn được thành viên Hội đồng quản trị (thành viên độc lập) do không có ứng viên được đề cử, ứng cử.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua toàn văn tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày được thông qua.
2. Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc và Cổ đông chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- SGDCK TP.HCM;
- Lưu: VT,HDQT.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA**

VŨ PHƯƠNG THẢO

**THUDUC
WATER**



TỔNG CÔNG TY CẤP NƯỚC SÀI GÒN
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THỦ ĐỨC



TÀI LIỆU
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN
NĂM 2026



Tháng 04 năm 2026

CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026

I. THỜI GIAN VÀ ĐỊA ĐIỂM

- **Thời gian:** 08h30, Thứ tư ngày 22 tháng 04 năm 2026.
- **Địa điểm:** Trung tâm Hội nghị Minh Thủy - Địa chỉ: số 01 - 02A đường Alexandre De Rhodes, phường Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

Thời gian	Nội dung
08:30 – 09:00	Cổ đông đăng ký dự họp
09:00 – 09:20	Khai mạc Đại hội: <ul style="list-style-type: none">• Báo cáo kiểm tra tư cách đại biểu tham dự Đại hội;• Tuyên bố lý do, giới thiệu Chủ tọa;• Thông qua Quy chế làm việc; Quy chế bầu cử (nếu có).• Chủ tọa giới thiệu và thông qua danh sách Chủ tọa đoàn, Ban Kiểm phiếu;• Thông qua chương trình Đại hội;
09:20 – 10:00	Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám Đốc trình bày các nội dung sau: <ul style="list-style-type: none">• Báo cáo kết quả hoạt động năm 2025 của Ban Giám đốc và định hướng hoạt động năm 2026;• Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2025 và Kế hoạch hoạt động năm 2026;• Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2025 và Kế hoạch hoạt động năm 2026;
	Các nội dung từ trình Đại hội: <ul style="list-style-type: none">• Tờ trình Báo cáo Tài chính năm 2025 của Công ty đã kiểm toán;• Tờ trình Kết quả thực hiện kế hoạch tài chính và Phương án phân phối lợi nhuận;• Tờ trình Quỹ tiền lương thực hiện của Người quản lý; Thù lao HĐQT, BKS năm 2025;• Tờ trình Kế hoạch SXKD, Kế hoạch tài chính, Quỹ tiền lương của Người quản lý, Thù lao của HĐQT, BKS năm 2026; tạm ứng cổ tức năm 2026;• Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026;

Thời gian	Nội dung
	<ul style="list-style-type: none"> • Tờ trình giao dịch với bên có liên quan; • Tờ trình sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty; • Tờ trình Bầu bổ sung Thành viên độc lập HĐQT nhiệm kỳ 2022 – 2027 • Nội dung khác (nếu có).
10:00 – 10:15	Đại hội thảo luận
10:15 – 10:20	Hướng dẫn biểu quyết và Biểu quyết thông qua các báo cáo và tờ trình
10:20 – 10:35	Nghỉ giải lao - Kiểm phiếu biểu quyết
10:35 – 10:40	Công bố kết quả kiểm phiếu biểu quyết
10:40 – 10:45	Hướng dẫn bầu cử và tiến hành bầu cử bổ sung Thành viên độc lập HĐQT nhiệm kỳ 2022 – 2027
10:45 – 11:00	Kiểm phiếu và công bố kết quả kiểm phiếu bầu cử
11:00 – 11:05	Ban Thư ký đọc dự thảo Biên bản họp và Nghị quyết ĐHĐCĐ; Đại hội biểu quyết thông qua nội dung Biên bản họp và Nghị quyết ĐHĐCĐ.
11:05 – 11:10	Tuyên bố bế mạc Đại Hội.

QUY CHẾ LÀM VIỆC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026 CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THỦ ĐỨC

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17/6/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức;
- Quy chế nội bộ về quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức.

Nhằm đảm bảo Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức diễn ra thành công tốt đẹp, Hội đồng quản trị xây dựng quy chế, nguyên tắc làm việc, ứng xử, biểu quyết trong Đại hội như sau:

Điều 1. Mục đích

- Đảm bảo trình tự, nguyên tắc ứng xử, biểu quyết tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2026 của Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức diễn ra đúng quy định và thành công tốt đẹp.
- Các nghị quyết của ĐHĐCĐ thể hiện ý chí thống nhất của ĐHĐCĐ, đáp ứng nguyện vọng quyền lợi của cổ đông và đúng pháp luật.

Điều 2. Đối tượng và phạm vi

- **Đối tượng áp dụng:** Tất cả các cổ đông, người đại diện (người được ủy quyền) của cổ đông đang sở hữu cổ phiếu Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức và khách mời tham dự ĐHĐCĐ thường niên năm 2026 của Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức đều phải chấp hành, tuân thủ các quy định tại Quy chế này, Điều lệ Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức và quy định hiện hành của pháp luật.

- **Phạm vi áp dụng:** Quy chế này được sử dụng cho việc tổ chức họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2026 của Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức.

Điều 3. Giải thích thuật ngữ/từ viết tắt

- TDW : Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức
- HĐQT : Hội đồng quản trị
- BKS : Ban Kiểm soát

- BTC : Ban tổ chức Đại hội
- ĐHĐCĐ : Đại hội đồng cổ đông
- Đại biểu : Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông (*người được ủy quyền*)
- Đại hội : Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông
- Bỏ phiếu điện tử : Là việc Đại biểu sử dụng các thiết bị có kết nối Internet và thực hiện việc biểu quyết/bầu cử thông qua hệ thống Bỏ phiếu điện tử do TDW quy định và thông báo cho đại biểu tại thời điểm đại biểu đăng ký tham dự Đại hội.
- Hệ thống bỏ phiếu điện tử : Là hệ thống được TDW sử dụng và cung cấp cho Đại biểu các công cụ để thực hiện các quyền liên quan khi tham dự ĐHĐCĐ.

Điều 4. Điều kiện tiến hành Đại hội đồng cổ đông

- Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số đại biểu dự họp đại diện trên 65% tổng số phiếu biểu quyết.

- Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều 19 Điều lệ TDW thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.

- Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều 19 Điều lệ TDW thì thông báo mời họp lần thứ ba được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

Lưu ý: Tỷ lệ cổ đông dự họp ĐHĐCĐ theo hình thức trực tiếp và bỏ phiếu điện tử được xác định khi đại biểu có mặt trực tiếp tại địa điểm tổ chức ghi trên thông báo mời họp và thực hiện đăng ký tham dự với ban tổ chức đại hội.

Điều 5. Điều kiện Đại biểu tham gia Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026

- Tất cả cổ đông của TDW theo danh sách chốt ngày 19/03/2026 đều có quyền tham dự hoặc ủy quyền cho đại diện của mình tham dự ĐHĐCĐ, có thể trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền cho đại diện của mình tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện được ủy quyền theo quy định của pháp luật được cử tham dự thì phải xác định cụ thể số cổ phần của mỗi người đại diện.

- Đại biểu đến tham dự Đại hội cần xuất trình bản gốc CCCD/ Thẻ căn cước/Hộ chiếu/ Định danh điện tử mức độ 2 trên ứng dụng VNeID (đối với cá nhân), Bản sao GCNĐKDN/GPHĐ (đối với tổ chức), bản gốc Giấy ủy quyền (nếu thuộc trường hợp nhận ủy quyền tham dự Đại hội) và tài liệu khác như được yêu cầu tại Thông báo mời họp trước khi tham dự họp.

Điều 6. Khách mời tại Đại hội

- Là các chức danh quản lý của TDW, khách mời, thành viên trong BTC Đại hội không phải là cổ đông TDW nhưng được mời tham dự Đại hội.

- Khách mời không tham gia phát biểu tại Đại hội (*trừ trường hợp được Chủ tọa*

Đại hội mời, hoặc có đăng ký trước với BTC Đại hội và được Chủ tọa Đại hội đồng ý).

Điều 7. Đại biểu tham dự Đại hội phải tuân thủ các quy định sau

- Đúng giờ, trang phục lịch sự, trang trọng, tuân thủ việc kiểm tra an ninh (nếu có), giấy tờ tùy thân tại Điều 5 v...v... theo yêu cầu của Ban tổ chức Đại hội.
- Nhận hồ sơ tài liệu, giấy tờ phục vụ Đại hội tại bộ phận đón tiếp trước hội trường Đại hội.
- Đại biểu đến muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại Đại hội. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội để cho đại biểu đến muộn đăng ký tham dự; kết quả biểu quyết các vấn đề đã được tiến hành biểu quyết trước khi đại biểu đó đến tham dự sẽ không bị ảnh hưởng.
- Để điện thoại ở chế độ rung hoặc tắt máy, khi cần thì ra bên ngoài đàm thoại.
- Không hút thuốc lá, giữ trật tự trong phòng Đại hội.
- Tuân thủ các quy định của BTC, của Chủ tọa điều hành Đại hội.
- Trường hợp có đại biểu không tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp, quy định nói trên, Chủ tọa sau khi xem xét một cách cẩn trọng, có thể từ chối hoặc trục xuất đại biểu nói trên khỏi nơi diễn ra Đại hội để đảm bảo Đại hội diễn ra một cách bình thường theo chương trình kế hoạch.

Điều 8. Chủ tọa và Đoàn chủ tọa

- Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập.
- Đoàn chủ tọa bao gồm 01 Chủ tọa và các Thành viên. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
- Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa Đại hội theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trưởng Ban Kiểm soát điều hành để ĐHĐCĐ bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất sẽ làm Chủ tọa cuộc họp.
- Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp ĐHĐCĐ sẽ điều hành để ĐHĐCĐ bầu Chủ tọa cuộc họp và người có phiếu bầu cao nhất được cử làm Chủ tọa cuộc họp.
- Chủ tọa có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết để điều hành cuộc họp một cách hợp lý, có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.
- Nhiệm vụ của Đoàn Chủ tọa:
 - + Điều hành Đại Hội theo đúng nội dung chương trình nghị sự, các thể lệ quy chế đã được Đại Hội thông qua.
 - + Phân công, giới thiệu đại diện thành viên HĐQT, BKS TDW trình bày các báo cáo tại Đại hội;
 - + Giới thiệu thành phần Ban kiểm phiếu để Đại hội biểu quyết;
 - + Giới thiệu thành phần Đoàn chủ tọa để Đại hội biểu quyết (nếu có);
 - + Hướng dẫn Đại hội thảo luận, lấy ý kiến biểu quyết các vấn đề nằm trong nội

dung chương trình nghị sự của Đại hội và các vấn đề có liên quan trong suốt quá trình Đại hội.

- + Trả lời và ghi nhận những vấn đề thuộc nội dung chương trình đã được Đại hội thông qua;
- + Giải quyết các vấn đề nảy sinh trong suốt quá trình Đại hội.
- + Phê chuẩn, ban hành các văn bản, kết quả, biên bản, nghị quyết của Đại hội sau khi kết thúc Đại hội.
- + Chủ tọa làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ và quyết định theo đa số.

Điều 9. Ban kiểm tra tư cách đại biểu

- Ban kiểm tra tư cách đại biểu của Đại hội bao gồm 01 Trưởng ban và các thành viên, chịu trách nhiệm trước Đoàn Chủ tọa, ĐHĐCĐ về nhiệm vụ của mình. Ban kiểm tra tư cách đại biểu do Chủ tọa giới thiệu.

- Nhiệm vụ:
 - + Kiểm tra tư cách và tình hình cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông đến dự họp.
 - + Báo cáo trước ĐHĐCĐ về kết quả kiểm tra tư cách cổ đông trước khi ĐHĐCĐ chính thức tiến hành.
 - + Phối hợp với Ban kiểm phiếu để hướng dẫn, hỗ trợ và giám sát biểu quyết.

Điều 10. Ban Thư ký

- Ban Thư ký của Đại hội bao gồm 01 Trưởng ban và các thành viên, chịu trách nhiệm trước Đoàn Chủ tọa, ĐHĐCĐ về nhiệm vụ của mình và dưới sự điều hành của Đoàn Chủ tọa. Ban Thư ký Đại hội do Chủ tọa chỉ định.

- Nhiệm vụ:
 - + Tiếp nhận, rà soát phiếu đăng ký phát biểu các ý kiến của các cổ đông, chuyển Đoàn Chủ tọa quyết định;
 - + Ghi chép Biên bản họp ĐHĐCĐ một cách đầy đủ, trung thực toàn bộ nội dung diễn biến Đại Hội và những vấn đề đã được các cổ đông thông qua hoặc còn lưu ý tại Đại Hội.
 - + Hỗ trợ Chủ tọa công bố dự thảo Biên bản họp Đại Hội và các Nghị quyết về các vấn đề đã được thông qua tại Đại Hội.

Điều 11. Ban kiểm phiếu

- Ban kiểm phiếu do Chủ tọa giới thiệu bao gồm 01 Trưởng Ban và các thành viên.

- Đại hội đồng cổ đông bầu/thông qua một hoặc một số người vào Ban Kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa cuộc họp. Số thành viên của Ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp. Các ứng viên tham gia ứng cử, đề cử (khi thực hiện bầu cử) không được tham gia vào Ban Kiểm phiếu.

- Nhiệm vụ:

- + Ban kiểm phiếu phải lập Biên bản kiểm phiếu và chịu trách nhiệm trước Đoàn Chủ tọa, ĐHĐCĐ khi thực hiện nhiệm vụ của mình.
- + Xác định chính xác kết quả biểu quyết về từng vấn đề xin biểu quyết tại Đại hội.
- + Nhanh chóng thông báo kết quả biểu quyết cho thư ký.
- + Xem xét và báo cáo Đại hội những trường hợp vi phạm thể lệ biểu quyết hoặc đơn thư khiếu nại về kết quả biểu quyết.

Điều 12. Thảo luận tại Đại hội

1. Nguyên tắc

- Việc thảo luận chỉ được thực hiện trong thời gian quy định và thuộc phạm vi các vấn đề trình bày trong chương trình nội dung ĐHĐCĐ;
- Chỉ có Đại biểu mới được tham gia thảo luận;
- Đại biểu có ý kiến đăng ký nội dung thảo luận theo hình thức quy định như sau:
 - + Đại biểu tham dự Đại hội khi muốn phát biểu ý kiến phải được sự đồng ý của Chủ tọa Đại hội. Đại biểu phát biểu ngắn gọn và tập trung vào đúng những nội dung trọng tâm cần trao đổi, phù hợp với nội dung chương trình đã được Đại hội thông qua hoặc gửi ý kiến bằng văn bản cho Thư ký Đại hội tổng hợp báo cáo Chủ tọa.
 - + Ban Thư ký Đại hội sẽ sắp xếp các nội dung câu hỏi của Đại biểu và chuyển lên cho Chủ tọa.
 - + Trường hợp do giới hạn về thời gian tổ chức, các câu hỏi chưa được trả lời trực tiếp tại Đại hội sẽ được TDW trả lời bằng các hình thức khác thích hợp

2. Giải đáp ý kiến của các Đại biểu

- Trên cơ sở Phiếu đặt câu hỏi của Đại biểu, chủ tọa hoặc thành viên do chủ tọa chỉ định sẽ giải đáp ý kiến Đại biểu;
- Trường hợp do giới hạn về thời gian tổ chức, các câu hỏi chưa được trả lời trực tiếp tại Đại hội sẽ được TDW trả lời sau bằng các hình thức khác.

Điều 13. Biểu quyết tại Đại hội

1. Nguyên tắc

- Tất cả các vấn đề trong chương trình và nội dung họp của Đại hội đều phải được ĐHĐCĐ thảo luận và biểu quyết công khai.
- Đại biểu thực hiện đăng ký tham dự tại địa điểm họp được ghi trong Thông báo mời họp đã gửi đến tất cả các cổ đông có tên trong danh sách chốt cổ đông ngày 19/03/2026. Sau khi thực hiện đăng ký tham dự với ban tổ chức đại hội, đại biểu được cấp tài khoản và mật khẩu để tiến hành đăng nhập, thực hiện biểu quyết tất cả các nội dung được đưa ra biểu quyết tại Đại hội theo hình thức bỏ phiếu điện tử tại đường link: www.ezgsm.fpts.com.vn.
- Nếu đại biểu gặp khó khăn trong quá trình đăng nhập và biểu quyết/ bầu cử, BTC đại hội sẽ cung cấp, hỗ trợ về mặt kỹ thuật và hướng dẫn đại biểu thực hiện. Đại biểu kiểm tra kỹ thông tin và chịu trách nhiệm đối với ý kiến biểu quyết của mình.

2. Bỏ phiếu điện tử

- Cách thức bỏ phiếu biểu quyết:
 - + Đại biểu chọn lựa một trong ba phương án biểu quyết “Tán thành”, “Không tán thành” hoặc “Không có ý kiến” với mỗi vấn đề được đưa ra biểu quyết tại Đại hội đã được cài đặt tại hệ thống bỏ phiếu điện tử.
 - + Sau đó, Đại biểu tiến hành xác nhận biểu quyết để hệ thống bỏ phiếu điện tử ghi nhận kết quả.
- Một số quy định khác khi thực hiện bỏ phiếu điện tử:
 - + Trường hợp Đại biểu không thực hiện hết các vấn đề biểu quyết theo nội dung chương trình Đại hội thì các vấn đề chưa được biểu quyết được xem như Đại biểu không tiến hành bỏ phiếu biểu quyết vấn đề đó.
 - + Trường hợp phát sinh các vấn đề ngoài chương trình đại hội đã gửi, Đại biểu có thể biểu quyết bổ sung. Nếu Đại biểu không thực hiện biểu quyết với những vấn đề phát sinh thì xem như Đại biểu không tiến hành bỏ phiếu biểu quyết vấn đề phát sinh đó.
 - + Đại biểu có thể thay đổi kết quả biểu quyết (nhưng không thể hủy kết quả biểu quyết); bao gồm cả kết quả biểu quyết bổ sung những vấn đề phát sinh ngoài chương trình Đại hội. Hệ thống trực tuyến chỉ ghi nhận kiểm phiếu đối với kết quả biểu quyết cuối cùng tại thời điểm kết thúc bỏ phiếu điện tử của từng đợt kiểm phiếu được quy định trong quy chế làm việc của đại hội.
- Thời gian bỏ phiếu điện tử cho các vấn đề cần được biểu quyết tại Đại hội (gồm: Chương trình Đại hội; Quy chế làm việc tại Đại hội; Quy chế bầu cử; thông qua Đoàn Chủ tọa, Ban kiểm phiếu; Báo cáo và các Tờ trình; Biên bản và Nghị quyết đại hội): Đại biểu thực hiện biểu quyết từ lúc hoàn tất thủ tục đăng ký dự họp đến trước khi BTC thông báo kết thúc thời gian bỏ phiếu điện tử cho các nội dung biểu quyết.

Kết thúc thời gian bỏ phiếu, hệ thống không ghi nhận thêm kết quả bỏ phiếu điện tử từ Đại biểu.

3. Thẻ lệ biểu quyết

- Cứ 01 (một) cổ phần tương đương với một quyền biểu quyết. Mỗi đại biểu tham dự đại diện cho một hoặc nhiều quyền biểu quyết.
- Tại ngày chốt danh sách cổ đông (ngày 19/03/2026) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của TDW là: 8.500.000 cổ phần tương đương với 8.500.000 quyền biểu quyết.
- Điều kiện thông qua các nội dung tại Đại hội căn cứ theo quy định tại Điều lệ Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức.

Lưu ý:

- + Cổ đông/đại diện ủy quyền có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết đối với các hợp đồng và giao dịch có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản TDW ghi trong báo cáo tài chính gần nhất; các hợp đồng hoặc giao dịch này chỉ được chấp thuận khi có số cổ đông/ đại diện ủy quyền chiếm từ 65% tổng số phiếu biểu quyết còn lại tán thành (theo Khoản 4, Điều 167, Luật Doanh nghiệp 2020).
- + Cổ đông/ đại diện ủy quyền cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu

quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó không có quyền biểu quyết đối với các hợp đồng và giao dịch có giá trị lớn hơn 10% (tổng giá trị tài sản TDW ghi trong báo cáo tài chính gần nhất) với cổ đông đó (theo Điều b, Khoản 3 và Khoản 4, Điều 167 Luật Doanh nghiệp 2020).

4. Ghi nhận kết quả biểu quyết

Ban kiểm phiếu sẽ kiểm tra, tổng hợp và báo cáo Chủ tọa kết quả kiểm phiếu của từng vấn đề theo nội dung chương trình Đại hội. Kết quả kiểm phiếu sẽ được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

Điều 14. Biên bản, Nghị Quyết họp Đại hội đồng cổ đông

Tất cả các nội dung tại Đại Hội Đồng Cổ Đông phải được Thư ký Đại Hội ghi vào Biên bản họp Đại Hội đồng cổ đông. Biên bản họp Đại Hội đồng cổ đông phải được đọc và thông qua trước khi bế mạc Đại Hội.

Điều 15. Thi hành Quy chế

- Tất cả các đại biểu, người đại diện, khách mời tham dự Đại hội có trách nhiệm tuân thủ đầy đủ các nội dung đã quy định tại Quy chế này, các quy định, nội quy, quy chế quản lý hiện hành của TDW và các quy định pháp luật có liên quan.

- Người triệu tập ĐHĐCĐ có quyền:

- + Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh khác;
- + Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của Chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp ĐHĐCĐ.

Các nội dung không được quy định chi tiết tại quy chế này thì thống nhất áp dụng theo quy định tại Điều lệ TDW, Luật doanh nghiệp 2020 và các văn bản pháp luật hiện hành của Nhà nước.

Quy chế tổ chức này được đọc công khai trước Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 và có hiệu lực thi hành ngay khi Đại Hội Đồng Cổ Đông của Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức biểu quyết thông qua.

Cổ đông, đại diện theo ủy quyền và khách mời vi phạm Quy chế này thì tùy theo mức độ cụ thể Đoàn Chủ tọa sẽ xem xét và có hình thức xử lý theo Điều lệ TDW và Luật Doanh nghiệp.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT**

VŨ PHƯƠNG THẢO

QUY CHẾ ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU CỬ THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NHIỆM KỲ 2022 – 2027

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17/6/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức;
- Quy chế nội bộ về quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức.

Ban Kiểm phiếu Đại hội công bố Quy chế đề cử, ứng cử, bầu cử thành viên độc lập Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức như sau:

I. GIẢI THÍCH THUẬT NGỮ/TỪ NGỮ VIẾT TẮT:

- TDW : Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức
- HĐQT : Hội đồng quản trị
- ĐHĐCĐ : Đại hội đồng cổ đông
- Đại biểu : Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông (người được ủy quyền)
- Đại hội : Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông
- Bỏ phiếu điện tử : Là việc Đại biểu sử dụng các thiết bị có kết nối Internet và thực hiện việc biểu quyết/bầu cử thông qua hệ thống Bỏ phiếu điện tử do TDW quy định và thông báo cho đại biểu tại thời điểm đại biểu đăng ký tham dự Đại hội.
- Hệ thống bỏ phiếu điện tử : Là hệ thống được TDW sử dụng và cung cấp cho Đại biểu các công cụ để thực hiện các quyền liên quan khi tham dự ĐHĐCĐ.

II. CHỦ TỌA TẠI ĐẠI HỘI

Chủ tọa tại đại hội có trách nhiệm chủ trì việc bầu cử với những việc cụ thể là:

- Giới thiệu danh sách đề cử và ứng cử vào HĐQT;

- Giám sát việc bỏ phiếu, kiểm phiếu;
- Giải quyết các khiếu nại về cuộc bầu cử (nếu có)

III. QUY CHẾ ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ HĐQT

- Số lượng thành viên HĐQT: 02 người
- Nhiệm kỳ: Thời gian còn lại của NK 2022 – 2027.
- Số lượng ứng cử viên HĐQT tối đa: không hạn chế

1. Quyền đề cử, ứng cử HĐQT: (theo Điều 28 Điều lệ công ty)

Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền gộp số quyền biểu quyết đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 65% trở lên được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên.

Ứng cử viên được đề cử phải có đủ các tiêu chuẩn nêu tại mục 2 dưới đây.

Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

2. Tiêu chuẩn ứng cử viên tham gia HĐQT: Ứng cử viên tham gia HĐQT phải có đầy đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây (theo Điều 46 Điều lệ Công ty; Điều 155 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, Nghị định số 155/2020/NĐ-CP và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành)

- Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng quy định tại Khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14;
- Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc lĩnh vực ngành nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.
- Thành viên Hội đồng quản trị của một công ty đại chúng chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên tại tối đa 05 công ty khác.
- Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định của pháp luật.

IV. NGUYÊN TẮC BẦU CỬ

- Thực hiện đúng theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
- Bầu cử công khai bằng hình thức bỏ phiếu thông qua Hệ thống bỏ phiếu điện tử do Công ty quy định tại Quy chế làm việc tại ĐHQĐ.
- Quyền bầu cử được tính theo số cổ phần sở hữu, đại diện sở hữu. Kết quả bầu cử được tính trên số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông dự họp và tham gia biểu quyết tại cuộc họp.

- Mỗi lần bầu cử, một đại biểu cổ đông chỉ được sử dụng một phiếu bầu tương ứng với số cổ phần sở hữu, đại diện sở hữu.
- Ban kiểm phiếu do Chủ tọa đoàn đề cử và được đại hội thông qua. Thành viên ban kiểm phiếu không được có tên trong danh sách đề cử và ứng cử vào Hội đồng quản trị.

V. PHƯƠNG THỨC BẦU CỬ

- Phương thức bầu cử: *(Theo Khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp 2020)*
 - + Thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu: theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của HĐQT.
 - + Đại biểu tham dự có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.
 - + Đại biểu tham dự truy cập vào hệ thống bỏ phiếu điện tử và tiến hành việc bầu cử của mình (lưu ý Đại biểu thực hiện bỏ phiếu trong thời gian bỏ phiếu điện tử được quy định cụ thể tại Quy chế làm việc).
 - + Trong trường hợp có sự lựa chọn nhầm lẫn: Đại biểu tham dự truy cập vào hệ thống bỏ phiếu điện tử và thực hiện lại việc bầu cử của mình (lưu ý Đại biểu thực hiện bỏ phiếu trong thời gian bỏ phiếu điện tử được quy định cụ thể tại Quy chế làm việc).

VI. PHIẾU BẦU CỬ

- Phiếu bầu cử (phiếu bầu) là Phiếu bầu cử được Công ty cung cấp cho Đại biểu thông qua hệ thống bỏ phiếu điện tử.
- Cách chọn Phiếu bầu cử HĐQT:
 - + Đại biểu bầu số ứng viên tối đa bằng số thành viên cần bầu;
 - + Nếu bầu dồn toàn bộ số phiếu cho một hoặc chia đều toàn bộ số phiếu cho các ứng viên, đại biểu đánh dấu vào ô “Bầu dồn đều phiếu” của các ứng viên tương ứng.
 - + Nếu bầu số phiếu không đều nhau cho từng ứng viên, đại biểu ghi rõ số phiếu bầu vào ô “Số phiếu bầu” của các ứng viên tương ứng.

Lưu ý:

Trong trường hợp đại biểu vừa đánh dấu vào ô **“Bầu dồn đều phiếu”** vừa ghi số lượng ở ô số phiếu bầu thì kết quả lấy theo số lượng phiếu ở ô **“Số phiếu bầu”**.

- Các phiếu bầu sau đây sẽ được coi là không hợp lệ:
 - + Số ứng viên mà đại biểu bầu lớn hơn số lượng thành viên cần bầu;
 - + Phiếu có tổng số phiếu bầu cho các ứng cử viên của các đại biểu không bằng tổng số phiếu được phép bầu;
- Trong trường hợp có sự sai sót, cổ đông có thể thay đổi kết quả bầu cử (nhưng không thể hủy kết quả bầu cử); bao gồm cả kết quả bầu cử bổ sung những vấn đề phát sinh ngoài chương trình Đại hội. Hệ thống trực tuyến chỉ ghi nhận kiểm

phiếu đối với kết quả bầu cử cuối cùng tại thời điểm kết thúc bỏ phiếu điện tử của từng đợt kiểm phiếu được quy định trong quy chế làm việc của đại hội

- Sau khi việc bỏ phiếu kết thúc, hệ thống sẽ tự ghi nhận kết thúc kiểm phiếu.

Ban kiểm phiếu có trách nhiệm lập biên bản kiểm phiếu, công bố kết quả và cùng với chủ toạ đoàn giải quyết các thắc mắc, khiếu nại của cổ đông (nếu có).

VII. NGUYÊN TẮC TRÚNG CỬ LỰA CHỌN CÁC ỨNG CỬ VIÊN

- Người trúng cử được xác định theo số phiếu được bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên cần bầu.

- Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu được bầu như nhau cho thành viên cuối cùng thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu được bầu ngang nhau.

- Nếu kết quả bầu cử lần một không đủ số lượng cần bầu thì sẽ được tiến hành bầu cử cho đến khi bầu đủ số lượng thành viên cần bầu.

VIII. HỒ SƠ THAM GIA ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ ĐỀ BẦU VÀO HĐQT

Hồ sơ tham gia ứng cử, đề cử đề bầu vào HĐQT bao gồm:

- Đơn xin ứng cử/đề cử đề bầu vào HĐQT (theo mẫu).
- Sơ yếu lý lịch (theo mẫu).
- Bản sao hợp lệ các giấy tờ sau: CCCD/căn cước/Hộ chiếu.
- Các bằng cấp chứng nhận trình độ văn hóa và trình độ chuyên môn (nếu có).
- Các giấy tờ khác theo quy định tại Thông báo bầu cử.

Người đề cử vào HĐQT phải chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Đại hội đồng cổ đông về tính chính xác, trung thực về nội dung trong hồ sơ của mình.

Hồ sơ xin gửi về Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức trước **16 giờ 00 ngày 10 tháng 04 năm 2026** theo địa chỉ sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THỦ ĐỨC

Địa chỉ: Số 8 Khổng Tử, Phường Thủ Đức, TP Hồ Chí Minh.

Điện thoại: 19001012

Trên đây là toàn bộ quy chế ứng cử đề cử bầu vào Hội đồng quản trị tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức, kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Quy chế này có hiệu lực ngay sau khi được ĐHĐCĐ Công ty biểu quyết thông qua.

**T/M. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

VŨ PHƯƠNG THẢO

TỔNG CÔNG TY CẤP NƯỚC SÀI GÒN
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THỦ ĐỨC

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026



**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC
VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NĂM 2025 VÀ
ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2026**



Tháng 04 năm 2026

PHẦN I | KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2025

I. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2025

1. Phân tích tổng quan về hoạt động năm 2025

▪ Thuận lợi:

Trong bối cảnh địa bàn quản lý tiếp tục có tốc độ đô thị hóa nhanh, nhiều dự án hạ tầng kỹ thuật, chỉnh trang đô thị và phát triển khu dân cư được triển khai đồng bộ, nhu cầu sử dụng nước sạch ngày càng gia tăng, đặt ra yêu cầu cao hơn về việc đảm bảo cung cấp nước an toàn, liên tục và nâng cao chất lượng dịch vụ.

Trước yêu cầu đó, Công ty đã chủ động đổi mới phương thức quản lý, tăng cường ứng dụng công nghệ trong quản lý vận hành, nâng cao hiệu quả điều hành sản xuất – kinh doanh; đồng thời triển khai đồng bộ các giải pháp trong quản lý mạng lưới, kiểm soát và giảm thất thoát nước, tiết kiệm chi phí, phát triển khách hàng và gia tăng sản lượng tiêu thụ nước sạch.

Với sự nỗ lực và quyết tâm của Ban lãnh đạo cùng toàn thể cán bộ, công nhân viên, Công ty đã cơ bản hoàn thành các chỉ tiêu, nhiệm vụ được giao trong năm 2025. Kết quả đạt được không chỉ đáp ứng yêu cầu quản lý của Tổng Công ty mà còn góp phần nâng cao chất lượng dịch vụ cấp nước, đảm bảo cung cấp nước an toàn, ổn định cho người dân và doanh nghiệp trên địa bàn quản lý.

Trong quá trình hoạt động, Công ty tiếp tục nhận được sự quan tâm, chỉ đạo và hỗ trợ của Đảng ủy, Ban Tổng Giám đốc cùng các phòng, ban chức năng của Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH Một thành viên; đồng thời có sự phối hợp chặt chẽ của chính quyền địa phương trong công tác khảo sát các khu vực chưa được cấp nước, cấp phép thi công, xử lý các trường hợp gian lận sử dụng nước, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý mạng lưới cấp nước trên địa bàn.

Bên cạnh đó, Đảng ủy, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty luôn quan tâm đến đời sống người lao động, thu nhập và các chế độ, chính sách được duy trì, ổn định, minh bạch, tạo môi trường làm việc đoàn kết, gắn bó; qua đó góp phần nâng cao tinh thần trách nhiệm và hiệu quả công việc của đội ngũ cán bộ, công nhân viên.

▪ Khó khăn:

Trong năm 2025, hoạt động của Công ty cũng chịu tác động bởi tốc độ đô thị hóa nhanh trên địa bàn và việc triển khai đồng thời nhiều công trình hạ tầng kỹ thuật, công trình ngầm chưa đồng bộ. Việc thay đổi cao độ mặt đường và điều kiện thi công thực tế đã làm một số tuyến ống cấp nước bị chôn sâu hơn so với thiết kế ban đầu, gây khó khăn cho công tác quản lý mạng lưới, dò tìm rò rỉ và xử lý sự cố.

Bên cạnh đó, hoạt động thi công của các đơn vị khác trên cùng địa bàn tiềm ẩn nguy cơ tác động đến hệ thống ống cấp nước, làm phát sinh các sự cố xì bể và khối lượng sửa chữa đột xuất. Điều này ảnh hưởng nhất định đến công tác kiểm soát thất thoát nước, tiến độ khắc phục sự cố cũng như chi phí vận hành của Công ty.

Những yếu tố trên đã đặt ra yêu cầu Công ty phải tiếp tục nâng cao năng lực quản lý vận hành mạng lưới, chủ động phối hợp với các đơn vị liên quan trong quá trình thi công hạ

tăng kỹ thuật, đồng thời tăng cường các giải pháp kỹ thuật nhằm kiểm soát thất thoát nước và đảm bảo an toàn hệ thống cấp nước trên địa bàn.

2. Tổ chức và nhân sự

2.1. Danh sách và lý lịch Ban điều hành (tính đến 31/12/2025)

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Trình độ	Năm sinh	Ngày bổ nhiệm	Tỷ lệ cổ phần sở hữu
1	Nguyễn Công Minh	TV.HĐQT - Giám đốc	Kỹ sư Xây dựng; Kỹ sư cấp thoát nước	1973	26/4/2022	- Đại diện 1.083.750 cổ phần của Tổng công ty Cấp nước Sài Gòn tại TDW, chiếm tỷ lệ 12,75%. - Sở hữu 800 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,01%.
2	Phạm Huỳnh Bá Đạt	Phó giám đốc	Kỹ sư XD Dân dụng và Công nghiệp	1973	08/9/2022	0%
3	Trần Hưng Thành	Phó giám đốc	Thạc sĩ Kỹ thuật, Kỹ sư Xây dựng	1977	17/5/2023	0%
4	Nguyễn Công Thành	Phó giám đốc	Cử nhân Kinh tế	1976	01/6/2023	0%
5	Cao Hữu Lộc	Kế toán trưởng	Thạc sĩ kinh tế	1976	11/6/2025	0%

2.2. Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động

2.2.1. Số lượng cán bộ, nhân viên

Tổng số cán bộ, nhân viên: 467 người

Stt	Tính chất phân loại	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
A	Theo trình độ	467	100
1	Trình độ Đại học và trên Đại học	203	44
2	Trình độ Cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp	86	18
3	Sơ cấp và Công nhân kỹ thuật	16	3
4	Lao động phổ thông	162	35
II	Theo đối tượng lao động	467	100
1	Lao động trực tiếp	179	38

Stt	Tính chất phân loại	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
2	Lao động gián tiếp	288	62
III	Theo giới tính	467	100
1	Nam	357	76
2	Nữ	110	24
IV	Theo thời hạn HĐLĐ	467	100
1	Hợp đồng ngắn hạn dưới 1 năm	-	-
2	Hợp đồng có thời hạn 1 đến 3 năm	56	12
3	Hợp đồng không xác định thời hạn	411	88
V	Theo cấp quản lý	467	100
1	Quản lý cấp cao	7	2
2	Quản lý cấp trung	33	7
3	Chuyên viên, nhân viên	427	91
VI	Theo độ tuổi	467	100
1	Từ 18 đến 25 tuổi	12	3
2	Từ 25 đến 36 tuổi	99	21
3	Từ 36 đến 45 tuổi	174	37
4	Trên 45 tuổi	182	39
Tổng cộng		467	100

2.2.2. Chính sách đối với người lao động

a) Chế độ làm việc

Sự an toàn trong quá trình làm việc của cán bộ công nhân viên luôn được Ban lãnh đạo đặt lên hàng đầu, vì vậy các trang thiết bị hỗ trợ và bảo vệ cho người lao động được Công ty lắp đặt, cung cấp đầy đủ. Bên cạnh đó, người lao động được khám sức khỏe định kỳ tại các bệnh viện uy tín do Công ty tổ chức.

Công ty thực hiện chế độ làm việc theo quy định của Luật Lao động 8 giờ/ngày, 5 ngày/tuần và bố trí thời gian nghỉ trưa thích hợp. Ngoài ra, Công ty cũng quan tâm đến đời sống tinh thần của người lao động thông qua việc phối hợp với Công đoàn tổ chức cho người lao động tham quan, du lịch hằng năm; Tổ chức các giải thi đấu thể thao, khuyến khích nhân viên tham gia rèn luyện để tăng cường sức khỏe.

b) Chính sách đào tạo

Nguồn nhân lực luôn là yếu tố cốt lõi trong quá trình hình thành và phát triển Công ty nên chất lượng đội ngũ nhân viên được Ban lãnh đạo quan tâm. Với mục tiêu nâng cao tay nghề, nâng cao nghiệp vụ công tác, năng suất làm việc của người lao động để hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh và nhiệm vụ chính trị tại đơn vị, Công ty luôn chú trọng đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ vững về chính trị, giỏi về chuyên môn nghiệp vụ.

Cử cán bộ, người lao động tham dự các lớp tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ, các lớp tuyên truyền về pháp luật và bồi dưỡng thi nâng bậc.

Để khuyến khích, tạo điều kiện cho cán bộ, công nhân lao động học tập, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, đáp ứng yêu cầu công tác, thời gian qua, Công ty đã xây dựng và ban hành quy chế đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn, tổ chức các khóa học ngắn hạn nhằm nâng cao kiến thức, kỹ năng làm việc, trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ, công nhân lao động, đáp ứng yêu cầu công tác và phù hợp với định hướng phát triển của Công ty. Việc tổ chức dự thi tay nghề được thực hiện đúng đối tượng, đúng thời hạn.

c) Chính sách lương, thưởng

Ban lãnh đạo tin rằng chỉ những nhân viên được chăm sóc toàn diện về vật chất và tinh thần thì mới có thể tạo ra sản phẩm, dịch vụ chất lượng cao và đáp ứng hiệu quả nhu cầu của khách hàng. Vì vậy, chính sách lương, thưởng luôn được Công ty chú trọng và thực hiện đúng quy định. Thêm vào đó, quy chế lương, thưởng được phân bổ theo quy định của Công ty sao cho phù hợp với năng lực, tiến độ, khối lượng công việc và công bằng, bình đẳng.

Bên cạnh đó, Công ty tổ chức đánh giá thi đua nhằm khen thưởng các cá nhân đạt thành tích tốt, thưởng đột xuất với các nhân viên hoàn thành nhiệm vụ xuất sắc.

d) Chính sách phúc lợi và chăm sóc người lao động

Chăm lo đầy đủ các chế độ, chính sách đối với người lao động là mối quan tâm hàng đầu của Ban lãnh đạo Công ty để người lao động yên tâm, gắn bó với công việc, phục vụ tốt công tác. Trong năm, 100% CB, CNLĐ được đóng bảo hiểm xã hội; bảo hiểm y tế; mua bảo hiểm nhân thọ, và đảm bảo khám sức khỏe định kỳ.

Thực hiện trang bị đồng phục và trang bị bảo hộ lao động, trang bị phương tiện làm việc cho người lao động.

Tổ chức thăm hỏi, tặng quà cho công nhân lao động có hoàn cảnh khó khăn, bố trí sắp xếp phòng nghỉ cho cán bộ, công nhân lao động trực sửa bể đêm.

Tạo sân chơi lành mạnh, bổ ích cho người lao động nhằm tái tạo sức lao động, tăng cường thể lực, sức khỏe thông qua các hoạt động Hội thao, các cuộc thi văn nghệ, viết bản tin nội bộ, ...

3. Kết quả hoạt động năm 2025

3.1. Kết quả sản xuất kinh doanh

Stt	Nội dung	Đvt	Thực hiện năm 2024	Kế hoạch năm 2025	Thực hiện năm 2025	Tỷ lệ % TH/KH
1	Nước cung cấp (qua ĐHN)	1000m ³	110.596,44	114.500	111.388,67	97,28
2	Doanh thu tiền nước (qua ĐHN)	tr. đồng	1.311.975	1.368.275	1.334.919	97,56
3	Tỷ lệ hộ dân được cấp nước sạch	%	100,00	100,00	100,00	100,00
4	Tỷ lệ nước thất thoát thất thu	%	10,14	11,20	9,85	-1,35

3.2. Đánh giá kết quả thực hiện

a) Sản lượng nước cung cấp

Đảm bảo cấp nước an toàn, liên tục, đúng áp lực và đạt chất lượng theo quy định tiếp tục được Công ty xác định là nhiệm vụ trọng tâm trong công tác quản lý vận hành. Trong năm 2025, Công ty tập trung rà soát, khắc phục các tồn tại trên mạng lưới, rút ngắn thời gian thi công sửa chữa sự cố và tăng cường kiểm tra hiện trường. Đồng thời, thực hiện kiểm tra hạ cở, thay thế các đồng hồ nước cũ, hoạt động bất thường hoặc đo đếm không chính xác; thay định kỳ các đồng hồ đến hạn nhằm đảm bảo độ chính xác trong đo đếm và kiểm soát tỷ lệ thất thoát nước.

Bên cạnh đó, Công ty tăng cường điều tiết áp lực tại các khu vực áp lực yếu; tổ chức cấp nước bằng xe bồn và hỗ trợ tiếp nước tại các bồn chứa đối với các khu vực chưa có mạng lưới hoặc trong thời gian xử lý sự cố, qua đó đảm bảo duy trì việc cấp nước ổn định cho người dân.

Cấp nước an toàn, liên tục và đảm bảo chất lượng, đáp ứng cho nhu cầu sản xuất kinh doanh và sinh hoạt của nhân dân trên địa bàn quản lý góp phần vào việc phát triển kinh tế - xã hội luôn được coi là nhiệm vụ trọng tâm hàng đầu của Công ty.

Kết quả thực hiện chỉ tiêu sản lượng nước tiêu thụ năm 2025 là 111.388.670 m³, đạt 97,28% so với kế hoạch năm 2025 và tăng 0,72% so với thực hiện năm 2024. Sản lượng 6 tháng đầu năm giảm **1,28%** so với cùng kỳ, trong khi 6 tháng cuối năm tăng **2,77%**, qua đó bù đắp phần suy giảm trong giai đoạn đầu năm. Về cơ cấu khách hàng, tiêu thụ sinh hoạt chiếm tỷ trọng lớn nhất (**73,37%**), tiếp theo là dịch vụ (**16,09%**), sản xuất (**7,39%**) và hành chính (**3,15%**). So với năm 2024, mức tăng trưởng chủ yếu đến từ nhóm dịch vụ (**+4,59%**) và hành chính (**+11,48%**), trong khi nhóm sản xuất giảm **4,62%** và nhóm sinh hoạt cơ bản ổn định (**-0,04%**). Nhìn chung, sản lượng tiêu thụ nước sạch năm 2025 duy trì xu hướng tăng nhẹ.

b) Doanh thu tiền nước

Trong năm 2025, tổng doanh thu của Công ty đạt 1.334,91 tỷ đồng, tăng 21,94 tỷ đồng (tương đương **+3,21%**) so với năm 2024. So với kế hoạch năm 2025, doanh thu thực hiện chỉ đạt 97,56%. Doanh thu bình quân đạt 111,24 tỷ đồng/tháng; trong đó doanh thu nửa cuối năm tăng 3,59% so với cùng kỳ, góp phần quan trọng vào mức tăng trưởng chung của cả năm. Doanh thu cao nhất ghi nhận trong tháng 4 (116 tỷ đồng) và thấp nhất trong tháng 2 (100 tỷ đồng), phản ánh sự biến động theo thời điểm và cơ cấu tiêu thụ nước trên địa bàn.

Trong năm, Công ty tiếp tục tăng cường công tác rà soát, kiểm tra lượng nước tiêu thụ và đối tượng sử dụng, kịp thời điều chỉnh giá biểu và định mức phù hợp với thực tế. Đồng thời, công tác hỗ trợ đăng ký và cấp định mức nước sinh hoạt cho khách hàng được chú trọng triển khai. Hỗ trợ chủ trương của Thành phố trong việc hỗ trợ công nhân, sinh viên thuê trọ giảm bớt khó khăn trong cuộc sống, trong năm 2025 Công ty đã thực hiện cấp định mức cho 14.059 hộ, tương ứng 236.013 nhân khẩu, với tổng sản lượng được cấp định mức 944.052 m³. Giá bán bình quân năm 2025 đạt 11.984,33 đồng/m³ đạt 100,29% so với kế hoạch năm 2025 và tăng 1,03% so với thực hiện năm 2024.

Nhằm tạo thuận lợi cho khách hàng trong việc thanh toán tiền nước, Công ty đã chủ động mở rộng hợp tác với các ngân hàng và tổ chức thu hộ, đa dạng hóa các kênh thanh

toán. Việc triển khai các hình thức thanh toán không dùng tiền mặt đã góp phần tăng tỷ lệ thực thu, giảm rủi ro trong công tác thu tiền. Đồng thời, Công ty tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và vận hành, như sử dụng phần mềm WASSpro và các phần mềm hỗ trợ đọc chỉ số nước ngoài hiện trường, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý khách hàng.

Bên cạnh đó, Công ty tăng cường các biện pháp quản lý doanh thu tiền nước, tổ chức nhắc nợ vào ngày thứ Bảy trong các đợt cao điểm. Nhờ sự phối hợp chặt chẽ giữa các phòng, ban chức năng, công tác thu tiền và tỷ lệ thực thu luôn duy trì ở mức cao, góp phần đảm bảo nguồn thu và ổn định hoạt động sản xuất – kinh doanh của đơn vị.

c) Chỉ tiêu tỷ lệ hộ dân được cấp nước sạch

Thực hiện nhiệm vụ cung cấp nước sạch trên địa bàn quản lý, Công ty xác định đây là nhiệm vụ chính trị trọng tâm, có ý nghĩa quan trọng đối với việc đảm bảo an sinh xã hội và nâng cao chất lượng đời sống của người dân. Trong năm 2025, Công ty đã tập trung triển khai đồng bộ nhiều giải pháp nhằm bảo đảm cung cấp nước an toàn, liên tục và ổn định; đồng thời đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án phát triển mạng lưới cấp nước, tổ chức thi công hoàn tất và đưa vào vận hành kịp thời, ưu tiên gắn đồng hồ nước để sớm cung cấp nước sạch cho người dân.

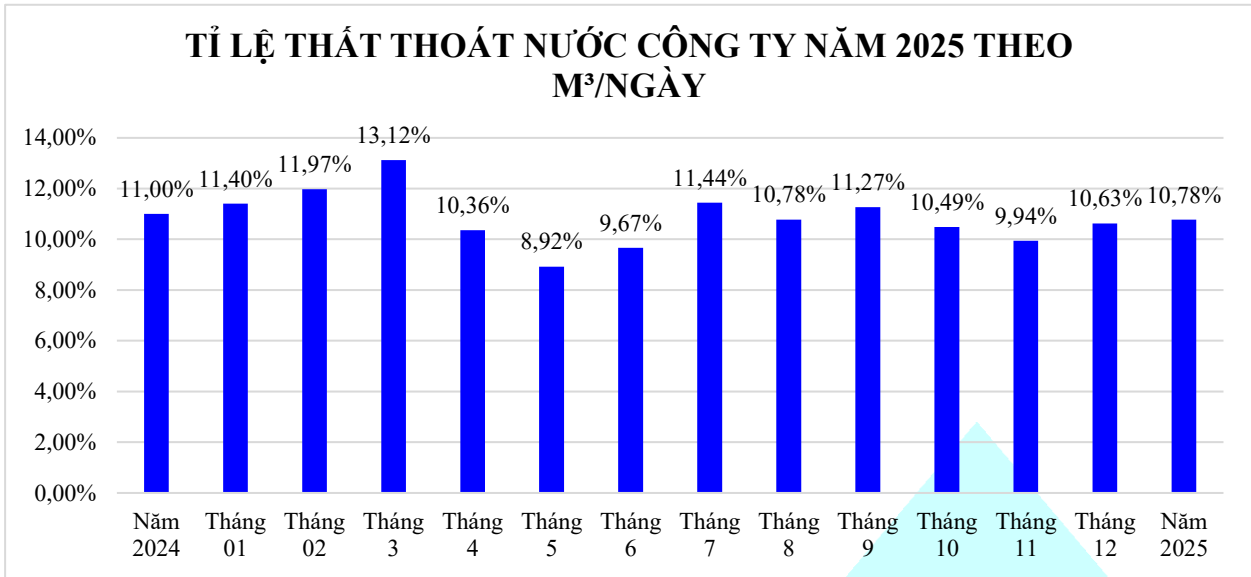
Đối với các khu vực chưa thể phát triển mạng lưới cấp nước, Công ty chủ động áp dụng các giải pháp cấp nước tạm thời phù hợp như lắp đặt bồn chứa, cấp nước qua đồng hồ tổng và các hình thức hỗ trợ tiếp nước, nhằm đảm bảo nhu cầu sử dụng nước sinh hoạt thiết yếu của người dân.

Bên cạnh đó, Công ty tăng cường phối hợp với chính quyền địa phương trong việc rà soát, thống kê các hộ dân có nhu cầu sử dụng nước sạch, các tuyến hẻm, tuyến đường chưa có hệ thống ống cấp nước để xây dựng phương án phát triển mạng lưới phù hợp, đáp ứng kịp thời nhu cầu sử dụng nước của người dân. Đồng thời, tiếp tục triển khai công tác tuyên truyền, vận động các chủ nhà trọ thực hiện đăng ký định mức nước sinh hoạt, góp phần giảm chi phí sinh hoạt cho người lao động, công nhân và sinh viên tạm trú trên địa bàn.

Với sự chỉ đạo quyết liệt của lãnh đạo Công ty cùng sự nỗ lực của tập thể cán bộ, công nhân viên, Công ty tiếp tục duy trì tỷ lệ 100% hộ dân trên địa bàn quản lý được sử dụng nước sạch, góp phần nâng cao chất lượng đời sống người dân và thực hiện tốt nhiệm vụ cung cấp nước phục vụ phát triển kinh tế – xã hội của địa phương.

d) Công tác giảm nước thất thoát thất thu

Kết quả thực hiện chỉ tiêu tỷ lệ thất thoát nước theo sản lượng mua bán sỉ của Công ty năm 2025 là 9,85%, giảm 0,29% so với tỷ lệ thất thoát nước năm 2024 (10,14%) và thấp hơn 1,35% so với kế hoạch Tổng Công ty giao 11,2%.



- Công tác phân vùng tách mạng, quản lý nguồn và hệ thống

Trong năm 2025, Công ty vận hành 148 DMA, trong đó 15 DMA mới được đưa vào hoạt động và triển khai giảm thất thoát theo kế hoạch. Công ty phối hợp chặt chẽ với Xí nghiệp Truyền dẫn Nước sạch trong công tác kiểm tra, giám sát và thay thế đồng hồ tổng định kỳ; xử lý kịp thời các trường hợp đồng hồ gặp sự cố nhằm đảm bảo tính đúng, tính đủ sản lượng mua – bán sỉ. Đồng thời, Công ty phối hợp điều tiết mạng lưới, tăng áp lực các tuyến truyền tải cấp 2, rà soát và đề xuất lắp đặt bổ sung ống truyền tải cấp 2 tại các khu vực áp lực yếu nhằm nâng cao chất lượng cấp nước.

- Công tác dò tìm rò rỉ, duy tu – sửa chữa và giám sát địa bàn

Trong năm 2025, Công ty tăng cường áp dụng phương pháp đóng van bước (Step Test) và xây dựng kế hoạch dò bể hàng tuần nhằm nâng cao hiệu quả kiểm soát thất thoát. Kết quả, Công ty đã sửa chữa 6.175 điểm bể (gồm 2.797 điểm bể nổi và 3.378 điểm bể ngầm), tổng số điểm bể giảm 0,5% so với năm 2024.

Công tác giám sát hiện trường được đẩy mạnh, giúp kịp thời phát hiện và xử lý các sự cố do tác động thi công từ các đơn vị hạ tầng khác; trong năm, Công ty đã lập biên bản hiện trường và truy thu 28.047 m³.

Công tác kiểm tra gian lận và đấu nối sai kỹ thuật được triển khai quyết liệt: Công ty đã thực hiện kiểm tra 144 địa chỉ nghi ngờ gian lận, 134 địa chỉ đấu nối sai kỹ thuật; phát hiện 154 địa chỉ gian lận, xử lý 49 trường hợp và thu hồi 13.652 m³. Ngoài ra, Công ty đã kiểm tra – báo thay 2.018 đồng hồ cỡ nhỏ và 31 đồng hồ cỡ lớn; thực hiện tính lại tiêu thụ đối với 117 địa chỉ có tình trạng đồng hồ ngưng hoặc chạy bất thường, thu hồi 20.648 m³.

- Ứng dụng công nghệ và đầu tư xây dựng phục vụ giảm thất thoát

Công ty tiếp tục nâng cấp hệ thống Waternet phục vụ giám sát áp lực online, tích hợp Logger giám sát để tăng cường khả năng theo dõi và cảnh báo bất thường. Đồng thời, Công ty triển khai DMA thông minh và lắp đặt 03 van giảm áp thông minh có khả năng thao tác

đóng – mở từ xa, kiểm soát áp lực và phát cảnh báo tự động, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý vận hành mạng lưới và giảm thất thoát.

4. Những tiến bộ đã đạt được

- Các chỉ tiêu về sản xuất – kinh doanh cơ bản đã hoàn thành theo kế hoạch; doanh thu và lợi nhuận đều tăng so với năm trước.
- Không ngừng mở rộng phạm vi hoạt động kinh doanh nhằm thực hiện nhiệm vụ xã hội cũng là nhiệm vụ chính trị là nâng cao tỷ lệ hộ dân được cấp nước sạch trên địa bàn.
- Triển khai nhiều giải pháp đồng bộ trong công tác giảm nước thất thoát.
- Trang thiết bị kỹ thuật được cải tiến, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý mạng lưới cấp nước; có động thái tích cực, hiệu quả trong việc giảm tỷ lệ nước thất thoát thất thu.
- Công tác cải cách hành chính được quan tâm, giải quyết nhanh chóng yêu cầu của khách hàng. Công tác tuyên truyền, vận động khách hàng cài đặt và sử dụng ứng dụng SAWACO CSKH được tập trung triển khai nhằm đa dạng hóa kênh tiếp nhận – xử lý yêu cầu dịch vụ, tạo thuận lợi cho khách hàng trong tra cứu thông tin, đăng ký dịch vụ và theo dõi tiến độ giải quyết. Đồng thời, Công ty triển khai khảo sát, đánh giá mức độ hài lòng của khách hàng ngay sau khi hoàn tất các yêu cầu dịch vụ và xử lý khiếu nại, qua đó kịp thời ghi nhận phản hồi, rà soát cập nhật quy trình.

II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH, BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2025 ĐÃ KIỂM TOÁN

Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam, tình hình tài chính tại ngày 31/12/2025 như sau:

1. Kết quả hoạt động tài chính năm 2025

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2024	Kế hoạch năm 2025	Thực hiện năm 2025	Tỷ lệ TH/KH (%)
1	Tổng Doanh thu	tr. đồng	1.333.815	1.379.925	1.357.122	98,35
2	Lợi nhuận trước thuế	tr. đồng	70.299	72.507	75.841	104,60
3	Lợi nhuận sau thuế	tr. đồng	56.083	58.006	60.436	104,19
4	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn CSH	%	23,68	23,07	23,96	103,87
5	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn CSH <i>(theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC)</i>	%	42,05	38,67	40,29	104,19

2. Quỹ tiền lương Người quản lý, Thù lao HĐQT, Ban Kiểm soát năm 2025

Stt	Nội dung	Đvt	Thực hiện năm 2024	Kế hoạch năm 2025 <i>ĐHĐCĐ phê duyệt</i>	Kế hoạch năm 2025 <i>điều chỉnh (*)</i>	Thực hiện năm 2025	Tỷ lệ% TH2025/ KH2025
1	Quỹ tiền lương Người quản lý	tr. đồng	3.810,24	3.326,40	3.810,24	4.000,75	105,00
1.1	Quỹ tiền lương của Chủ tịch HĐQT và Trưởng BKS (chuyên trách)		1.160,40	950,40	1.160,40	1.218,42	105,00
1.2	Quỹ tiền lương của Ban điều hành		2.649,84	2.376,00	2.649,84	2.782,34	105,00
2	Thù lao HĐQT, Ban KS	tr. đồng	664,00	696,00	668,00	668,00	100,00
	Thành viên HĐQT (không chuyên trách)	Tr.đ/người/ tháng	8,00	8,00	8,00	8,00	
	Thành viên BKS (không chuyên trách)	Tr.đ/người/ tháng	6,00	6,00	6,00	6,00	
	Mức thù lao trên không bao gồm tiền lương, thu nhập của các chức vụ kiêm nhiệm tại Công ty.						

(*) Thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ số 20/NQ-CNTĐ-ĐHĐCĐ ngày 17/04/2025, Hội đồng quản trị đã ban hành Nghị quyết số 48/NQ-CNTĐ-HĐQT ngày 17/12/2025 thông qua việc điều chỉnh Quỹ tiền lương kế hoạch của Người Quản lý năm 2025 theo Nghị định số 44/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 từ 3.326,40 triệu đồng tăng lên 3.810,24 triệu đồng; điều chỉnh Thù lao kế hoạch của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát năm 2025 từ 696 triệu đồng giảm xuống còn 668 triệu đồng.

Năm 2025, Công ty đã xây dựng quỹ tiền lương thực hiện của người lao động và ban điều hành năm 2025; quỹ tiền lương, thù lao của thành viên Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên theo Nghị định số 44/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 của Chính phủ về quản lý lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng trong doanh nghiệp Nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành.

3. Tình hình tài sản

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	Tỷ lệ 2025/2024	Tỷ trọng năm 2024	Tỷ trọng năm 2025
Tài sản ngắn hạn	173.704	189.185	108,91%	30,79%	26,42%
Tài sản dài hạn	390.393	526.899	134,97%	69,21%	73,58%
Tổng tài sản	564.097	716.084	126,94%	100,00%	100,00%

4. Tình hình nợ phải trả

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2024 (*)	Năm 2025	Tỷ lệ TH 2025/2024	Tỷ trọng năm 2024	Tỷ trọng năm 2025
Nợ ngắn hạn	287.968	363.836	126,35%	89,38%	80,21%
Nợ dài hạn	34.208	89.763	262,40%	10,62%	19,79%
Tổng nợ phải trả	322.176	453.599	140,79%	100,00%	100,00%

(*) Năm 2024, Đoàn KTNN đã kiến nghị điều chỉnh tăng thuế Thu nhập doanh nghiệp phải nộp năm 2023 do loại trừ khoản chi phí phúc lợi vượt quy định tại Điều 4 Thông tư số 96/2015/TT-BTC. Khoản chi này liên quan chi phí hỗ trợ cán bộ, công nhân lao động trong công tác giảm nước thất thoát thất thu, được quy định tại Quyết định số 1253/QĐ-CNTĐ ngày 16/7/2020 của Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức. Để đảm bảo cho công tác quyết toán thuế năm 2022 với Thuế TP. Hồ Chí Minh trong thời gian tới, Công ty đã chủ động thực hiện điều chỉnh hồi tố đối với các nghiệp vụ có tính chất tương tự phát sinh trong năm tài chính 2022 dẫn đến số dư Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước tăng 488.300.000 đồng.

5. Các chỉ tiêu tài chính cơ bản

Stt	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2025	Năm 2024	Năm 2024 sau điều chỉnh hồi tố
1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
	Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	0,52	0,60	0,60
	Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,39	0,37	0,37
2	Chỉ tiêu về cơ cấu nguồn vốn				
	Hệ số nợ/Tổng tài sản	%	63,34	57,03	57,11
	Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	%	172,81	132,70	132,17
3	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
	Vòng quay hàng tồn kho	vòng	15,16	13,86	13,86
	Vòng quay tổng tài sản	vòng	2,10	2,56	2,56
4	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
	Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	4,50	4,25	4,25
	Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	23,96	23,68	23,63
	Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	9,44	10,88	10,88
	Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ doanh thu thuần	%	5,01	4,42	4,42

6. Ý kiến của Kiểm toán độc lập về Báo cáo tài chính năm 2025

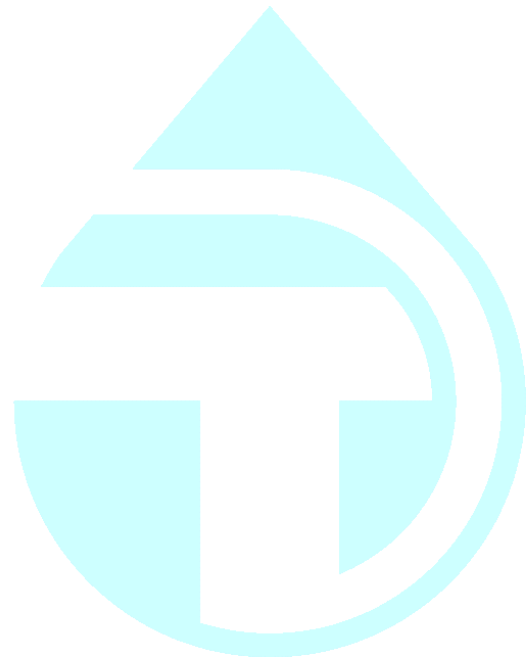
▪ Ý kiến của Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam về Báo cáo tài chính năm 2025

Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức tại ngày 31/12/2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

▪ Nội dung Báo cáo tài chính năm 2025 đã kiểm toán

Toàn văn Báo cáo tài chính năm 2025 được kiểm toán Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam được công bố tại mục Quan hệ cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty: www.thuducwater.vn

THUDUC
WATER



PHẦN II | ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2026

I. Mục tiêu, nhiệm vụ kế hoạch năm 2026

1. Mục tiêu

- Gia tăng sản lượng nước tiêu thụ.
- Bảo toàn, sử dụng hiệu quả đồng vốn của Công ty.
- Duy trì hoạt động kinh doanh có lãi, đảm bảo và nâng cao thu nhập, chăm lo đời sống tinh thần của cán bộ công nhân viên.
- Đảm bảo chất lượng nước sạch cho nhu cầu sinh hoạt, sản xuất, dịch vụ theo các tiêu chuẩn quy định của nhà nước. Duy trì tỷ lệ 100% hộ dân được cấp nước sạch.
- Kiểm soát, duy trì Tỷ lệ thất thoát nước ở mức bình quân: 10,00%.
- Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đẩy mạnh ứng dụng khoa học và công nghệ trong quản lý và khai thác hạ tầng kỹ thuật.

2. Nhiệm vụ chủ yếu

- Phát triển mạng lưới cấp nước trên khu vực quản lý.
- Phát triển thêm khách hàng sử dụng nước.
- Tiếp tục mở rộng thực hiện phân vùng tách mạng các đồng hồ tổng cho công tác giảm thất thoát nước thất thu.
- Giữ vững tỷ lệ 100% hộ dân được cấp nước sạch.

II. Các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh, chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Stt	Nội dung	Đvt	Kế hoạch năm 2026
A	Sản xuất kinh doanh		
1	Nước tiêu thụ (qua ĐHN)	m ³	113.900.000
2	Doanh thu tiền nước (qua ĐHN)	tr. đồng	1.377.734
3	Tỷ lệ hộ dân được sử dụng nước sạch	%	100,00
4	Tỷ lệ thất thoát nước	%	10,00
B	Tài Chính		
1	Tổng doanh thu	tr. đồng	1.391.884
2	Lợi nhuận trước thuế	tr. đồng	76.691
3	Lợi nhuận sau thuế	tr. đồng	61.353
4	Tỷ suất LNST/Vốn CSH _{bq}	%	22,66
4.1	Tỷ suất LNST/Vốn CSH _{bq} (theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC)	%	36,95
5	Cổ tức	%	14,00

Stt	Nội dung	Đvt	Kế hoạch năm 2026
C	Quỹ tiền lương Người quản lý, Thù lao HDQT/BKS		
1	Quỹ tiền lương Người quản lý	tr. đồng	4.000,75
1.1	<i>Quỹ tiền lương của Chủ tịch HDQT, Trưởng ban kiểm soát (chuyên trách)</i>	<i>tr. đồng</i>	<i>1.218,42</i>
1.2	<i>Quỹ tiền lương của Ban điều hành</i>	<i>tr. đồng</i>	<i>2.782,34</i>
2	Thù lao HDQT/BKS (không chuyên trách)	tr. đồng	696,00

III. Biện pháp thực hiện

1. Công tác điều hành và tổ chức

- Tiếp tục tăng cường công tác điều hành tập trung, thống nhất; nâng cao năng lực bộ máy quản lý theo hướng phân cấp, tự chủ và tự chịu trách nhiệm trước Công ty và pháp luật Nhà nước.
- Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện và cải tiến các quy chế làm việc tại các phòng chức năng nhằm tăng cường liên kết, phối hợp, tạo nền tảng cho việc hoàn thành kế hoạch sản xuất – kinh doanh của Công ty.
- Xây dựng và phát huy văn hóa doanh nghiệp, tạo sự đoàn kết nội bộ; đảm bảo hài hòa lợi ích tập thể và cá nhân, qua đó gắn kết toàn thể cán bộ, công nhân viên cùng hành động vì mục tiêu chung là phát triển Công ty bền vững.

2. Nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền và hướng dẫn khách hàng sử dụng các ứng dụng chăm sóc khách hàng, tạo điều kiện thuận lợi trong quá trình tiếp cận và sử dụng dịch vụ của Công ty.
- Tăng cường tuyên truyền, giáo dục và tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng cho cán bộ, công nhân viên nhằm nâng cao ý thức kỷ luật, tinh thần trách nhiệm và thái độ phục vụ. Chú trọng đào tạo kỹ năng giao tiếp, xử lý tình huống và chuẩn hóa tác phong làm việc theo hướng chuyên nghiệp, hiện đại.
- Chuẩn hóa và đổi mới quy trình giải quyết yêu cầu dịch vụ theo hướng khoa học, phù hợp thực tiễn; đảm bảo hồ sơ được xử lý đúng quy trình, đúng thời gian, không để tồn đọng. Các phòng chức năng chủ động cải tiến quy trình nội bộ, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin nhằm rút ngắn thời gian xử lý, nâng cao tính minh bạch và hiệu quả phối hợp liên thông.
- Duy trì phối hợp với các đơn vị chuyên môn của Tổng Công ty và cơ quan y tế dự phòng trong việc lấy mẫu, giám sát và kiểm tra chất lượng nước theo quy định; kịp thời đánh giá, cảnh báo và xử lý các vấn đề phát sinh, đảm bảo cấp nước an toàn, ổn định và đáp ứng tiêu chuẩn chất lượng.
- Chủ động phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương và các cơ quan chức năng để tiếp nhận, xử lý nhanh các yêu cầu cấp nước của người dân, đặc biệt tại các khu vực phát triển đô thị, khu vực chưa ổn định mạng lưới hoặc phát sinh sự cố; đảm bảo duy trì cấp nước liên tục và nâng cao hiệu quả phục vụ cộng đồng trên địa bàn quản lý.

3. Các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh

- Đẩy mạnh công tác giảm thất thoát nước theo hướng quản lý theo vùng (DMA); tập trung dò tìm bể ngầm và kéo giảm tỷ lệ thất thoát tại các DMA có tỷ lệ cao. Tiếp tục rà soát đồng hồ tổng, thay pin thiết bị ghi dữ liệu (Datalogger) kịp thời, đảm bảo vận hành ổn định và số liệu đầy đủ phục vụ phân tích, điều hành. Đồng thời xây dựng mô hình thủy lực tổng thể để phân tích từng DMA, tiến tới phân tích chi tiết từng khu vực làm cơ sở triển khai mô hình thủy lực cho toàn bộ mạng lưới.
- Tiếp tục rà soát, xử lý các trường hợp tiêu thụ bằng 0 m³ và 1–4 m³; thực hiện hạ cỡ các đồng hồ nước không phù hợp nhằm đảm bảo độ chính xác trong đo đếm.
- Tăng cường kiểm tra, phát hiện và xử lý triệt để các trường hợp gian lận trong sử dụng nước, tiêu thụ bất thường hoặc áp sai giá biểu.
- Đẩy nhanh công tác gắn mới đồng hồ nước và phát triển khách hàng, bảo đảm cấp nước kịp thời cho người dân và từng bước giảm các hình thức cấp nước tạm thời như xe bồn hoặc cấp qua đồng hồ tổng. Triển khai thay đồng hồ nước định kỳ theo kế hoạch, ưu tiên thay đồng hồ đến hạn, đồng hồ cũ hoặc đo đếm bất thường nhằm nâng cao chất lượng số liệu, bảo đảm tính đúng – tính đủ sản lượng, góp phần cải thiện hiệu quả ghi thu và giảm thất thoát thương mại.

4. Các chỉ tiêu đầu tư xây dựng

- Chủ động cân đối nguồn vốn để thực hiện dự án phát triển mạng lưới cấp nước; bảo đảm giải quyết 100% nhu cầu gắn đồng hồ nước của các hộ dân tại các khu vực đã có mạng lưới.
- Tập trung thực hiện nhanh và hiệu quả công tác chuẩn bị đầu tư, bao gồm lập báo cáo kinh tế – kỹ thuật, hồ sơ khảo sát thiết kế và dự toán thi công, nhằm rút ngắn thời gian chuyển sang giai đoạn thực hiện dự án.
- Tăng cường phối hợp với các cơ quan chức năng và chính quyền địa phương để tháo gỡ vướng mắc về mặt bằng, điều phối tiến độ thi công hợp lý và tránh dồn khối lượng vào cuối năm.
- Chủ động triển khai công tác mua sắm vật tư, trang thiết bị ngay từ quý I năm 2026 để đảm bảo nguồn lực thực hiện các nhiệm vụ theo kế hoạch của Công ty; đồng thời tăng cường giám sát thi công, kiểm tra chất lượng vật tư trước thi công và thực hiện hậu kiểm nhằm đảm bảo chất lượng công trình.
- Tăng cường giám sát quá trình thi công các công trình, đảm bảo tuân thủ đúng quy trình kỹ thuật, sử dụng vật tư đạt tiêu chuẩn và thực hiện đầy đủ các yêu cầu về tái lập cát lót ống; chú trọng công tác sửa bể ống nhánh (thay mới đối với trường hợp bể lần hai hoặc vật liệu không phù hợp nhằm tránh tái phát điểm bể). Đồng thời, đảm bảo bít hủy triệt để các tuyến ống cũ trong các công trình cải tạo để ngăn ngừa thất thoát nước.
- Tăng cường công tác tuần tra mạng lưới cấp nước, kết hợp địa phương lập biên bản xử lý ngay tại hiện trường các trường hợp gây xì bể và tiến hành sửa bể kịp thời tránh thất thoát.

5. Công tác quản lý tài chính, quản lý vật tư tài sản, máy móc thiết bị

- Tiếp tục hoàn thiện và thực hiện các quy trình quản lý tài chính, vật tư theo đúng quy định; tăng cường kiểm soát chi phí, sử dụng vốn hợp lý và quản lý chặt dòng tiền nhằm bảo toàn vốn và nâng cao hiệu quả đầu tư.
- Triển khai kịp thời công tác đấu thầu dự án mua sắm vật tư theo đúng quy định, đảm bảo tính công bằng, lựa chọn nhà thầu có năng lực, đáp ứng tiến độ và chất lượng.
- Thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo tài chính theo đúng quy định của Nhà nước; tăng cường kiểm kê, quản lý và bảo dưỡng tài sản – thiết bị để đảm bảo vận hành an toàn, hiệu quả và phục vụ tốt công tác.

6. Ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động quản lý

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác chuyển đổi số; xây dựng và hoàn thiện hệ thống thống kê, tra cứu dữ liệu phục vụ quản lý điều hành, bao gồm dữ liệu sản xuất kinh doanh và thông tin hiện trường (gắn mới, thay đồng hồ, sửa bể, nâng/dời/đổi cỡ...).
- Tiếp tục nâng cấp, cập nhật các tính năng mới cho các phần mềm hiện hành nhằm đáp ứng yêu cầu quản lý và vận hành trong giai đoạn tới.
- Tiếp tục hoàn thiện Mô hình thủy lực tổng thể mạng lưới cấp nước của Công ty để đánh giá toàn diện áp lực, làm cơ sở đề xuất phương án quy hoạch, cải tạo mạng lưới cấp nước theo định hướng phát triển của đơn vị và địa phương.

7. Các công tác khác

- Thực hiện chủ trương của nhà nước về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, góp phần ổn định hoạt động của đơn vị.
- Công đoàn, Đoàn thanh niên cùng chủ động phối hợp phát động phong trào thi đua hoàn thành các chỉ tiêu đề ra, đồng thời tích cực hưởng ứng các đợt thi đua do Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn và Công ty cổ phần Cấp nước Thủ Đức phát động.
- Duy trì các hoạt động thực hiện nếp sống văn minh đô thị, văn minh trong công sở, chống ô nhiễm môi trường, giữ gìn vệ sinh nơi làm việc.
- Tiếp tục quan tâm cải thiện điều kiện làm việc, chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho cán bộ công nhân viên, tạo động lực hoàn thành kế hoạch năm 2026.

Trên đây là nội dung báo cáo của Ban Giám đốc về kết quả thực hiện năm 2025 và định hướng hoạt động năm 2026. Ban Giám đốc kính trình Đại hội đồng Cổ đông xem xét, thông qua.

Trân trọng báo cáo!

GIÁM ĐỐC

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ;
- HĐQT, BKS;
- Lưu: VT, HĐQT.

Nguyễn Công Minh

TỔNG CÔNG TY CẤP NƯỚC SÀI GÒN
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THỦ ĐỨC

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026



**BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG
CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2025
VÀ KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2026**



Tháng 04 năm 2026

I. TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hoạt động của Hội Đồng Quản Trị

1.1. Thành viên và cơ cấu tính đến ngày 31/12/2025

S tt	Họ và tên	Chức vụ	Đại diện sở hữu cổ phần	Cổ phần nắm giữ cá nhân	Tổng cổ phần biểu quyết	Tỷ lệ %	Ghi chú
1	Vũ Phương Thảo	CT.HĐQT	1.083.750	-	1.083.750	ĐD:12,75%	Chuyên trách
2	Nguyễn Công Minh	TV.HĐQT kiêm GD	1.083.750	800	1.084.550	ĐD:12,76%	Điều hành
3	Đặng Đức Hiền	TV.HĐQT	1.083.750	-	1.083.750	ĐD:12,75%	Không điều hành
	Các chức danh nắm giữ tại các công ty khác:	<ul style="list-style-type: none"> - Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH MTV. - Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Chợ Lớn. - Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Quảng trường Quốc tế. 					
4	Hồ Thanh Cường	TV.HĐQT	1.083.750	-	1.083.750	ĐD:12,75%	Không điều hành
	Các chức danh nắm giữ tại các công ty khác	<ul style="list-style-type: none"> - Giám đốc Kế hoạch Đầu tư Tổng công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH MTV 					
5	Trương Khắc Hoành	TV.HĐQT	-	-	-	-	Không điều hành
	Các chức danh nắm giữ tại các công ty khác:	<ul style="list-style-type: none"> - Giám đốc - Công ty TNHH Nước sạch REE. - Thành viên HĐQT các công ty: <ul style="list-style-type: none"> + Công ty Cổ phần BOO Nước Thủ Đức; + Công ty Cổ phần Đầu tư nước Tân Hiệp; + Công ty Cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà; + Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Khánh Hòa; + Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh nước sạch Sài Gòn. 					
6	Phạm Thành Trung	TV.HĐQT	-	-	-	-	Không điều hành
	Các chức danh nắm giữ tại các công ty khác:	<ul style="list-style-type: none"> - Quản lý phát triển kinh doanh – Công ty TNHH Nước sạch REE. - Thành viên HĐQT các công ty: <ul style="list-style-type: none"> + Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Định; + Công ty Cổ phần BOO Nước Thủ Đức. 					

1.2. Kết quả đánh giá của HĐQT đối với Giám đốc và bộ máy điều hành

Hội đồng quản trị giám sát hoạt động của Ban Giám đốc trên cơ sở quy định của Luật Doanh nghiệp; Điều lệ Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.

Các nội dung giám sát gồm:

- Công tác điều hành của Ban giám đốc trong việc thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông; Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị.
- Công tác điều hành, chỉ đạo thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh.
- Công tác công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Năm 2025, Ban Giám đốc đã nỗ lực trong quá trình điều hành công ty, tuân thủ quy định của pháp luật, Điều lệ công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị.

Với kết quả đạt được như trên, Hội đồng quản trị đánh giá Ban Giám đốc đã hoàn thành tốt nhiệm vụ, cụ thể:

- Hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định, an toàn.
- Chính sách điều hành minh bạch, có sự phân công, phân cấp rõ ràng trong bộ máy điều hành.
- Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với Nhà nước theo quy định.
- Thực hiện đầy đủ và nghiêm túc các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
- Chấp hành nghiêm chỉnh chính sách quy định của Nhà nước trong việc điều hành sản xuất kinh doanh và công bố thông tin.

1.3. Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không.

1.4. Tổng kết các cuộc họp của Hội đồng quản trị và các quyết định của Hội đồng quản trị

Thành viên Hội đồng quản trị đã tham gia đầy đủ các cuộc họp và cho ý kiến bằng văn bản đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị với tinh thần trách nhiệm cao, phát huy năng lực lãnh đạo của các thành viên, vì lợi ích của cổ đông và sự phát triển của Công ty.

Năm 2025, Hội đồng quản trị đã tổ chức các phiên họp để chỉ đạo kịp thời các vấn đề thuộc trách nhiệm của Hội đồng quản trị, cụ thể như sau:

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung thông qua
1	04/NQ-CNTĐ-HĐQT	21/01/2025	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua Báo cáo Tài chính quý IV năm 2024. - Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch năm 2024; Đơn giá hợp đồng mua bán sỉ năm 2024; Hợp đồng thuê tài sản hoạt động năm 2024 với Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH một thành viên; - Kế hoạch sản xuất kinh doanh; đầu tư xây dựng; tài chính năm 2025. - Kế hoạch lao động năm 2025;

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung thông qua
			<ul style="list-style-type: none"> - Hợp đồng, giao dịch giữa công ty với người nội bộ, người có liên quan năm 2025; - Báo cáo hoạt động của Bộ phận Kiểm toán nội bộ năm 2024.
2	10/NQ-CNTĐ-HĐQT	14/02/2025	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua Kế hoạch triệu tập Đại hội đồng cổ đông thường niên thường niên năm 2025
3	14/NQ-CNTĐ-HĐQT	25/03/2025	<ul style="list-style-type: none"> - Dự thảo Báo cáo Tài chính năm 2024 đã kiểm toán; - Quỹ tiền lương, thù lao thực hiện năm 2024; Kế hoạch Quỹ tiền lương, thù lao năm 2025; - Kế hoạch phân phối lợi nhuận, chia cổ tức năm 2024 (trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2025); - Kế hoạch tài chính năm 2025 (trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2025); - Ký kết Hợp đồng giao dịch với Tổng công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH Một thành viên gồm Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch năm 2025; Đơn giá hợp đồng mua bán sỉ năm 2025; Hợp đồng thuê tài sản hoạt động năm 2025 với Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH một thành viên; - Đánh giá hiệu quả hoạt động và xếp loại doanh nghiệp năm 2024; - Thống nhất chủ trương vay vốn ngân hàng, hạn mức vay vốn để đầu tư và thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025; - Miễn nhiệm Thành viên Hội đồng quản trị; - Tài liệu Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025. - Báo cáo tình hình hoạt động năm 2024 và kế hoạch hoạt động năm 2025 của Bộ phận Kiểm toán nội bộ.
4	18/NQ-CNTĐ-HĐQT	10/04/2025	<ul style="list-style-type: none"> - Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2024 điều chỉnh (trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2025);

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung thông qua
			<ul style="list-style-type: none"> - Miễn nhiệm Thành viên Hội đồng quản trị; - Sửa đổi, bổ sung tài liệu Đại hội Đồng Cổ đông thường niên năm 2025.
5	22/NQ-CNTĐ-HĐQT	17/04/2025	<ul style="list-style-type: none"> - Bầu bà Vũ Phương Thảo – Thành viên Hội đồng quản trị làm Chủ tịch Hội đồng quản trị trong thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2022-2027 (hoạt động chuyên trách), kể từ ngày 17/04/2025
6	25/NQ-CNTĐ-HĐQT	12/05/2025	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua Kế hoạch chi trả cổ tức từ lợi nhuận kinh doanh năm 2024 và từ lợi nhuận chưa phân phối các năm trước; - Chọn Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam làm đơn vị thực hiện kiểm toán Báo cáo Tài chính năm 2025; - Kết quả tài chính và Báo cáo Tài chính Quý I năm 2025.
7	28/NQ-CNTĐ-HĐQT	11/06/2025	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua việc bổ nhiệm lại Ông Cao Hữu Lộc tiếp tục giữ chức vụ Kế toán trưởng Công ty cổ phần Cấp nước Thủ Đức;
8	31/NQ-CNTĐ-HĐQT	16/7/2025	<ul style="list-style-type: none"> - Chủ trương sáp nhập Phòng Quản lý Xe cơ giới vào Phòng Kế hoạch Vật tư; - Bổ sung Kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2025.
9	36/NQ-CNTĐ-HĐQT	18/8/2025	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư xây dựng - mua sắm 6 tháng đầu năm 2025 và nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm 06 tháng cuối năm 2025; - Kết quả tài chính 6 tháng đầu năm 2025 và Báo cáo Tài chính bán niên 2025 đã soát xét; - Chi phí triển khai Ứng dụng Chăm sóc khách hàng (SAWACO CSKH) của Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH Một thành viên với kinh phí dự kiến 880 triệu đồng; - Điều chỉnh Kế hoạch Đầu tư Xây dựng – Mua sắm năm 2025; - Chủ trương thống nhất định danh thương hiệu SAWACO, chuẩn hoá tên miền và địa chỉ Email dùng chung trong giao tiếp với khách hàng giữa Công ty Cổ phần cấp

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung thông qua
			<p>nước Thủ Đức và Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH Một thành viên;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo chuyên đề của Bộ phận Kiểm toán nội bộ; Báo cáo thẩm định Báo cáo Tài chính Quý II năm 2025, đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh Quý II và lũy kế 6 tháng đầu năm 2025 so với kế hoạch năm.
10	39/NQ-CNTĐ-HĐQT	03/9/2025	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua việc thay đổi mẫu con dấu của Công ty cổ phần Cấp nước Thủ Đức.
11	44/NQ-CNTĐ-HĐQT	03/10/2025	<ul style="list-style-type: none"> - Chủ trương ký kết Hợp đồng nhượng quyền sử dụng dịch vụ phần mềm ArcGIS với Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH Một thành viên.
12	48/NQ-CNTĐ-HĐQT	17/12/2025	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư xây dựng - mua sắm 09 tháng đầu năm 2025; - Báo cáo Tài chính Quý III năm 2025 và kết quả tài chính 9 tháng đầu năm 2025; - Ghi nhận nội dung Báo cáo về tình hình thực hiện điều chỉnh hội tố Báo cáo Tài chính năm 2022; - Kế hoạch sản xuất kinh doanh, đầu tư xây dựng và mua sắm và Kế hoạch lao động năm 2026; Chủ trương vay vốn đối với một số dự án thuộc danh mục các dự án đầu tư xây dựng cơ bản, mua sắm năm 2026; - Điều chỉnh Quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch năm 2025; - Điều chỉnh Cơ cấu tổ chức của Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức theo đề xuất của Ban Điều hành tại Tờ trình số 4486/TTr-CNTĐ-TCHC ngày 04/11/2025; - Ghi nhận việc hoàn nhập chênh lệch cổ tức theo báo cáo của Ban Điều hành tại Văn bản số 241/BC-TCKT ngày 11/11/2025; - Hợp đồng thuê tài sản hoạt động năm 2025 với Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH Một thành viên, tổng giá trị chưa bao gồm thuế GTGT là 8.818.008.042 đồng;

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung thông qua
			- Báo cáo hậu kiểm việc thực hiện các kiến nghị kiểm toán, Báo cáo kết quả thẩm định Báo cáo tài chính Quý III năm 2025 và đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh lũy kế 09 tháng đầu năm 2025 của Bộ phận Kiểm toán nội bộ

1.5. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập: Không.

1.6. Các khóa đào tạo về quản trị công ty mà các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên ban kiểm soát, Giám đốc, các cán bộ quản lý khác và Thư ký công ty đã tham gia theo quy định về quản trị công ty

Năm 2025, Công ty đã cử cán bộ quản lý tham gia các khóa đào tạo, cập nhật quy định về Quản trị công ty do Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Ủy Ban Chứng Khoán Nhà nước tổ chức, Viện Phát triển Nguồn nhân lực và Kinh doanh (Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh) gồm: Chủ tịch Hội đồng quản trị, Thành viên Hội đồng quản trị, Trưởng Ban Kiểm soát, Người phụ trách quản trị Công ty, Trưởng phòng Tổ chức Hành chính.

2. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành

2.1. Các khoản lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Lương	Thù lao	Tiền thưởng 2024 (NQL)	Ghi chú
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ						
1	Nguyễn Tổng Đăng Khoa	Nguyên Chủ tịch HĐQT	243.770.329	-	79.023.213	Miễn nhiệm từ 17/4/2025
2	Vũ Phương Thảo	Chủ tịch HĐQT	355.331.280	-	-	Bổ nhiệm từ 17/4/2025
3	Nguyễn Công Minh	TV.HĐQT kiêm GD	587.280.287	96.000.000	71.438.942	
4	Đặng Đức Hiền	Thành viên	-	96.000.000	-	
5	Trương Khắc Hoàn	Thành viên	-	96.000.000	-	
6	Phạm Thành Trung	Thành viên	-	68.000.000	-	Bổ nhiệm từ 17/4/2025
7	Hồ Thanh Cường	Thành viên	-	68.000.000	-	Bổ nhiệm từ 17/4/2025
8	Lê Trọng Thuận	Thành viên	-	28.000.000	-	Miễn nhiệm từ 17/4/2025
9	Nguyễn Anh Tuấn	Thành viên	-	-	-	Hoàn trả thù lao từ tháng 1-3/2025: 24 triệu đồng; Miễn nhiệm từ 01/9/2024
BAN ĐIỀU HÀNH						

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Lương	Thù lao	Tiền thưởng 2024 (NQL)	Ghi chú
1	Phạm Huỳnh Bá Đạt	Phó GD	557.728.220	-	67.769.133	
2	Trần Hưng Thành	Phó GD	527.706.857	-	64.343.978	
3	Nguyễn Công Thành	Phó GD	530.146.287	-	64.343.978	
4	Cao Hữu Lộc	Kế toán trưởng	528.554.518	-	63.018.771	

2.2. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ, cổ đông lớn: Không.

2.3. Giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó

Stt	Tên tổ chức/ cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số giấy NSH (CCCD/ ĐKKD) ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số NQ/QĐ của ĐHĐCĐ/ HĐQT thông qua	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch (chưa bao gồm thuế GTGT)	Ghi chú
1	Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH MTV	Cổ đông lớn nắm giữ 51% Nhà nước) - Công ty mẹ và là người có liên quan đến Thành viên HĐQT	0301129367, Ngày cấp: 20/09/2010. Nơi cấp: Sở KHĐT TP. HCM	01 Công trường Quốc tế, Phường Xuân Hoà, TP. HCM	2025	20/NQ-CNTĐ-ĐHĐCĐ ngày 17/4/2025	860.693.369.978	Mua bán sỉ nước sạch
							274.964.502	Đào tạo, truyền thông
							8.818.008.042	Thuê tài sản hoạt động (mạng lưới cấp nước)
							10.911.195.000	Chi cổ tức
							4.645.626.393	Nhận nhượng quyền gia hạn sử dụng bản quyền và dịch vụ phần mềm ArcGIS
2	Công ty Cổ phần Tư Vấn Xây Dựng Cấp Nước	Cùng công ty mẹ và là người có liên quan đến Thành viên HĐQT	0304796129 Ngày cấp: 12/01/2007. Nơi cấp: Sở KHĐT TP.HCM	659 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	2025	04/NQ-CNTĐ-HĐQT ngày 21/01/2025	380.456.669	Chi phí tư vấn, giám sát công trình

Stt	Tên tổ chức/ cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số giấy NSH (CCCD/ ĐKKD) ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số NQ/QĐ của ĐHĐCĐ/ HĐQT thông qua	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch (chưa bao gồm thuế GTGT)	Ghi chú
3	Công ty Cổ phần Cơ Khí công trình Cấp nước	Cùng công ty mẹ và là người có liên quan đến Thành viên HĐQT	0304772551 Ngày cấp: 03/01/2007 Nơi cấp: Sở KHĐT – TP.HCM	319 Đường Lê Lợi, Ấp 52, Xã Xuân Thới Sơn, TP.HCM	2025	04/NQ-CNTĐ-HĐQT ngày 21/01/2025	2.102.280.000	Sửa chữa, tân trang; kiểm định đồng hồ nước
4	Công ty Cổ phần Công trình Giao thông Công Chánh	Cùng công ty mẹ và là người có liên quan đến Thành viên HĐQT	0300475734 Ngày cấp: 13/10/2010 Nơi cấp: Sở KHĐT TP.HCM	Số 14-16 Phan Đăng Lưu, Phường Bình Thạnh, TP. HCM	2025	04/NQ-CNTĐ-HĐQT ngày 21/01/2025	7.476.077.468	Thi công xây lắp công trình cấp nước
							73.829.301	Doanh thu từ bán nước sạch
							806.336	Doanh thu từ việc đi dòi đồng hồ nước
5	Công ty TNHH Nước sạch REE	Cổ đông lớn và là người có liên quan đến Thành viên HĐQT	0312491547, Ngày cấp: 04/10/2013, Nơi cấp: Sở KHĐT TP.HCM	364 Cộng Hòa, Phường Tân Bình, TP. HCM	2025	20/NQ-CNTĐ-ĐHĐCĐ ngày 17/4/2025	9.450.630.240	Chi cổ tức

2.4. Giao dịch giữa công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch

Stt	Tên tổ chức/ cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số giấy NSH (CCCD/ ĐKKD) ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số NQ/QĐ của ĐHĐCĐ/ HĐQT thông qua	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch (chưa bao gồm thuế GTGT)	Ghi chú
1	Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH MTV	Ông Đặng Đức Hiền là Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty	0301129367, Ngày cấp: 20/09/2010. Nơi cấp: Sở KHĐT TP. HCM	01 Công trường Quốc tế, Phường Xuân Hoà, TP. HCM	2025	20/NQ-CNTĐ-ĐHĐCĐ ngày 17/4/2025	860.693.369.978	Mua bán sỉ nước sạch
							274.964.502	Đào tạo, truyền thông
							8.818.008.042	Thuê tài sản hoạt động

Stt	Tên tổ chức/ cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số giấy NSH (CCCD/ ĐKKD) ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số NQ/QĐ của ĐHĐCĐ/ HĐQT thông qua	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch (chưa bao gồm thuế GTGT)	Ghi chú
		Cấp nước Sài Gòn TNHH MTV						(mạng lưới cấp nước)
							10.911.195.000	Chi cổ tức
							4.645.626.393	Nhận nhượng quyền gia hạn sử dụng bản quyền và dịch vụ phần mềm ArcGIS
2	Công ty TNHH Nước sạch REE	Ông Trương Khắc Hoàn là Giám đốc Công ty TNHH Nước sạch REE	0312491547, Ngày cấp: 04/10/2013, Nơi cấp: Sở KHĐT TP.HCM	364 Cộng Hòa, Phường Tân Bình, TP. HCM	2025	20/NQ-CNTĐ-ĐHĐCĐ ngày 17/4/2025	9.450.630.240	Chi cổ tức

2.5. Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty

Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức luôn tuân thủ và thực hiện đúng quy định pháp luật về việc lập Báo cáo công tác quản trị và công bố thông tin. Đồng thời, luôn xem xét các thông lệ và điều chỉnh cho phù hợp với quy định của pháp luật về quản trị công ty cho phù hợp với doanh nghiệp và mang lại hiệu quả hoạt động.

3. Kết quả thực hiện Nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông

3.1. Kết quả sản xuất kinh doanh - tài chính năm 2025

Stt	Nội dung	Đvt	Kế hoạch năm 2025	Thực hiện năm 2025	Tỷ lệ% TH/KH
A	Sản xuất kinh doanh				
1	Nước tiêu thụ (qua ĐHN)	1.000 m ³	114.500	111.388,67	97,28
2	Doanh thu tiền nước (qua ĐHN)	tr. đồng	1.368.275	1.334.919	97,56
3	Tỷ lệ hộ dân được sử dụng nước sạch	%	100,00	100,00	100,00
4	Tỷ lệ thất thoát nước	%	11,20	9,85	-1,35

Stt	Nội dung	Đvt	Kế hoạch năm 2025	Thực hiện năm 2025	Tỷ lệ% TH/KH
B	Tài chính				
1	Tổng doanh thu	tr. đồng	1.379.925	1.357.122	98,35
2	Lợi nhuận trước thuế	tr. đồng	72.507	75.841	104,60
3	Lợi nhuận sau thuế	tr. đồng	58.006	60.436	104,19
4	Tỷ suất LNST/Vốn CSH bq	%	23,07	23,96	103,87
4.1	Tỷ suất LNST/Vốn CSH bq (theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC)	%	38,67	40,29	104,19
5	Cổ tức				
5.1	Cổ tức (từ phân phối lợi nhuận năm 2024)	%	12,00	24,45	203,75
5.2	Cổ tức (từ phân phối lợi nhuận còn lại từ năm 2021 trở về trước)	%	-	0,72	-

3.2. Quỹ tiền lương của Người quản lý; Thù lao HĐQT, BKS năm 2025

Tại phiên họp Đại hội cổ đông thường niên năm 2025, Đại hội Đồng cổ đông đã ủy quyền cho Hội đồng quản trị xem xét, quyết định điều chỉnh Quỹ tiền lương và thù lao kế hoạch năm 2025 theo Nghị định số 44/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 và báo cáo kết quả tại kỳ họp tiếp theo. Thực hiện ủy quyền của Đại Hội Đồng Cổ Đông, Hội đồng quản trị đã ban hành Nghị quyết số 48/NQ-CNTĐ-HĐQT ngày 17/12/2025 thông qua việc điều chỉnh Quỹ tiền lương kế hoạch của Người quản lý; Thù lao Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát năm 2025 (*).

Năm 2025, Công ty đã xây dựng quỹ tiền lương thực hiện của người lao động và ban điều hành năm 2025; quỹ tiền lương, thù lao của thành viên hội đồng quản trị và kiểm soát viên theo Nghị định số 44/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 của Chính phủ về quản lý lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng trong doanh nghiệp Nhà nước, cụ thể:

Stt	Nội dung	Đvt	Kế hoạch năm 2025 <i>ĐHĐCĐ phê duyệt</i>	Kế hoạch năm 2025 <i>điều chỉnh (*)</i>	Thực hiện năm 2025	Tỷ lệ% TH/KH
1	Quỹ tiền lương Người quản lý	tr. đồng	3.326,40	3.810,24	4.000,75	105,00
1.1	Quỹ tiền lương của Chủ tịch hội đồng quản trị và Trưởng ban kiểm soát viên (chuyên trách)			1.160,40	1.218,42	105,00
1.2	Quỹ tiền lương của Ban điều hành			2.649,84	2.782,34	105,00

Stt	Nội dung	Đvt	Kế hoạch năm 2025 <i>ĐHĐCĐ phê duyệt</i>	Kế hoạch năm 2025 <i>điều chỉnh (*)</i>	Thực hiện năm 2025	Tỷ lệ% TH/KH
2	Thù lao HĐQT, Ban KS	tr. đồng	696,00	668,00	668,00	100,00
	Thành viên HĐQT (không chuyên trách)	đ/người/tháng	8.000.000	8.000.000	8.000.000	
	Thành viên BKS (không chuyên trách)	đ/người/tháng	6.000.000	6.000.000	6.000.000	
	Mức thù lao trên không bao gồm tiền lương, thu nhập của các chức vụ kiêm nhiệm tại Công ty.					

3.3. Công tác chi trả cổ tức năm 2024

Thực hiện ủy quyền của ĐHĐCĐ tại Nghị quyết 20/NQ-CNTĐ-ĐHĐCĐ ngày 17/4/2025, Hội đồng Quản trị đã ban hành Nghị quyết số 25/NQ-CNTĐ-HĐQT ngày 12/5/2025 về việc chi cổ tức như sau:

- a) Chi trả cổ tức đợt 1 (từ Lợi nhuận chưa phân phối năm 2024) bằng tiền.
 - Tỷ lệ: 14%/vốn điều lệ
 - Ngày thanh toán: từ ngày 11/6/2025.
- b) Chi trả cổ tức đợt 2 bằng tiền.
 - Tỷ lệ: 11,17%/vốn điều lệ (từ LNPP năm 2024 là 10,45% và Lợi nhuận chưa phân phối năm 2021 trở về trước là 0,72%).
 - Ngày thanh toán: từ ngày 15/10/2025.

Ngoài ra, Công ty đã hoàn nhập khoản chênh lệch cổ tức vào lợi nhuận chưa phân phối lũy kế các kỳ trước với giá trị 2.052.766 đồng, nguyên nhân do làm tròn số trong việc tính toán tỷ lệ cổ tức được chia (được HĐQT ghi nhận tại phiên họp ngày 17/12/2025 thông qua Nghị quyết số 48/NQ-CNTĐ-HĐQT).

3.4. Lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025

Hội đồng quản trị đã ban hành Nghị quyết số 25/NQ-CNTĐ-HĐQT ngày 12/5/2025 về việc chọn Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam làm đơn vị thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025 (theo ủy quyền của ĐHĐCĐ tại Nghị quyết 20/NQ-CNTĐ-ĐHĐCĐ ngày 17/4/2025)

3.5. Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch; Hợp đồng thuê lại mạng lưới cấp nước; Hợp đồng nhượng vật tư chuyên ngành nước; và các Hợp đồng khác với Tổng công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH MTV

Công ty đã ký kết các hợp đồng với Tổng công ty Cấp nước Sài Gòn (chi tiết xem tại mục 2.3 báo cáo này).

4. Báo cáo về việc Công ty không đáp ứng điều kiện Công ty đại chúng

Căn cứ Danh sách tổng hợp người sở hữu chứng khoán do Tổng Công ty Lưu Ký và Bù trừ Chứng Khoán Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh lập ngày 05/01/2026 (ngày chốt danh sách: 31/12/2025), Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức có 253 cổ đông, gồm:

- 02 cổ đông lớn nắm giữ **95,17%** tổng số cổ phiếu có quyền biểu quyết, bao gồm: Tổng Công ty Cấp Nước Sài Gòn TNHH MTV- cổ đông nhà nước nắm giữ **51,00%** (tương đương 4.335.000 cổ phần); và Công ty TNHH Nước sạch REE - cổ đông lớn nắm giữ **44,17%** (tương đương 3.754.720 cổ phần).
- 251 cổ đông còn lại nắm giữ 4,83% tổng số cổ phiếu có quyền biểu quyết.

Như vậy, cơ cấu cổ đông của Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức **không đáp ứng điều kiện** quy định tại **điểm a khoản 11 Điều 1 Luật số 56/2024/QH15 ngày 29/11/2024** sửa đổi, bổ sung **khoản 1 Điều 32 của Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019**, cụ thể: **không đảm bảo có tối thiểu 10% cổ phiếu có quyền biểu quyết do ít nhất 100 cổ đông không phải là cổ đông lớn nắm giữ.**

Công ty cổ phần Cấp nước Thủ Đức đã thực hiện công bố thông tin về việc Công ty không đáp ứng điều kiện Công ty đại chúng theo Thông báo số 88/TB-CNTĐ ngày 12/01/2026 trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 12/01/2026 tại đường dẫn: www.thuducwater.vn và gửi Văn bản báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước/Sở Giao Dịch Chứng Khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định.

II. KẾT QUẢ GIÁM SÁT ĐỐI VỚI GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

1. Công tác quản lý, giám sát của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị duy trì việc giám sát hoạt động của Ban Giám đốc nhằm đảm bảo cho hoạt động của doanh nghiệp được an toàn, tuân thủ đúng pháp luật, triển khai thực hiện theo đúng nội dung Nghị quyết/Quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, đảm bảo hài hòa lợi ích giữa doanh nghiệp, cổ đông, người lao động và khách hàng.

Hội đồng quản trị đã thực hiện tốt vai trò quản lý, giám sát toàn diện các mặt hoạt động của công ty, đưa ra định hướng đúng đắn, giải pháp phù hợp, kịp thời để khắc phục những khó khăn, giúp doanh nghiệp phát triển bền vững.

2. Đánh giá về các mặt hoạt động của Công ty

Mặc dù gặp nhiều khó khăn nhưng với sự nỗ lực của tập thể CB.CNLĐ và sự chỉ đạo kịp thời của Ban Điều hành, năm 2025 Công ty đã hoàn thành kế hoạch được giao.

Trong công tác tài chính, Công ty thực hiện đúng quy định của pháp luật; đảm bảo mục tiêu bảo toàn và phát triển nguồn vốn, đồng thời cung cấp đầy đủ và kịp thời báo cáo theo quy định của Luật Kế toán và Luật Chứng khoán, phục vụ tốt cho công tác lãnh đạo điều hành và quản trị nội bộ.

Về mặt kinh doanh, Công ty thực hiện đúng các quy định về cấp nước, mở thêm kênh thanh toán tiền nước thông qua việc liên kết với các ngân hàng và các dịch vụ thu hộ, tạo điều kiện thuận lợi để khách hàng có thể thanh toán tiền nước mọi lúc, mọi nơi.

Thực hiện tốt công tác cải cách hành chính, chất lượng phục vụ khách hàng ngày càng được nâng cao, các mô hình giải pháp đã đi vào hoạt động ổn định, các yêu cầu, kiến nghị

của khách hàng được giải quyết thuận lợi và nhanh chóng, rút ngắn thời gian tiếp nhận và giải quyết công việc, giảm thiểu thời gian của khách hàng.

Đánh giá được tầm quan trọng và hiệu quả của Chương trình giảm nước thất thoát thất thu, Công ty đã tiếp tục triển khai thực hiện nhiều giải pháp phù hợp như: tập trung triển khai các dự án sửa chữa, nâng cấp mạng lưới cấp nước; kiểm soát các khu vực có đồng hồ nước tiểu vùng; tăng cường công tác dò tìm và sửa bể; Tiếp tục vận hành trung tâm mạng lưới cấp nước NOC; Ứng dụng mô hình thủy lực để phân tích hiện trạng vận hành DMA, quy hoạch lại vùng áp lực và xây dựng phương án điều phối áp lực mạng lưới; Ứng dụng App quản lý sự cố sửa bể; xây dựng bản đồ giám sát áp lực mạng lưới cấp nước theo thời gian thực, xây dựng hệ thống giám sát xe sự cố, ...

Nhận thức được trách nhiệm và tầm quan trọng của đơn vị đối với xã hội, Công ty đã phát huy tối đa tính sáng tạo, xây dựng đơn vị cấp nước vững mạnh và vì cộng đồng. Chỉ đạo và giám sát thường xuyên công tác tác triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh;

Hoàn thành chỉ tiêu 100% hộ dân được cấp nước sạch, nước hợp vệ sinh, góp phần nâng cao đời sống của nhân dân trên địa bàn.

Về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán được thực hiện đúng quy định, đảm bảo tính minh bạch, khách quan, phản ánh trung thực tình hình hoạt động của công ty.

3. Đánh giá hoạt động của Ban Giám đốc (Giám đốc và người điều hành khác)

Với kết quả đạt được trong năm 2025, Hội đồng quản trị ghi nhận và đánh giá cao vai trò của Ban Giám đốc trong công tác quản lý và điều hành hoạt động của Công ty, cụ thể:

- Tuân thủ quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị trong quá trình tổ chức điều hành công ty.
- Chủ động triển khai các giải pháp điều hành phù hợp với tình hình thực tế, góp phần hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch năm 2025, bảo đảm cung cấp nước sạch an toàn, liên tục, đáp ứng nhu cầu của người dân trên địa bàn quản lý.
- Duy trì chế độ họp nghiệp vụ định kỳ, bảo đảm sự thống nhất trong chỉ đạo và xử lý kịp thời các vấn đề phát sinh trong hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Kịp thời thực hiện điều chỉnh trong công tác tổ chức, cải tiến quy trình làm việc nhằm từng bước hoàn thiện bộ máy điều hành theo hướng tinh gọn, hiệu quả.

Hội đồng quản trị ghi nhận những nỗ lực của Ban Giám đốc trong năm 2025 và đề nghị Ban Giám đốc tiếp tục phát huy kết quả đạt được, khắc phục những tồn tại (nếu có), nâng cao hiệu quả quản trị và điều hành trong năm 2026.

III. HOẠT ĐỘNG CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỘC LẬP VÀ KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ CỦA THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Do yêu cầu khắt khe về chuyên môn và các tiêu chuẩn pháp lý, Công ty hiện chưa có thành viên độc lập Hội đồng quản trị. Tuy nhiên, tại các kỳ Đại hội đồng cổ đông thường niên, HĐQT luôn chủ động trình phương án tìm kiếm và bầu bổ sung nhân sự phù hợp nhằm kiện toàn bộ máy theo quy định. Trong giai đoạn này, HĐQT vẫn nghiêm túc thực

hiện cơ chế tự đánh giá và giám sát chặt chẽ thông qua các thành viên không điều hành, đảm bảo mọi hoạt động quản trị tuân thủ Nghị quyết ĐHĐCĐ và bảo vệ tối đa lợi ích cổ đông. HĐQT cam kết ưu tiên lộ trình tìm kiếm ứng viên đệ trình ĐHĐCĐ bầu cử tại kỳ họp gần nhất, nhằm hoàn thiện cơ cấu tổ chức và nâng cao hiệu quả giám sát của Công ty.

IV. ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2026 CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Trong bối cảnh Thành phố Hồ Chí Minh tiếp tục triển khai các quy hoạch phát triển và mô hình chính quyền đô thị hai cấp đã đi vào hoạt động từ tháng 7 năm 2025, Công ty cần chủ động thích ứng với cơ chế quản lý mới, nâng cao hiệu quả phối hợp với chính quyền địa phương; đảm bảo cung cấp nước sạch an toàn, liên tục, ổn định phục vụ nhu cầu sinh hoạt của nhân dân và hoạt động sản xuất kinh doanh trên địa bàn quản lý. Đồng thời, Công ty tiếp tục khẳng định vai trò, trách nhiệm trong việc góp phần thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế – xã hội và bảo đảm an sinh của Thành phố.

Song song đó, Công ty cần xác định rõ cơ hội phát triển trong từng giai đoạn, kể cả trong bối cảnh còn nhiều khó khăn, thách thức; phát huy lợi thế của mô hình công ty cổ phần để tăng tính chủ động, linh hoạt trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Công ty cũng cần tập trung rà soát, sắp xếp, hoàn thiện cơ cấu tổ chức theo hướng tinh gọn - hiệu quả, gắn với nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững của đơn vị.

1. Công tác điều hành và quản trị doanh nghiệp

Hội đồng quản trị tiếp tục giám sát chặt chẽ quá trình điều hành hoạt động của doanh nghiệp theo kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua hằng năm.

Phối hợp với Ban Kiểm soát để kịp thời phát hiện các bất cập trong quá trình điều hành quản lý; từ đó đưa ra các biện pháp phòng ngừa và xử lý kịp thời nhằm hạn chế rủi ro trong hoạt động tài chính.

Tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và điều hành doanh nghiệp.

Rà soát, cập nhật, điều chỉnh các quy chế, quy trình phù hợp với quy định pháp luật hiện hành và tình hình thực tế tại đơn vị; tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực thi, gắn quyền hạn với trách nhiệm cá nhân.

Hoàn thiện, kiện toàn bộ máy tổ chức theo hướng tinh gọn, chuyên nghiệp, phù hợp với mô hình công ty cổ phần và định hướng phát triển dài hạn.

2. Công tác nhân sự

Xây dựng kế hoạch phát triển nguồn nhân lực gắn với chiến lược phát triển Công ty; chủ động chuẩn bị đội ngũ nhân sự đáp ứng nhu cầu phát triển trong từng giai đoạn.

Xác định đội ngũ nhân sự là yếu tố then chốt trong phát triển doanh nghiệp; đẩy mạnh đào tạo, bồi dưỡng nhằm nâng cao kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp và năng lực quản trị cho người lao động.

Chú trọng xây dựng lực lượng nhân sự chất lượng cao, có chuyên môn vững, kinh nghiệm và tác phong chuyên nghiệp, góp phần nâng cao năng suất lao động và hiệu quả hoạt động của Công ty.

3. Công tác khác

Phát huy dân chủ cơ sở, tăng cường phối hợp giữa chính quyền, Đảng uỷ, Công đoàn, Đoàn thanh niên; qua đó xây dựng môi trường làm việc đoàn kết - thống nhất.

Xây dựng và lan tỏa văn hóa doanh nghiệp gắn với giá trị cốt lõi, hướng đến mục tiêu phát triển bền vững.

Quan tâm chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động, tạo sự yên tâm công tác, gắn bó lâu dài với Công ty, qua đó củng cố nguồn lực nội tại và nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

Trên đây là nội dung báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2025 và Kế hoạch hoạt động năm 2026. Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng Cổ đông xem xét, thông qua.

Trân trọng báo cáo.

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ;
- HĐQT, BKS;
- BDH;
- Lưu: VT, HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

VŨ PHƯƠNG THẢO

**THUDUC
WATER**



TỔNG CÔNG TY CẤP NƯỚC SÀI GÒN
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THỦ ĐỨC

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026



**BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG
CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2025 VÀ
KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2026**

๓ ✧ ๘

Tháng 04 năm 2026

I. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2025

1. Cơ cấu tổ chức của Ban Kiểm soát

Căn cứ Nghị quyết số 22/NQ-CNTĐ-ĐHĐCĐ ngày 26/4/2022 của Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2022, trong năm 2025 các thành viên Ban Kiểm soát Công ty gồm

- Bà Nguyễn Thị Ngọc Hạnh - Trưởng Ban kiểm soát
- Bà Nguyễn Thị Thanh Thảo - Thành viên Ban kiểm soát
- Bà Trương Quế Hương - Thành viên Ban kiểm soát
- Bà Nguyễn Thị Ngọc Oanh - Thành viên Ban kiểm soát.

2. Các hoạt động của Ban kiểm soát

Trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ của Ban Kiểm soát được quy định tại Luật Doanh nghiệp; Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty; Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát và Quy chế Quản trị của Công ty, Ban Kiểm soát đã xây dựng và triển khai Chương trình công tác, phân công nhiệm vụ cho từng thành viên phụ trách kiểm tra giám sát hoạt động của Hội đồng Quản trị, Ban điều hành về việc thực hiện Nghị quyết Đại Hội đồng Cổ Đông và hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm 2025 như sau :

- Giám sát việc triển khai thực hiện Kế hoạch sản xuất kinh doanh, Kế hoạch Tài chính năm 2025;
- Đề xuất Danh sách các Công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo Tài chính năm 2025 của Công ty;
- Giám sát việc chi trả thù lao Hội đồng Quản trị và các thành viên Ban Kiểm soát không chuyên trách;
- Xem xét tính phù hợp các Nghị quyết của Hội đồng Quản trị, các Quyết định của Ban Giám đốc trong công tác quản lý.
- Thẩm định các Báo cáo tình hình kinh doanh, Báo cáo Tài chính quý, năm của Công ty; Báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng Quản trị và trình báo cáo thẩm định tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.
- Giám sát việc công bố thông tin theo quy định của pháp luật, đảm bảo tính minh bạch trong việc công bố thông tin để phục vụ quyền lợi của Cổ đông.
- Giám sát việc phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ, thực hiện chia cổ tức cho Cổ đông theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.
- Tham dự các phiên họp Hội đồng Quản trị, qua đó nắm bắt thông tin kịp thời tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty nhằm thực hiện tốt nhiệm vụ công tác kiểm tra, giám sát theo quy định.
- Tổ chức các phiên họp định kỳ của Ban Kiểm soát theo đúng quy định để soát xét, đánh giá hoạt động kinh doanh của Công ty.
- Tham gia tập huấn, cập nhật thường xuyên nghiệp vụ chuyên môn và chính sách pháp luật có liên quan để phục vụ tốt công tác.

3. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban kiểm soát

Trong năm 2025, Ban Kiểm soát đã tổ chức các phiên họp để thông qua tài liệu trình Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2025; xem xét, đánh giá kết quả hoạt động kinh

doanh của Công ty trên cơ sở Báo cáo Tài chính năm 2024 đã được kiểm toán, Báo cáo Tài chính bán niên 2025 đã soát xét, Báo cáo Tài chính Quý III và lũy kế 9 tháng đầu năm 2025 của Công ty. Ngoài ra, các thành viên Ban Kiểm soát còn tham dự các cuộc họp theo Thư mời của Hội đồng Quản trị Công ty.

Các thành viên trong Ban Kiểm soát đều tham dự họp đầy đủ, nội dung các cuộc họp của Ban Kiểm soát cụ thể như sau:

Stt	Biên bản họp	Ngày họp	Nội dung họp
1	01/BB-BKS	19/3/2025	<ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty năm 2024; Thẩm định Báo cáo Tài chính năm 2024 đã được kiểm toán của Công ty. - Thông qua Dự thảo Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát trình Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2025; Xem xét các tài liệu chuẩn bị Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2025. - Đề xuất Danh sách tổ chức kiểm toán thực hiện kiểm toán Báo cáo Tài chính năm 2025 của Công ty.
2	02/BB-BKS	15/8/2025	Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh và Thẩm định Báo cáo Tài chính bán niên 2025 đã được soát xét của Công ty.
3	03/BB-BKS	14/11/2025	Đánh giá Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Tài chính Quý III và lũy kế 9 tháng đầu năm 2025 của Công ty.

Trong quá trình làm việc, các thành viên Ban Kiểm soát thường xuyên trao đổi công việc, tài liệu, nắm bắt thông tin kịp thời; đề ra các giải pháp cụ thể, thiết thực trong việc thực hiện nhiệm vụ của Ban nhằm không ngừng nâng cao hiệu quả hoạt động.

Các thành viên Ban Kiểm soát có mối quan hệ độc lập, không phụ thuộc lẫn nhau nhưng có sự phối hợp, cộng tác trong công việc chung để đảm bảo thực hiện tốt trách nhiệm và nhiệm vụ của Ban Kiểm soát theo quy định.

4. Tiền lương, thù lao của Ban Kiểm soát

Thực hiện Nghị quyết số 20/NQ-CNTĐ-ĐHĐCĐ ngày 17/4/2025 và Nghị quyết số 48/NQ-CNTĐ-ĐHĐCĐ ngày 17/12/2025, thù lao của các thành viên Kiểm soát viên không chuyên trách trong năm 2025 là 6.000.000 đồng/người/tháng.

Trưởng Ban Kiểm soát hưởng lương chuyên trách và lợi ích khác theo chế độ, Thang bảng lương và Thỏa ước Lao động tập thể của Công ty.

Công ty đã chi và hạch toán tiền lương, thưởng và các lợi ích khác của Trưởng Ban Kiểm soát; tiền thù lao, tiền thưởng cho các Kiểm soát viên theo đúng quy định.

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Lương (đồng)	Thù lao (đồng)	Thưởng (từ QKT trích từ LNPP năm 2024) (đồng)	Ghi chú
1	Nguyễn Thị Ngọc Hạnh	Trưởng ban	550.923.381	-	66.341.985	
2	Trương Quế Hương	Thành viên	-	72.000.000	-	
3	Nguyễn Thị Ngọc Oanh	Thành viên	-	72.000.000	-	
4	Nguyễn Thị Thanh Thảo	Thành viên	-	72.000.000	-	

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NĂM 2025

Công ty đã thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2025 với kết quả đạt được như sau:

- Thực hiện phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ và chi trả cổ tức năm 2024 cho Cổ đông đúng hạn theo quy định. Trong năm 2025 thực hiện theo ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị đã ban hành Nghị quyết số 25/NQ-CNTĐ-HĐQT ngày 12/5/2025, Cổ tức được chia trả thành 2 đợt vào ngày 11/6/2025 (14% từ lợi nhuận phân phối năm 2024) và ngày 15/10/2025 (11,17%, trong đó từ LNPP năm 2024 là 10,45% và LNPP từ năm 2021 về trước là 0,72%).
- Chi trả thù lao của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và hạch toán chi phí theo đúng quy định.
- Hội đồng Quản trị đã chọn và Công ty đã ký hợp đồng với Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam thực hiện kiểm toán Báo cáo Tài chính năm 2025.
- Thực hiện ủy quyền của Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị đã thực hiện thông qua việc ký kết Hợp đồng giao dịch với Tổng Công ty cấp nước Sài Gòn TNHH MTV và giao Giám đốc Công ty thực hiện kết ký các hợp đồng gồm : Hợp đồng Mua bán sỉ nước sạch năm 2025; Hợp đồng Thuê tài sản mạng lưới cấp nước năm 2025 do Tổng Công ty cấp nước Sài Gòn TNHH MTV đầu tư trên địa bàn để quản lý và khai thác; Hợp đồng nhượng vật tư chuyên ngành nước; và các Hợp đồng khác để phục vụ cho hoạt động kinh doanh tại đơn vị.
- Thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh, kế hoạch Tài chính và Quỹ tiền lương Người quản lý năm 2025 với kết quả như sau:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2024	Năm 2025		Tỷ lệ so sánh	
				Kế hoạch năm 2025	Thực hiện năm 2025	TH/KH 2025	TH 2025/TH 2024
(A)	(B)	(C)	(1)	(2)	(3)	(4)=(3)/(2)	(5)=(3)/(1)
A	Sản xuất kinh doanh						
1	Nước tiêu thụ	1.000m ³	110.596	114.500	111.389	97,28	100,72
2	Doanh thu tiền nước	Tr.đồng	1.311.975	1.368.275	1.334.919	97,56	101,75
3	Tỷ lệ hộ dân được cấp nước sạch	%	100	100	100	100,00	100,00
4	Tỷ lệ thất thoát nước	%	10,14	11,2	9,85	giảm 1,35	giảm 0,29
B	Tài chính						

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2024	Năm 2025		Tỷ lệ so sánh	
				Kế hoạch năm 2025	Thực hiện năm 2025	TH/KH 2025	TH 2025/TH 2024
(A)	(B)	(C)	(1)	(2)	(3)	(4)=(3)/(2)	(5)=(3)/(1)
1	Tổng Doanh thu	Tr.đồng	1.333.815	1.379.925	1.357.122	98,35	101,75
2	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	70.299	72.507	75.841	104,60	107,88
3	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đồng	56.083	58.006	60.436	104,19	107,76
4	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn CSH bình quân ⁽¹⁾	%	23,68	23,07	23,96	103,86	101,18
5	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn CSH bình quân (theo Thông tư 200/2015/TT-BTC) ⁽²⁾	%	42,05	38,67	40,29	104,19	95,81
6	Cổ tức	%	25,17	12	26 (KH trình ĐHĐCĐ)	216,67	103,30
C	Quỹ Tiền lương Người quản lý, thù lao HĐQT, BKS						
1	Quỹ Tiền lương NQL ⁽³⁾	Tr.đồng	3.810,24	3.326,40	4.000,75	120,27	105,00
2	Thù lao HĐQT, BKS (không chuyên trách) ⁽⁴⁾	Tr.đồng	664	668	668	100,00	100,60

III. KẾT QUẢ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG VÀ TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY NĂM 2025

1. Tình hình Tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2025

1.1. Tình hình Tài chính tại ngày 31/12/2025 của Công ty được tóm tắt như sau:

Stt	Chỉ tiêu	Số cuối năm (31/12/2025)	Số đầu kỳ (01/01/2025) trình bày lại ⁽⁵⁾
I	Tài sản ngắn hạn	189.185.417.784	173.703.640.246
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	102.069.282.542	69.543.729.955
2	Đầu tư tài chính ngắn hạn	156.000.000	-
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	21.394.357.478	18.497.351.851
4	Hàng tồn kho	48.814.312.132	66.107.925.302

⁽¹⁾ Vốn Chủ sở hữu bình quân = (Vốn CSH đầu kỳ + Vốn CSH cuối kỳ)/2

⁽²⁾ Vốn Chủ sở hữu bình quân theo Thông tư 200/2015/TT-BTC = (Tổng số dư Vốn CSH cuối mỗi quý)/4. Trong đó Vốn CSH bao gồm Vốn góp của chủ sở hữu (Mã số 411) + Quỹ đầu tư phát triển (Mã số 418) + Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản (Mã số 422) trên Bảng CĐKT.

⁽³⁾ Quỹ Tiền lương của Người Quản lý năm 2025 được điều chỉnh theo Nghị định số 44/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 của Chính phủ về quản lý lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng trong doanh nghiệp Nhà nước. Quỹ tiền lương Kế hoạch năm 2025 đã được Hội đồng Quản trị điều chỉnh thông qua theo Nghị quyết số 48/NQ-CNTĐ-HĐQT ngày 17/12/2025).

⁽⁴⁾ Thù lao thực hiện năm 2025 tăng so với năm 2024 do khuyết 1 Thành viên HĐQT từ tháng 9 năm 2024 và được bầu bổ sung theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 20/NQ-CNTĐ-ĐHĐCĐ ngày 17/4/2025.

⁽⁵⁾ Năm 2024, Đoàn KTNN đã kiến nghị điều chỉnh tăng thuế TNDN phải nộp năm 2023 do loại trừ khoản chi phí phúc lợi vượt quy định tại Điều 4 Thông tư số 96/2015/TT-BTC. Khoản chi này liên quan chi phí hỗ trợ CB.CNLD trong công tác giảm nước thất thoát thất thu, được quy định tại Quyết định số 1253/QĐ-CNTĐ ngày 16/7/2020 của Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức. Để đảm bảo cho công tác quyết toán thuế trong thời gian tới, Công ty đã chủ động thực hiện điều chỉnh hồi tố đối với các nghiệp vụ có tính chất tương tự phát sinh trong năm tài chính 2022 dẫn đến số dư Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước tăng 488.300.000 đồng. Việc điều chỉnh hồi tố dẫn đến số dư đầu năm trên Báo cáo Tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 được trình bày lại (Đã được HĐQT thông qua theo Nghị quyết số 48/NQ-CNTĐ-HĐQT ngày 17/12/2025). (Thông tin chi tiết tại nội dung Thuyết minh số 9.3 – Điều chỉnh hồi tố của Báo cáo Tài chính năm 2025 của Công ty đã kiểm toán).

Stt	Chỉ tiêu	Số cuối năm (31/12/2025)	Số đầu kỳ (01/01/2025) trình bày lại ⁽⁵⁾
5	Tài sản ngắn hạn khác	16.751.465.632	19.554.633.138
II	Tài sản dài hạn	526.898.540.557	390.393.139.539
1	Các khoản phải thu dài hạn	940.000.000	730.000.000
2	Tài sản cố định hữu hình	482.661.631.584	325.200.309.652
3	Tài sản cố định vô hình	7.287.253.389	7.653.983.108
4	Tài sản dở dang dài hạn	3.601.238.353	48.809.847.672
5	Tài sản dài hạn khác	32.408.417.231	7.998.999.107
A	Tổng Tài sản	716.083.958.341	564.096.779.785
I	Nợ phải trả	453.598.510.338	322.176.369.107
1	Nợ ngắn hạn	363.835.522.674	287.968.089.484
2	Nợ dài hạn	89.762.987.664	34.208.279.623
II	Vốn chủ sở hữu	262.484.330.516	241.920.410.678
1	Vốn góp chủ sở hữu	85.000.000.000	85.000.000.000
2	Quỹ Đầu tư phát triển	69.198.105.883	52.373.209.808
3	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	108.287.342.120	104.547.200.870
	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	47.851.524.795	48.464.213.953
	- LNST chưa phân phối kỳ này	60.435.817.325	56.082.986.917
B	Tổng Nguồn vốn	716.083.958.341	564.096.779.785

1.2. Một số Chỉ tiêu Tài chính cơ bản

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024 (trình bày lại) ⁽⁵⁾
1	Cơ cấu Tài sản			
	Tài sản ngắn hạn/Tổng Tài sản	%	26,42	30,79
	Tài sản dài hạn/Tổng Tài sản	%	73,58	69,21
2	Cơ cấu Nguồn vốn			
	Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	63,34	57,11
	Vốn CSH/Tổng nguồn vốn	%	36,36	42,89
	Nợ phải trả/Vốn CSH	lần	1,73	1,33
	Hệ số bảo toàn vốn	lần	1,12	1,13
3	Khả năng thanh toán			
	Khả năng thanh toán nhanh	lần	0,39	0,37
	Khả năng thanh toán hiện hành	lần	0,52	0,6

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024 (trình bày lại) ⁽⁵⁾
4	Hiệu quả hoạt động			
	Lợi nhuận sau thuế/Tổng Tài sản bình quân	%	9,44	10,88
	Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	4,50	4,25
	Lợi nhuận sau thuế/Vốn CSH bình quân	%	23,96	23,68
	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn CSH bình quân (theo Thông tư 200/2015/TT-BTC)	%	40,29	42,05

❖ Về Nợ phải thu

Công ty có khoản phải thu ngắn hạn tại 31/12/2025 là 21,39 tỷ đồng, tăng 2,89 tỷ đồng so với năm 2024. Trong đó, số phải thu ngắn hạn khách hàng 25,22 tỷ đồng, tăng 5,1 tỷ đồng. Công ty có thực hiện trích lập Dự phòng phải thu khó đòi, Tổng nợ phải thu ngắn hạn khách hàng đến ngày 31/12/2025 là 25,22 tỷ đồng (trong đó phải thu khách hàng tiền nước 24,63 tỷ đồng), Công ty đã trích lập Dự phòng nợ phải thu khó đòi là 7,74 tỷ đồng (tăng 1,19 tỷ đồng so với năm 2024). Ngoài ra, Công ty đã xử lý xóa nợ đã lập dự phòng đối với các khoản nợ quá hạn từ năm 2017 trở về trước, số dư tại ngày 31/12/2025 là 3,45 tỷ đồng.

❖ Về Nợ phải trả

Hệ số nợ phải trả/Vốn Chủ sở hữu tại ngày 31/12/2025 là 1,73 lần. Công ty có Tổng nợ phải trả tăng 131,42 tỷ đồng so với năm 2024, trong đó Nợ ngắn hạn tăng 75,87 tỷ đồng, nợ dài hạn tăng 55,56 tỷ đồng. Nguyên nhân do Công ty có khoản nợ vay tăng cao.

Số dư nợ vay ngân hàng tại ngày 31/12/2025 là 161,26 tỷ đồng, trong đó Nợ vay dài hạn đến hạn trả là 71,49 tỷ đồng, nợ vay dài hạn là 89,76 tỷ đồng. Tăng mạnh so với số dư nợ vay cùng kỳ năm 2024 là 113,89 tỷ đồng.

Tính đến ngày 31/12/2025, ngoài các khoản vay ngân hàng để đầu tư phát triển mạng lưới cấp nước từ năm 2015, 2016 có số dư nợ vay là 4,57 tỷ đồng, Công ty có các khoản vay mới từ Quý 4 năm 2024 đến cuối năm 2025 có số dư nợ vay 96,68 tỷ đồng và khoản vay bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh 60 tỷ đồng (Các khoản vay này được Hội đồng Quản trị Công ty thông qua chủ trương tại Nghị quyết số 32/NQ-CNTĐ-HĐQT ngày 16/10/2024, Nghị quyết số 14/NQ-CNTĐ-HĐQT ngày 25/03/2025).

❖ Về tình hình quản lý sử dụng và bảo toàn vốn

Công ty bảo toàn được vốn và hoạt động kinh doanh có lãi (Hệ số bảo toàn vốn = 1,12).

Công ty đã trích lập Quỹ Đầu tư phát triển với số tiền 16.824.896.075 đồng từ lợi nhuận phân phối năm 2024 theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2025. Việc trích lập này đã nâng số dư lũy kế Quỹ Đầu tư phát triển của Công ty tính đến ngày 31/12/2025 lên 69.198.105.883 đồng. Hiện Công ty chưa có kế hoạch sử dụng nguồn vốn này.

Trong năm 2025, các chỉ số về khả năng thanh toán của Công ty ghi nhận hệ số thanh toán hiện hành ở mức 0,52 và hệ số thanh toán nhanh ở mức 0,39. Các chỉ số này chủ yếu phản ánh đặc điểm cơ cấu tài sản ngắn hạn trong giai đoạn vừa qua. Đồng thời, hệ số Nợ phải trả/Vốn Chủ sở hữu đạt 1,73 lần (tăng 0,4 lần so với năm 2024). Bên cạnh các khoản

nợ hiện hữu, Công ty cũng sử dụng thêm một số nguồn vốn vay phục vụ nhu cầu hoạt động, làm cho chi phí lãi vay năm 2025 có biến động tăng tương ứng. Trong năm 2026, Công ty dự kiến thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản vay vốn ngắn hạn 60 tỷ đồng tại Ngân hàng Agribank đến hạn trong tháng 5/2026 (HĐTĐ số 6360-LAV-202501620).

1.3. Kết quả kinh doanh năm 2025

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2024	Năm 2025		Tỷ lệ TH 2025/KH (%)	Tỷ lệ TH 2025/2024 (%)
				Kế hoạch	Thực hiện		
(A)	(B)	(C)	(1)	(2)	(3)	(4) = (3)/(2)	(5) = (3)/(1)
1	Tổng doanh thu	Tr.đồng	1.333.815	1.379.925	1.357.122	98,35	101,75
	Trong đó :						
	Doanh thu hoạt động kinh doanh chính		1.318.268	1.373.925	1.342.867	97,74	101,87
2	Tổng chi phí	Tr.đồng	1.263.516	1.307.418	1.281.281	98,00	101,41
3	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	70.299	72.507	75.841	104,60	107,88
	Trong đó :						
	Lợi nhuận hoạt động kinh doanh chính		58.305	67.707	67.298	99,40	115,42
4	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đồng	56.083	58.006	60.436	104,19	107,76

Kết quả kinh doanh thực hiện năm 2025 của Công ty có các chỉ tiêu sau:

a. Tổng Doanh thu

Tổng doanh thu thực hiện 1.357,12 tỷ đồng, đạt 98,35% (-22,81 tỷ đồng) so với kế hoạch, tăng 1,75% (+23,31 tỷ đồng) so với năm 2024. Trong đó:

- + Doanh thu nước sạch thực hiện 1.334,92 tỷ đồng, đạt 97,56% (-33,36 tỷ đồng) so với kế hoạch, tăng 1,75% (+22,94 tỷ đồng) so với năm 2024. Nguyên nhân doanh thu nước sạch giảm so với kế hoạch do sản lượng nước tiêu thụ giảm 0,03% (-3.111.330 m³). So với năm 2024, sản lượng tiêu thụ tăng 0,72% (+792.228 m³) làm tăng 9,4 tỷ đồng và giá bán bình quân tăng 121,61 đồng/m³ từ 11.862,72 đồng/m³ (bình quân năm 2024) lên 11.984,33 đồng/m³ (bình quân năm 2025) làm tăng doanh thu thêm 13,55 tỷ đồng.
- + Doanh thu gắn đồng hồ nước thực hiện 7,84 tỷ đồng, đạt 142,52% (+2,34 tỷ đồng) so với kế hoạch, tăng 27,36% (+1,68 tỷ đồng) so với năm 2024.
- + Doanh thu Tài chính thực hiện 109,93 triệu đồng, đạt 73,28% so với kế hoạch, so với năm 2024 đạt 77,44%. Nguyên nhân do giảm tiền gửi ngân hàng.
- + Thu nhập khác thực hiện 14,25 tỷ đồng, tăng 137,57% (+8,25 tỷ đồng) so với kế hoạch, đạt 91,69% (-1,29 tỷ đồng) so với năm 2024. Trong đó: Thu nhập thanh lý tài sản 10,45 tỷ đồng, thu nhập từ thu hộ Giá dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải được hưởng 1% theo quy định 3,69 tỷ đồng.

b. Tổng Chi phí

Tổng chi phí thực hiện 1.281,28 tỷ đồng, đạt 98% (-26,14 tỷ đồng) so với kế hoạch, tăng 1,41% (+17,77 tỷ đồng) so với năm 2024. Trong đó:

- + Giá vốn hàng bán thực hiện 870,26 tỷ đồng, đạt 96,96 % (-27,39 tỷ đồng) so với kế hoạch, tăng 1,61% (+13,76 tỷ đồng) so với năm 2024, gồm Giá vốn mua sỉ nước sạch thực hiện 866,92 tỷ đồng, đạt 96,78% (-28,82 tỷ đồng) so với kế hoạch, tăng 1,48% (+12,62 tỷ đồng) so với năm 2024 và Giá vốn hoạt động gắn ĐHN thực hiện 3,90 tỷ đồng, đạt 161,26% so với kế hoạch năm, tăng 41,21% (+1,14 tỷ đồng) so với năm 2024.

Về chi phí giá vốn mua sỉ nước sạch của Tổng công ty năm 2025 là 860,69 tỷ đồng, tăng 13,4 tỷ đồng (+1,58%), so với năm trước. Trong đó, tăng 10 tỷ đồng do đơn giá mua sỉ nước sạch tăng 81,23 đồng/m³ cụ thể tăng từ 6.884,26 đồng/m³ (năm 2024) lên 6.965,49 đồng/m³ (năm 2025), và tăng 3,41 tỷ đồng do sản lượng mua sỉ nước sạch trong kỳ tăng 0,4% (+489.102 m³) so với năm 2024.

Về chi phí giá vốn dở dang nước sạch ghi nhận trong năm được kết chuyển từ đầu năm 2025 là 28,27 tỷ đồng, cộng với mua trong kỳ 860,69 tỷ đồng và kết chuyển cuối năm sang kỳ sau là 22,04 tỷ đồng, giảm 6,23 tỷ đồng so với năm trước.

- + Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh (gồm chi phí bán hàng và chi phí quản lý) thực hiện 400,05 tỷ đồng, đạt 99,75% (-1 tỷ đồng) so với kế hoạch, giảm 0,3% (-1,22 tỷ đồng) so với năm 2024.
- + Chi phí Tài chính thực hiện 4,7 tỷ đồng, đạt 67,08% so với kế hoạch, tăng 188,12% (+3,07 tỷ đồng) so với năm 2024. Nguyên nhân do Công ty có khoản vay mới từ Quý 4/2024 đến nay để đầu tư phát triển mạng lưới cấp nước và vay vốn lưu động trong năm 2025 nên tăng số dư nợ vay.
- + Chi phí khác thực hiện 5,71 tỷ đồng, tăng 4,51 tỷ đồng so với kế hoạch năm, tăng 2,16 tỷ đồng so với năm 2024. Chi phí khác chủ yếu là chi phí tương ứng với khoản thu hộ phí dịch vụ thoát nước được giữ lại 1% theo quy định.

c. Lợi nhuận trước thuế

Lợi nhuận trước thuế đạt 75,84 tỷ đồng, đạt 104,60% (+3,33 tỷ đồng) so với kế hoạch năm 2025. So với năm 2024 tăng 7,88% (+5,54 tỷ đồng). Trong đó: Lợi nhuận hoạt động kinh doanh chính thực hiện 67,3 tỷ đồng, đạt 99,39% so với kế hoạch, Lợi nhuận khác thực hiện 8,54 tỷ đồng, tăng 77,99% so với kế hoạch năm.

d. Thuế Thu nhập doanh nghiệp

Thực hiện năm 2025, số thuế TNDN phải nộp là 15,102 tỷ đồng, tăng 104,14% (+600,58 triệu đồng) so với kế hoạch năm.

e. Lợi nhuận sau thuế

Lợi nhuận sau thuế thực hiện năm 2025: 60,436 tỷ đồng, tăng 4,19% (+2,43 tỷ đồng) so với kế hoạch năm, tăng 7,76% (+4,35 tỷ đồng) so với năm 2024.

Tổng lợi nhuận chưa phân phối lũy kế đến ngày 31/12/2025, gồm:	108.287.342.120 đồng
+ Lợi nhuận chưa phân phối các năm trước:	47.851.524.795 đồng
+ Lợi nhuận chưa phân phối năm nay:	60.435.817.325 đồng

2. Thẩm định Báo cáo Tài chính

Ban Kiểm soát thống nhất với nội dung Báo cáo Tài chính năm 2025 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam. Với Ý kiến của kiểm toán viên về Báo cáo Tài chính năm 2025 của Công ty như sau :

“Báo cáo Tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Cấp nước Thủ Đức tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như Kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo Tài chính”.

IV. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ VỀ GIAO DỊCH VỚI BÊN LIÊN QUAN

1. Giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên hội đồng quản trị, tổng giám đốc (giám đốc), người điều hành khác của doanh nghiệp và những người có liên quan của đối tượng đó

Stt	Tên tổ chức/ cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số giấy NSH (CCCD/ ĐKKD) ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số NQ/QĐ của ĐHĐCĐ/ HĐQT thông qua	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch (chưa bao gồm thuế GTGT)	Ghi chú
1	Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH MTV	Cổ đông lớn nắm giữ 51% (Cổ đông Nhà nước) - Công ty mẹ và là người có liên quan đến Thành viên HĐQT	0301129367, Ngày cấp: 20/09/2010. Nơi cấp: Sở KHĐT TP. HCM	01 Công trường Quốc tế, Phường Xuân Hoà, TP. HCM	2025	20/NQ-CNTĐ-ĐHĐCĐ ngày 17/4/2025	860.693.369.978	Mua bán si nước sạch
							274.964.502	Đào tạo, truyền thông
							8.818.008.042	Thuê tài sản hoạt động (mạng lưới cấp nước)
							10.911.195.000	Chi cổ tức
							4.645.626.393	Nhận nhượng quyền gia hạn sử dụng bản quyền và dịch vụ phần mềm ArcGIS
2	Công ty Cổ phần Tư Vấn Xây Dựng Cấp Nước	Cùng công ty mẹ và là người có liên quan đến Thành viên HĐQT	0304796129 Ngày cấp: 12/01/2007. Nơi cấp: Sở KHĐT TP.HCM	659 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	2025	04/NQ-CNTĐ-HĐQT ngày 21/01/2025	380.456.669	Chi phí tư vấn, giám sát công trình

Stt	Tên tổ chức/ cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số giấy NSH (CCCD/ ĐKKD) ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số NQ/QĐ của ĐHĐCĐ/ HĐQT thông qua	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch (chưa bao gồm thuế GTGT)	Ghi chú
3	Công ty Cổ phần Cơ Khí công trình Cấp nước	Cùng công ty mẹ và là người có liên quan đến Thành viên HĐQT	0304772551 Ngày cấp: 03/01/2007 Nơi cấp: Sở KHĐT – TP.HCM	319 Đường Lê Lợi, Ấp 52, Xã Xuân Thới Sơn, TP.HCM	2025	04/NQ-CNTĐ-HĐQT ngày 21/01/2025	2.102.280.000	Sửa chữa, tân trang; kiểm định hồ nước
4	Công ty Cổ phần Công trình Giao thông Công Chánh	Cùng công ty mẹ và là người có liên quan đến Thành viên HĐQT	0300475734 Ngày cấp: 13/10/2010 Nơi cấp: Sở KHĐT TP.HCM	Số 14-16 Phan Đăng Lưu, Phường Bình Thạnh, TP. HCM	2025	04/NQ-CNTĐ-HĐQT ngày 21/01/2025	7.476.077.468	Thi công xây lắp công trình cấp nước
							73.829.301	Doanh thu từ bán nước sạch
							806.336	Doanh thu từ việc di dời đồng hồ nước
5	Công ty TNHH Nước sạch REE	Cổ đông lớn và là người có liên quan đến Thành viên HĐQT	0312491547, Ngày cấp: 04/10/2013, Nơi cấp: Sở KHĐT TP.HCM	364 Cộng Hòa, Phường Tân Bình, TP. HCM	2025	20/NQ-CNTĐ-ĐHĐCĐ ngày 17/4/2025	9.450.630.240	Chi cổ tức

2. Giao dịch giữa công ty với công ty trong đó thành viên hội đồng quản trị, tổng giám đốc (giám đốc), người điều hành khác của doanh nghiệp là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.

Stt	Tên tổ chức/ cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số giấy NSH (CCCD/ ĐKKD) ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số NQ/QĐ của ĐHĐCĐ/ HĐQT thông qua	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch (chưa bao gồm thuế GTGT)	Ghi chú
1	Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH MTV	Ông Đặng Đức Hiền là Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty	0301129367, Ngày cấp: 20/09/2010. Nơi cấp: Sở KHĐT TP. HCM	01 Công trường Quốc tế, Phường Xuân Hoà, TP. HCM	2025	20/NQ-CNTĐ-ĐHĐCĐ ngày 17/4/2025	860.693.369.978	Mua bán si nước sạch
							274.964.502	Đào tạo, truyền thông
							8.818.008.042	Thuê tài sản hoạt động (mạng lưới cấp nước)

Stt	Tên tổ chức/ cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số giấy NSH (CCCD/ ĐKKD) ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số NQ/QĐ của ĐHĐCĐ/ HĐQT thông qua	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch (chưa bao gồm thuế GTGT)	Ghi chú
		Cấp nước Sài Gòn TNHH MTV					10.911.195.000 4.645.626.393	Chi cổ tức Nhận nhượng quyền gia hạn sử dụng bản quyền và dịch vụ phần mềm ArcGIS
2	Công ty TNHH Nước sạch REE	Ông Trương Khắc Hoàn là Giám đốc Công ty TNHH Nước sạch REE	0312491547, Ngày cấp: 04/10/2013, Nơi cấp: Sở KHĐT TP.HCM	364 Cộng Hòa, Phường Tân Bình, TP. HCM	2025	20/NQ-CNTĐ-ĐHĐCĐ ngày 17/4/2025	9.450.630.240	Chi cổ tức

V. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC QUẢN LÝ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC TRONG NĂM 2025

1. Giám sát hoạt động của HĐQT và công tác điều hành của Ban Giám đốc

Qua công tác kiểm tra, giám sát, Ban Kiểm soát nhận thấy Hội đồng quản trị đã thực hiện tốt vai trò quản lý, giám sát toàn diện các mặt hoạt động của Công ty, đưa ra định hướng đúng đắn, giải pháp phù hợp, kịp thời để khắc phục những khó khăn, giúp Công ty phát triển bền vững, phù hợp với quy định pháp luật, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông.

Trong năm 2025, Hội đồng Quản trị đã tổ chức Đại hội đồng Cổ đông đúng theo quy định; đã tổ chức các phiên họp để chỉ đạo kịp thời các vấn đề thuộc trách nhiệm của Hội đồng Quản trị với tinh thần trách nhiệm cao, phát huy năng lực lãnh đạo của các thành viên theo định hướng vừa thực thi Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông, vừa nhằm củng cố và phát triển hoạt động kinh doanh của Công ty, vì lợi ích của Cổ đông và sự phát triển của Công ty. Hội đồng Quản trị đã ban hành 12 nghị quyết có các nội dung gồm: Thông qua Báo cáo Tài chính năm 2024 đã kiểm toán, Báo cáo Tài chính bán niên năm 2025 đã soát xét, Báo cáo Tài chính Quý III và lũy kế 9 tháng đầu năm 2025; Báo cáo tình hình hoạt động năm 2024 và kế hoạch hoạt động năm 2025 của Bộ phận Kiểm toán nội bộ; Kế hoạch chi trả cổ tức; Chủ trương thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh, công tác đầu tư, vay vốn đầu tư, công tác quản lý và điều hành Công ty; ký kết các Hợp đồng giao dịch với Tổng Công ty cấp nước Sài Gòn TNHH MTV năm 2025 theo ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông ...

Đối với công tác điều hành của Ban Giám đốc, trên cơ sở các Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông và Hội đồng Quản trị, đã được Ban Giám đốc triển khai thực hiện với tinh

thần trách nhiệm cao, chủ động sáng tạo, linh hoạt, đã phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ với những tiến bộ đạt được: Hoạt động kinh doanh ổn định, hiệu quả; Các chỉ tiêu về kinh doanh cơ bản đã hoàn thành theo kế hoạch, doanh thu và lợi nhuận đều tăng so với năm trước; Không ngừng mở rộng phạm vi hoạt động kinh doanh nhằm thực hiện nhiệm vụ xã hội cũng là nhiệm vụ chính trị là nâng cao tỷ lệ hộ dân được cấp nước sạch trên địa bàn; Triển khai nhiều giải pháp đồng bộ có hiệu quả trong công tác giảm nước thất thoát; Thực hiện cải cách hành chính, cải tiến quy trình làm việc nhằm từng bước hoàn thiện bộ máy điều hành theo hướng tinh gọn, hiệu quả, nâng tầm chất lượng dịch vụ khách hàng; Xây dựng, điều chỉnh các quy định, quy trình quản lý cập nhật theo quy định hiện hành; Thực hiện chấp hành nghiêm chỉnh chính sách quy định của Nhà nước trong việc điều hành hoạt động kinh doanh và công bố thông tin của Công ty.

Ban Kiểm soát thống nhất với Báo cáo đánh giá hoạt động của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc năm 2025.

❖ Về tình hình không đáp ứng điều kiện công ty đại chúng của Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức:

Ngày 12/01/2026, Công ty đã có Thông báo số 91/CBTT-CNTĐ công bố thông tin bất thường về việc Công ty không đáp ứng điều kiện công ty đại chúng (thông tin chi tiết thể hiện trên trang thông tin điện tử của Công ty <http://www.thuducwater.vn>). Theo đó, tại nội dung công bố thông tin đính kèm Thông báo số 88/CBTT-CNTĐ ngày 12/01/2026, Công ty đã gửi đến Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh thông báo do cơ cấu cổ đông của Công ty không đáp ứng điều kiện quy định tại điểm a Khoản 11 Điều 1 Luật Chứng khoán số 56/2024/QH15 ngày 29/11/2024 sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 32 của Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019, cụ thể: Công ty không đảm bảo có tối thiểu 10% cổ phiếu có quyền biểu quyết do ít nhất 100 cổ đông không phải là cổ đông lớn nắm giữ. Đồng thời Công ty cam kết tiếp tục thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của Công ty đại chúng theo quy định của pháp luật hiện hành cho đến khi nhận được thông báo chính thức của Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước về việc chấm dứt tư cách Công ty đại chúng.

Công ty cổ phần Cấp nước Thủ Đức có cổ phiếu niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSX) theo Quyết định số 206/QĐ-SGĐCKHCM ngày 17/09/2010. Theo danh sách cổ đông của Công ty chốt ngày 26/01/2026, Công ty có 253 cổ đông, trong đó số lượng cổ đông không phải cổ đông lớn là 251 cổ đông, chiếm 4,83% tổng số cổ phiếu có quyền biểu quyết, không đáp ứng điều kiện công ty đại chúng. Do đó, Công ty thuộc đối tượng bị hủy tư cách công ty đại chúng theo quy định tại khoản 15 Điều 1 của Luật Chứng khoán số 56/2024/QH15.

2. Sự phối hợp hoạt động của Ban Kiểm soát với Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và các cổ đông

Ban Kiểm soát luôn giữ mối quan hệ làm việc thường xuyên với Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc trong giám sát các hoạt động kinh doanh để đảm bảo Công ty hoạt động theo đúng quy định pháp luật và Nghị quyết đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Ban Kiểm soát có sự độc lập trong thực hiện chức năng, nhiệm vụ. Các thành viên đều có năng lực chuyên môn nghiệp vụ. Các ý kiến đóng góp của Ban Kiểm soát đã được Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc đánh giá cao về chất lượng cũng như tính kịp thời.

Ban Kiểm soát luôn nhận được sự quan tâm, tạo điều kiện thuận lợi từ Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc Công ty trong việc cung cấp đầy đủ các Nghị quyết của Hội đồng Quản trị, thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty để Ban Kiểm soát hoàn thành tốt nhiệm vụ.

VI. NHẬN XÉT VÀ KIẾN NGHỊ

Với kết quả kinh doanh đạt được trong năm 2025, đó là kết quả của Hội đồng Quản trị trong việc chỉ đạo, của Ban Giám đốc trong việc điều hành, cùng với Tập thể CB.CNLD Công ty đã luôn nêu cao tinh thần trách nhiệm, nỗ lực phấn đấu, khắc phục khó khăn để đảm bảo cung cấp nước sạch, an toàn, liên tục góp phần đảm bảo an sinh xã hội của Thành phố; xây dựng và thực hiện nhiều giải pháp đột phá, đẩy mạnh công tác cải cách hành chính, chất lượng phục vụ khách hàng ngày càng được nâng cao; quản lý sử dụng bảo toàn vốn và hoạt động kinh doanh có lãi; hoàn thành và vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch của Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông.

Bước sang năm 2026 là năm đầu tiên thực hiện Kế hoạch phát triển Kinh tế xã hội 5 năm 2026 - 2030, có ý nghĩa mở đầu và định hình cho cả một chu kỳ phát triển mới. Đối với Công ty cổ phần cấp nước Thủ Đức, nhằm phát huy những giá trị đã đạt được, kính đề nghị Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc Công ty tiếp tục phát huy nội lực, đoàn kết, chủ động, sáng tạo, nỗ lực hiện thực hóa để hoàn thành các mục tiêu được Đại Hội đồng Cổ đông thông qua tại Đại hội hôm nay.

Nhằm nâng cao hơn nữa hiệu quả hoạt động của Công ty; luôn đảm bảo lành mạnh về tài chính, Ban Kiểm soát đưa ra một số kiến nghị đối với Hội đồng Quản trị, Ban Giám Đốc Công ty trong công tác quản lý, điều hành Công ty bao gồm các nhóm giải pháp như sau:

1. Đẩy mạnh cải cách hành chính theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả
 - Tiếp tục đẩy mạnh công tác cải cách hành chính; tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ, đẩy mạnh chuyển đổi số trong công tác quản lý, vận hành; Không ngừng phát triển nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng ngày một tốt hơn; Bên cạnh đó cần tăng cường đảm bảo hoàn thiện cơ sở pháp lý, đảm bảo an toàn và an ninh thông tin dữ liệu.
 - Thường xuyên tăng cường kiểm tra, rà soát xây dựng, điều chỉnh và thực hiện có hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả các quy định, quy trình trong hoạt động kinh doanh của Công ty, đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ, liên thông nhằm thực hiện theo đúng các quy định pháp luật hiện hành có liên quan.
2. Đảm bảo và nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động
 - Tiếp tục triển khai thực hiện kiểm soát giảm tỷ lệ thất thoát nước có hiệu quả, bền vững;
 - Tăng cường quản lý công tác đầu tư xây dựng cơ bản, mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ; Quản lý sử dụng vốn hiệu quả, thực hiện tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành có liên quan; thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí.
 - Nâng cao hơn nữa hoạt động Hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm phòng ngừa, phát hiện xử lý những hạn chế, rủi ro trong quá trình hoạt động kinh doanh; trong việc lập và trình bày Báo cáo Tài chính của Công ty.

- Thường xuyên tăng cường kiểm soát trong hạch toán kế toán, kê khai thuế, nộp thuế và quyết toán thuế theo đúng quy định pháp luật hiện hành có liên quan.
- Rà soát, đánh giá các danh mục đầu tư và các khoản vay; tăng cường quản lý công nợ phải thu, phải trả; cũng như duy trì kiểm soát dòng tiền một cách chủ động; xây dựng Kế hoạch Tài chính theo hướng bền vững để hỗ trợ Công ty vận hành ổn định, an toàn và hiệu quả trong các năm tới.
- Đảm bảo duy trì thực hiện công bố thông tin đầy đủ, kịp thời trong trường hợp Công ty hủy tư cách công ty đại chúng theo quy định nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các Cổ đông cập nhật thường xuyên thông tin hoạt động của Công ty.

VII. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2026

Căn cứ quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban Kiểm soát theo quy định, Ban Kiểm soát lập kế hoạch hoạt động trong năm 2026 như sau:

- Thường xuyên giám sát việc chấp hành tuân thủ các quy định pháp luật, Điều lệ, Quy chế Quản trị Công ty của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc trong việc quản lý điều hành các hoạt động kinh doanh của Công ty.
- Kiểm tra, giám sát việc ban hành và thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc trong quá trình thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông.
- Tham dự đầy đủ các phiên họp Hội đồng Quản trị, các cuộc họp quan trọng của Công ty để nắm bắt kịp thời tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty nhằm thực hiện tốt nhiệm vụ kiểm tra, giám sát theo quy định.
- Tổ chức kiểm tra định kỳ, thẩm định các Báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh của; Báo cáo Tài chính quý, 6 tháng và năm của Công ty; Báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng Quản trị và trình báo cáo thẩm định tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên.
- Thực hiện chương trình kiểm tra theo chuyên đề liên quan đến các mặt hoạt động kinh doanh của Công ty và đột xuất theo yêu cầu của Cổ đông (nếu có).
- Tham gia tập huấn, cập nhật thường xuyên nghiệp vụ chuyên môn và chính sách pháp luật có liên quan để phục vụ tốt công tác.
- Thực hiện các công tác khác theo chức năng, nhiệm vụ của Ban Kiểm soát được quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Trên đây là nội dung báo cáo thực hiện nhiệm vụ của Ban Kiểm soát năm 2025 và Kế hoạch hoạt động năm 2026. Ban Kiểm soát trân trọng báo cáo kính trình Đại hội đồng Cổ đông xem xét thông qua.

Thay mặt cho Ban Kiểm soát Công ty, Tôi xin trân trọng cảm ơn đến các Quý vị Cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc đã tin tưởng, ủng hộ và hỗ trợ cho Ban Kiểm soát hoàn thành tốt nhiệm vụ năm 2025.

Với tinh thần đoàn kết, nỗ lực và quyết tâm của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc cùng toàn thể CBCNV, Tôi tin tưởng Công ty sẽ thực hiện thắng lợi Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông và Công ty phát triển ngày càng bền vững.

Kính chúc Quý vị Cổ đông, Quý vị Đại biểu luôn mạnh khỏe, hạnh phúc và thành đạt. Kính chúc Đại hội thành công tốt đẹp.

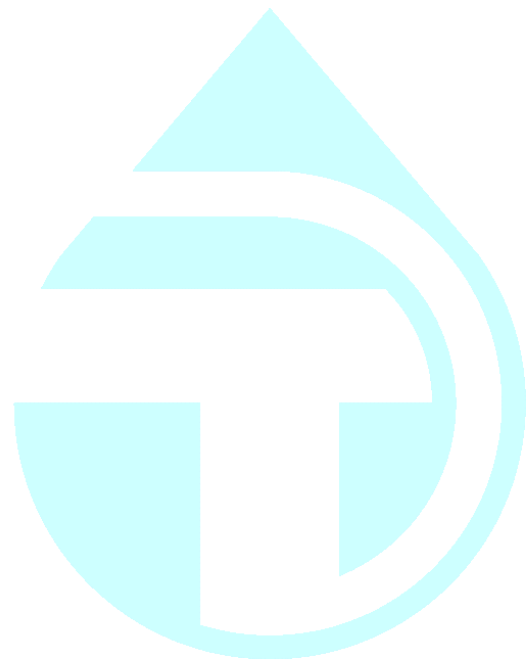
Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ;
- HĐQT, BGD;
- Lưu: VT, BKS.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

NGUYỄN THỊ NGỌC HẠNH

**THUDUC
WATER**



TỔNG CÔNG TY CẤP NƯỚC SÀI GÒN
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THỦ ĐỨC



**CÁC NỘI DUNG TỜ TRÌNH ĐHĐCĐ
VÀ DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN
NĂM 2026**

Số: 12/TTr-CNTĐ-HĐQT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 03 năm 2026

TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua Báo cáo tài chính năm 2025 đã kiểm toán

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Luật Chứng Khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Cấp nước Thủ Đức;
- Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2025 đã kiểm toán;

Căn cứ điểm khoản 2 Điều 14 Điều lệ Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức quy định quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông về việc thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán hàng năm của Công ty.

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức kính trình Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán bởi **Công ty TNHH kiểm toán AFC Việt Nam** (đính kèm toàn văn Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2025).

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét.

Trân trọng kính trình!

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT**

VŨ PHƯƠNG THẢO

Số: 13/TTr-CNTĐ-HĐQT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 04 năm 2026

TỜ TRÌNH

Về việc thông qua Kết quả thực hiện kế hoạch tài chính năm 2025, Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2025 và lợi nhuận còn lại của các năm trước

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Cấp nước Thủ Đức

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Luật Chứng Khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn có liên quan;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Cấp nước Thủ Đức;
- Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2025 đã kiểm toán.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua kết quả thực hiện kế hoạch tài chính năm 2025, phương án trích lập quỹ và chia cổ tức như sau:

1. Kết quả thực hiện kế hoạch tài chính năm 2025

Các chỉ tiêu chủ yếu:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2025	Thực hiện năm 2025	Tỷ lệ% TH/KH
1	Tổng Doanh thu	tr. đồng	1.379.925	1.357.122	98,35
2	Lợi nhuận trước thuế	tr. đồng	72.507	75.841	104,60
3	Lợi nhuận sau thuế	tr. đồng	58.006	60.436	104,19
4	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn CSH _{bq}	%	23,07	23,96	103,87
4.1	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn CSH _{bq} (Theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC)	%	38,67	40,29	104,19
5	Cổ tức	%	12	26,00 (trình ĐHĐCĐ)	216,67

2. Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2025 và Phương án phân phối phần Lợi nhuận còn lại chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước (từ năm 2024 trở về trước) cho giai đoạn năm 2026 – 2029 và chi trả cổ tức

2.1. Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2025 và phân phối lợi nhuận còn lại của những năm trước trong năm 2026

Stt	Nội dung	Tỷ lệ trích (%)	Số tiền (đồng)
I.	Tổng Lợi nhuận chưa phân phối		108.287.342.120
1.	Lợi nhuận chưa phân phối năm nay		60.435.817.325
2.	Lợi nhuận chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		47.851.524.795
II.	Phân phối lợi nhuận		
1.	Phân phối Lợi nhuận chưa phân phối của các năm trước		
1.1	Lợi nhuận chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		47.851.524.795
1.2	Chia cổ tức (Tỷ lệ: 3,00%/Vốn điều lệ)		2.550.000.000
1.3	Lợi nhuận còn lại của các năm trước chưa phân phối [(1.3) = (1.1) - (1.2)]		45.301.524.795
2.	Phân phối Lợi nhuận chưa phân phối năm 2025		
2.1	Lợi nhuận chưa phân phối năm 2025	100,00	60.435.817.325
2.2	Chia cổ tức (Tỷ lệ 26,00%/ vốn điều lệ)	36,57	22.100.000.000
-	Chia cổ tức đợt 1: tỷ lệ 16,00%/Vốn điều lệ		13.600.000.000
-	Chia cổ tức đợt 2: tỷ lệ 10,00%/vốn điều lệ		8.500.000.000
2.3	Trích lập các quỹ:		
a.	Đầu tư phát triển	26,15	15.801.894.117
b.	Khen thưởng – Phúc lợi	32,16	19.438.280.128
c.	Khen thưởng Người quản lý	1,27	766.792.000
2.4	Lợi nhuận còn lại năm 2025 chưa phân phối [(2.4) = (2.1) - (2.2) - (2.3)]		2.328.851.080
3.	Tổng Lợi nhuận chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ này [(3) = (1.3) + (2.4)]		47.630.375.875
-	Lợi nhuận còn lại năm 2025 chưa phân phối		2.328.851.080
-	Lợi nhuận còn lại các năm trước chưa phân phối		45.301.524.795

2.2. Phương án phân phối phần Lợi nhuận còn lại chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước (từ năm 2024 trở về trước) cho giai đoạn năm 2027 – 2029

Stt	Nội dung	Số tiền (đồng)
1.	Tổng Lợi nhuận còn lại chưa phân của các năm trước (từ năm 2024 trở về trước)	45.301.524.795
2.	Chia cổ tức bằng tiền vào các năm (2027-2029), cụ thể:	
-	Năm 2027: Tỷ lệ 10,00%/Vốn điều lệ	8.500.000.000
-	Năm 2028: Tỷ lệ 18,00%/Vốn điều lệ	15.300.000.000
-	Năm 2029: Tỷ lệ 25,20%/Vốn điều lệ	21.420.000.000
3.	Lợi nhuận còn lại của các năm trước sau phân phối (3) = (1-2)	81.524.795

Kính trình Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị xem xét, quyết định thời điểm chi trả cổ tức theo quy định.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Trân trọng kính trình.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT**

VŨ PHƯƠNG THẢO

**THUDUC
WATER**



Số: 14/TTr-CNTĐ-HĐQT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 03 năm 2026

TỜ TRÌNH

Về việc thông qua Quỹ tiền lương của Người quản lý năm 2025; Thù lao của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát năm 2025

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Cấp nước Thủ Đức

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Luật Chứng Khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn có liên quan;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Cấp nước Thủ Đức.
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 20/NQ-CNTĐ-DHĐCD ngày 17/04/2025;
- Căn cứ Nghị quyết Hội đồng quản trị số 48/NQ-CNTĐ-HĐQT ngày 17/12/2025.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Quỹ tiền lương của Người quản lý năm 2025; Thù lao của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát năm 2025, như sau:

Stt	Nội dung	Đvt	Kế hoạch năm 2025 (*)	Thực hiện năm 2025	Tỷ lệ %TH/KH
1.	Quỹ tiền lương của Người quản lý	tr. đồng	3.810,24	4.000,75	105,00
1.1	Quỹ tiền lương của Chủ tịch HĐQT, Trưởng ban kiểm soát (chuyên trách)	tr. đồng	1.160,40	1.218,42	105,00
1.2	Quỹ tiền lương của Ban điều hành	tr. đồng	2.649,84	2.782,34	105,00
2.	Thù lao của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát năm 2025 (không chuyên trách) (**)	tr. đồng	668,00	668,00	100,00

(*) Thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 20/NQ-CNTĐ-DHĐCD ngày 17/04/2025, Hội đồng quản trị đã ban hành Nghị quyết số 48/NQ-CNTĐ-HĐQT ngày 17/12/2025 thông qua việc điều chỉnh Quỹ tiền lương kế hoạch của Người Quản lý năm 2025 theo Nghị định số 44/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 và các văn bản hướng dẫn thi hành từ 3.326,40 triệu đồng tăng lên 3.810,24 triệu đồng; điều chỉnh Thù lao kế hoạch của

Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát năm 2025 từ 696 triệu đồng giảm xuống còn 668 triệu đồng.

*(**) Chủ tịch Hội đồng quản trị, Trưởng Ban kiểm soát chuyên trách sẽ không hưởng thù lao và được hưởng lương theo quy định.*

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Xin chân thành cảm ơn!

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT**

VŨ PHƯƠNG THẢO

**THUDUC
WATER**



Số: 18/TTTr-CNTĐ-HĐQT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 04 năm 2026

TỜ TRÌNH

Về việc thông qua Kế hoạch SXKD, Kế hoạch tài chính, Quỹ tiền lương của Người quản lý, Thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2026, tạm ứng cổ tức năm 2026.

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Cấp nước Cấp nước Thủ Đức

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Luật Chứng Khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn có liên quan;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Cấp nước Thủ Đức.

Căn cứ tình hình sản xuất kinh doanh năm 2025 và định hướng phát triển của Công ty năm 2026, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua Kế hoạch SXKD; Kế hoạch tài chính; Quỹ tiền lương của Người quản lý, Thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2026 và tạm ứng cổ tức năm 2026 như sau:

1. Kế hoạch SXKD; Kế hoạch tài chính; Quỹ tiền lương của Người quản lý, Thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2026

Stt	Nội dung	Đvt	Kế hoạch năm 2026
A	Sản xuất kinh doanh		
1.	Nước tiêu thụ (qua ĐHN)	m ³	113.900.000
2.	Doanh thu tiền nước (qua ĐHN)	tr. đồng	1.377.734
3.	Tỷ lệ hộ dân được sử dụng nước sạch	%	100,00
4.	Tỷ lệ thất thoát nước	%	10,00
B	Tài chính		
1.	Tổng doanh thu	tr. đồng	1.391.884
2.	Lợi nhuận trước thuế	tr. đồng	76.691
3.	Lợi nhuận sau thuế	tr. đồng	61.353
4.	Tỷ suất LNST/Vốn CSH bq	%	22,66
4.1	Tỷ suất LNST/Vốn CSH bq (theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC)	%	36,95
5.	Cổ tức	%	14,00

Stt	Nội dung	Đvt	Kế hoạch năm 2026
C	Quỹ tiền lương Người quản lý; Thù lao HĐQT, Ban kiểm soát		
1.	Quỹ tiền lương Người quản lý	tr. đồng	4.000,75
1.1	<i>Quỹ tiền lương của Chủ tịch HĐQT, Trưởng ban kiểm soát (chuyên trách)</i>	<i>tr. đồng</i>	<i>1.218,42</i>
1.2	<i>Quỹ tiền lương của Ban điều hành</i>	<i>tr. đồng</i>	<i>2.782,34</i>
2.	Kế hoạch thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, trong đó:	tr. đồng	696,00
	Thành viên HĐQT (không chuyên trách)	đ/người/tháng	8.000.000
	Thành viên BKS (không chuyên trách)	đ/người/tháng	6.000.000
	Mức thù lao trên không bao gồm tiền lương, thu nhập của các chức vụ kiêm nhiệm tại công ty.		

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền Hội đồng quản trị xem xét, quyết định điều chỉnh các chỉ tiêu kế hoạch theo tình hình thực tế tại đơn vị, đồng thời báo cáo kết quả thực hiện tại phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên gần nhất.

2. Tạm ứng cổ tức năm 2026

Ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định tạm ứng cổ tức năm 2026 tùy vào tình hình sản xuất kinh doanh tại đơn vị.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT**

VŨ PHƯƠNG THẢO

Số: 01/TTr-CNTĐ-BKS

TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 03 năm 2026

TỜ TRÌNH

Về việc đề xuất danh sách các Công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo Tài chính năm 2026.

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty CP Cấp nước Thủ Đức

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Luật Chứng Khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán thông qua ngày 31/12/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Quyết định số 902/QĐ-UBCK ngày 19/11/2025 về việc chấp thuận cho doanh nghiệp kiểm toán và kiểm toán viên hành nghề được kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán năm 2026;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức;
- Thư chào giá của 03 Công ty kiểm toán;
- Biên bản họp số 01/BB-BKS của Ban Kiểm soát ngày 24/03/2026 về nội dung đề xuất danh sách các Công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo Tài chính năm 2026 của Công ty.

Thực hiện quy định tại khoản 1 Điều 39 Điều lệ Công ty về quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát, Ban kiểm soát Công ty cổ phần Cấp nước Thủ Đức đề xuất Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách các Công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026 của Công ty như sau:

1. Tiêu chí lựa chọn đơn vị kiểm toán

- Là đơn vị kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng năm 2026.
- Là đơn vị có uy tín, đội ngũ kiểm toán viên có nhiều kinh nghiệm.
- Không xung đột lợi ích khi thực hiện kiểm toán Báo cáo Tài chính của Công ty.
- Có mức phí dịch vụ phù hợp.

2. Nội dung kiểm toán gồm:

- Soát xét Báo cáo Tài chính 6 tháng đầu năm 2026.
- Kiểm toán Báo cáo Tài chính năm 2026.

3. Danh sách các đơn vị kiểm toán gồm:

- Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam (AFC).
- Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS).
- Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học Moore AISC.

4. Trình Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn Công ty Kiểm toán có đủ năng lực, trình độ và đội ngũ kiểm toán viên chuyên nghiệp theo Danh sách đơn vị kiểm toán nêu trên để thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính Công ty.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Xin trân trọng cảm ơn!

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BGĐ;
- Lưu: VT.BKS.

NGUYỄN THỊ NGỌC HẠNH

**THUDUC
WATER**



Số: 15/TTr-CNTĐ-HĐQT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 03 năm 2026

TỜ TRÌNH

Về việc Thông qua giao dịch với bên có liên quan năm 2026

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Luật Chứng Khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/9/2025 của Chính Phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức.

Để thuận tiện cho hoạt động sản xuất kinh doanh, tối ưu chi phí và đảm bảo tuân thủ quy định tại Điều 167 Luật Doanh nghiệp về việc chấp thuận hợp đồng và giao dịch với người có liên quan, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua các nội dung sau:

1. Chấp thuận việc ký kết các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với Tổng công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH Một thành viên (Cổ đông sở hữu 51% tổng số cổ phần biểu quyết của TDW - Công ty mẹ), với nội dung cụ thể theo Dự thảo hợp đồng đính kèm Tờ trình này.
2. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị xem xét, quyết định đơn giá mua bán sỉ nước sạch năm 2026 và đơn giá mua bán sỉ nước sạch năm 2027 cho đến ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm tiếp theo.
3. Giao Giám đốc công ty ký Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch sau khi đơn giá mua bán sỉ đã được Hội đồng quản trị phê duyệt.
4. Hội đồng quản trị báo cáo kết quả thực hiện trên trong phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm tiếp theo.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT**

VŨ PHƯƠNG THẢO

Số: 16/TTr-CNTĐ-HĐQT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 03 năm 2026

TỜ TRÌNH

V/v : *Thông qua sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty*

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Luật Chứng Khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán thông qua ngày 31/12/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/9/2025 của Chính Phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 thông qua việc điều chỉnh, bổ sung Điều lệ công ty, cụ thể như sau:

Stt	Nội dung quy định tại Điều lệ hiện hành	Nội dung quy định tại Điều lệ sau sửa đổi, bổ sung
1.	Khoản 3 Điều 2 Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty 3. Trụ sở đăng ký của Công ty: - Địa chỉ trụ sở chính: 08 Khổng Tử, phường Bình Thọ, TP. Thủ Đức, TP.HCM - Điện thoại: 19001012 - Fax: 028.3896 0241 - E-mail: cntd@capnuocthuduc.vn - Website: www.thuducwater.vn	Khoản 3 Điều 2 Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty 3. Trụ sở đăng ký của Công ty: - Địa chỉ trụ sở chính: 08 Khổng Tử, phường Thủ Đức, TP. HCM - Điện thoại: 19001012 - E-mail chính: cntd@capnuocthuduc.vn E-mail phụ: thuduc@sawaco.com.vn - Website chính: www.thuducwater.vn Website phụ: https://thuduc.sawaco.com.vn

Stt	Nội dung quy định tại Điều lệ hiện hành	Nội dung quy định tại Điều lệ sau sửa đổi, bổ sung
2.	<p>Khoản 4 Điều 25 Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị 4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp, Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 và Điều lệ công ty. </p>	<p>Khoản 4 Điều 25 Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị 4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 và điều kiện theo quy định tại Điều 275 Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020, được sửa đổi bổ sung bởi khoản 78 Điều 1 Nghị định số 245/2025/NĐ-CP của Chính Phủ ngày 11/9/2025 và Điều lệ công ty. </p>
3.	<p>Khoản 3, khoản 4 Điều 26 Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị .. 3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau: Cơ cấu Hội đồng quản trị của công ty phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị. </p>	<p>Khoản 3, khoản 4 Điều 26 Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị 3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau: ❖ Số lượng thành viên Hội đồng quản trị không điều hành của công ty đại chúng phải đảm bảo quy định sau: a) Có tối thiểu 01 thành viên không điều hành trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 03 đến 05 thành viên; b) Có tối thiểu 02 thành viên không điều hành trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 06 đến 08 thành viên; c) Có tối thiểu 03 thành viên không điều hành trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 09 đến 11 thành viên. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.</p>

Người đại diện theo pháp luật (Giám đốc của Công ty) ký ban hành Điều lệ sửa đổi, bổ sung theo quy định.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Xin trân trọng cảm ơn!

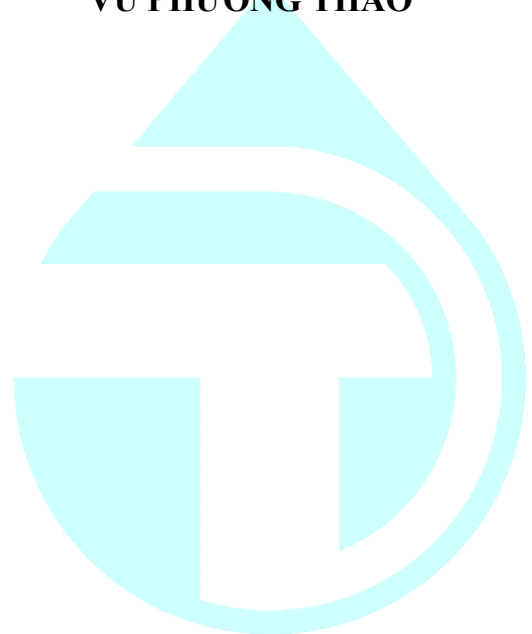
Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT,HDQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT**

VŨ PHƯƠNG THẢO

**THUDUC
WATER**



TỜ TRÌNH

Về việc **Bầu cử bổ sung Thành viên độc lập Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2022 – 2027**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông CTCP Cấp nước Thủ Đức

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Luật Chứng Khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán thông qua ngày 31/12/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/9/2025 của Chính Phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức.

Căn cứ Quy định tại Điều 276 Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020; và Điều 26 Điều lệ Công ty quy định về cơ cấu Hội đồng quản trị, tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải đảm bảo quy định, có tối thiểu 02 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 06 đến 08 thành viên.

Để thực hiện quy định về quản trị công ty, tại kỳ Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026, Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức sẽ tiến hành bầu bổ sung thành viên HĐQT độc lập nhiệm kỳ 2022 – 2027. Do đó, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua nội dung như sau:

1. Bầu cử bổ sung Thành viên độc lập Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2022 – 2027:

- Số lượng thành viên HĐQT bầu bổ sung : 02 người
- Nhiệm kỳ : theo thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2022 – 2027.
- Số lượng ứng viên HĐQT tối đa : Không hạn chế
- Tiêu chuẩn ứng cử viên tham gia Hội đồng quản trị (theo Điều 46 Điều lệ Công ty; Điều 155 Luật Doanh nghiệp 59/2020/QH14, Nghị định 155/2020/NĐ-CP và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành).

2. Thông qua danh sách ứng viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2022 – 2027:

- Ông/Bà ...
- Ông/Bà ...

Các nội dung khác liên quan đến bầu cử bổ sung Thành viên độc lập Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2022 – 2027 được áp dụng theo Quy chế đề cử, ứng cử, bầu cử bổ sung thành viên độc lập Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2022 – 2027 tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2026.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT**

VŨ PHƯƠNG THẢO

**THUDUC
WATER**



TỔNG CÔNG TY CẤP NƯỚC SÀI GÒN
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THỦ ĐỨC



DỰ THẢO
HỢP ĐỒNG GIAO DỊCH NĂM 2026
VỚI NGƯỜI NỘI BỘ/ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

DỰ THẢO

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày ... tháng ... năm 2026

HỢP ĐỒNG MUA BÁN SỈ NƯỚC SẠCH

Số: _____/HD-TCT-KDDVKH

Căn cứ Bộ luật Dân sự ngày 24 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Thương mại ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 20/2007/QĐ-UBND ngày 09 tháng 02 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Quy định về cung cấp, sử dụng nước và bảo vệ công trình cấp nước trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 01/2021/QĐ-UBND ngày 20 tháng 01 năm 2021 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định về cung cấp, sử dụng nước và bảo vệ công trình cấp nước trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh ban hành kèm theo Quyết định số 20/2007/QĐ-UBND ngày 09 tháng 02 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Bản thỏa thuận ngày ... tháng ... năm 2026 về Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch từ kỳ 01 đến kỳ 12 năm 2026 giữa Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – Trách nhiệm hữu hạn một thành viên và Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức;

Theo nhu cầu, khả năng của hai bên;

Hôm nay, ngày ... tháng ... năm 2026, tại trụ sở Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – TNHH MTV, số 01 Công Trường Quốc Tế, Phường Xuân Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh, chúng tôi gồm:

**BÊN A : TỔNG CÔNG TY CẤP NƯỚC SÀI GÒN – TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
MỘT THÀNH VIÊN (Bên bán)**

Trụ sở chính: Số 01 Công trường Quốc tế, Phường Xuân Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại: 38 291 777 – 38 291 974.

Fax: (84.8) 38 241 644.

Tài khoản số: 622.043.110.110.0091 tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn – Chi nhánh Chợ Lớn.

Mã số thuế: 0301129367

Do Ông: **Bùi Thanh Giang**

Chức vụ: **Tổng Giám đốc làm đại diện.**

BÊN B : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THỦ ĐỨC (Bên mua)

Trụ sở chính: Số 08 Khổng Tử, Phường Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại: 19001012

Fax: (84.8) 38 960 241

Tài khoản số: 110000008508 tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – CN Đông Sài Gòn.

Mã số thuế: 0304803601

Do Ông: **Nguyễn Công Minh**

Chức vụ: Giám đốc làm đại diện

Thông nhất ký kết Hợp đồng mua bán si nước sạch từ kỳ 01 đến kỳ 12 năm 2026 theo các điều khoản sau:

Điều 1: Khối lượng nước mua bán.

- 1.1 Bên A bán và Bên B mua khối lượng nước được xác định hàng kỳ qua các đồng hồ tổng, bao gồm: đồng hồ tổng nguồn, đồng hồ tổng tách mạng và đồng hồ khách hàng được xem là đồng hồ tổng. Danh sách các đồng hồ tổng nguồn, đồng hồ tổng tách mạng và đồng hồ khách hàng được xem là đồng hồ tổng được nêu tại **Phụ lục 1** của Hợp đồng này. Các đồng hồ tổng được định nghĩa như sau:
 - 1.1.1 Đồng hồ tổng nguồn: là đồng hồ đo đếm khối lượng nước đi vào hoặc đi ra mạng lưới cấp nước của Bên B.
 - 1.1.2 Đồng hồ tổng tách mạng: là đồng hồ đo đếm khối lượng nước qua lại giữa mạng lưới cấp nước của Bên B với Bên thứ ba có hợp đồng mua bán si nước sạch với Bên A.
 - 1.1.3 Đồng hồ khách hàng được xem là đồng hồ tổng: là đồng hồ đo đếm khối lượng nước cấp cho khách hàng của Bên B xác định, chưa được ghi nhận qua đồng hồ tổng được nêu tại Khoản 1.1.1, 1.1.2 của điều này.
- 1.2 Cân chỉnh và kiểm tra đồng hồ tổng:
 - 1.2.1 Đồng hồ tổng phải đáp ứng các yêu cầu kiểm định theo quy định về đo lường của Nhà nước khi đưa vào sử dụng.
 - 1.2.2 Định kỳ 05 (năm) năm một lần đối với đồng hồ cơ khí và định kỳ 03 (ba) năm một lần đối với đồng hồ điện tử, hai bên sẽ tiến hành kiểm tra, cân chỉnh đồng hồ tổng để đảm bảo đồng hồ tổng luôn trong tình trạng hoạt động tốt. Chi phí kiểm tra, cân chỉnh do Bên A chịu.
 - 1.2.3 Trong trường hợp một hoặc hai bên có yêu cầu kiểm tra, cân chỉnh do nghi ngờ tính chính xác của đồng hồ tổng, thì hai bên sẽ cùng thực hiện hoặc thuê bên thứ ba có chức năng thực hiện việc kiểm tra, cân chỉnh đồng hồ tổng. Chi phí sẽ do bên yêu cầu chịu. Trong thời gian kiểm định, cân chỉnh đồng hồ tổng thì Bên A sẽ thay thế bằng đồng hồ tổng khác để đo đếm lượng nước mua bán. Trường hợp không có đồng hồ tổng thay thế thì lượng nước mua bán sẽ được tính trung bình ngày của 03 (ba) kỳ liền kề trước đó.
 - 1.2.4 Các kết quả kiểm tra, cân chỉnh đồng hồ tổng phải được lập thành văn bản có xác nhận của các bên tham gia.
 - 1.2.5 Nếu đồng hồ tổng được xác định là sai, bên A sẽ thực hiện việc sửa chữa, thay thế trong thời gian sớm nhất.
- 1.3 Khối lượng nước mua bán trong một kỳ được xác định như Điều 2 của hợp đồng này.
- 1.4 Khối lượng nước tối thiểu mua bán trong một kỳ không nhỏ hơn **8.000.000 m³ (tám triệu mét khối)**.

Trong trường hợp khối lượng nước mua bán nhỏ hơn lượng nước tối thiểu thì Bên B phải thanh toán cho Bên A tiền nước theo lượng nước tối thiểu được xác định ở trên, trừ trường hợp được nêu tại Điều 6, Điều 8 của hợp đồng này.

Điều 2: Ghi nhận, tính toán khối lượng nước mua bán.

2.1 Ghi nhận khối lượng nước mua bán:

2.1.1 Định kỳ vào ngày 25 hàng tháng, hai bên cử đại diện cùng tiến hành ghi nhận tại hiện trường và/hoặc thông qua bộ ghi nhận và truyền dữ liệu (Data logger) khối lượng nước mua bán trong một kỳ thông qua chỉ số tiêu thụ của các đồng hồ tổng nguồn, đồng hồ tổng tách mạng và đồng hồ khách hàng được xem là đồng hồ tổng. Trường hợp đối với đồng hồ tổng tách mạng, hai bên sẽ phối hợp cùng bên thứ ba có hợp đồng mua sỉ nước sạch của bên A. Bên thứ ba và các đồng hồ tổng này được xác định trước và lập thành danh sách để tiến hành cùng ghi nhận khối lượng nước tiêu thụ.

Thời gian ghi nhận khối lượng nước mua bán thông qua số liệu của Data logger vào lúc 7h00 ngày 25 hàng tháng.

Đối với đồng hồ tổng không có bộ ghi nhận dữ liệu, khối lượng nước mua bán được tính theo chỉ số trên bộ hiển thị của đồng hồ tổng vào ngày 25 hàng tháng. Thời gian đọc chỉ số trên bộ hiển thị của đồng hồ tổng giữa 02 (hai) kỳ không được lệch quá 60 phút. Việc ghi nhận khối lượng nước mua bán phải được lập thành biên bản để làm cơ sở cho việc thanh toán tiền nước mua bán.

2.1.2 Khối lượng nước giảm trừ:

Khi xảy ra các trường hợp được nêu tại Khoản 7.1.3, 7.2.3 Điều 7 thì căn cứ vào biên bản ghi nhận của hai bên để tính toán khối lượng nước mua bán trong kỳ.

Khối lượng nước giảm trừ được hai bên lập thành biên bản và thống nhất chậm nhất sau 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày ghi nhận khối lượng nước mua bán được nêu tại Khoản 2.1.1 Điều 2. Sau thời gian này, nếu hai bên không thống nhất được thì khối lượng nước mua bán trong kỳ sẽ không tính khối lượng nước giảm trừ. Khối lượng nước giảm trừ sẽ tiếp tục được hai bên thống nhất vào kỳ mua bán kế tiếp.

2.1.3 Trường hợp các đồng hồ tổng gặp sự cố hư hỏng hoặc chạy bất thường, thì việc ghi nhận khối lượng nước được tính trung bình và/hoặc sẽ cùng thỏa thuận giữa các bên. Cách thực hiện được nêu tại **Phụ lục 5** của hợp đồng này.

2.2 Tính toán khối lượng nước mua bán:

Khối lượng nước mua bán giữa hai bên là tổng khối lượng nước được ghi nhận theo quy định tại Khoản 2.1 của điều này.

Điều 3: Chất lượng nước sạch:

3.1 Chất lượng nước mua bán giữa hai bên đạt tiêu chuẩn theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và quy định kiểm tra, giám sát chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt, QCVN 01-1:2024/BYT ban hành kèm theo Thông tư số 52/2024/TT-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Bộ Y tế. Các chỉ tiêu và thông số về chất lượng nước mua bán được nêu tại **Phụ lục 2** của hợp đồng này. Vị trí lấy mẫu nước để kiểm nghiệm chất lượng nước theo danh sách được nêu tại **Phụ lục 1** của hợp đồng

này. Đối với chất lượng nước kiểm nghiệm hàng tháng, các chỉ tiêu, giới hạn thông số áp dụng theo Điều 4 Chương II của QCVN 01-1:2024/BYT và tần suất thực hiện các chỉ tiêu được áp dụng theo Khoản 1 Điều 4 Thông tư số 52/2024/TT-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Trường hợp quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch được ban hành, chất lượng nước mua bán giữa hai bên sẽ áp dụng theo quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch.

3.2 Xác định vùng trách nhiệm về chất lượng nước:

3.2.1 Trách nhiệm của Bên A:

Bên A có trách nhiệm đảm bảo chất lượng nước mua bán đạt tiêu chuẩn theo quy định tại Khoản 3.1 Điều 3 từ nhà máy của Bên A và/hoặc Nhà máy của các đơn vị khác mà Bên A có hợp đồng mua sỉ nước sạch đến vị trí lắp đặt đồng hồ tổng nguồn và đồng hồ khách hàng được xem là đồng hồ tổng.

3.2.2 Trách nhiệm của Bên B:

Bên B có trách nhiệm đảm bảo chất lượng nước mua bán đạt theo quy định tại Khoản 3.1 Điều 3 từ vị trí sau đồng hồ tổng nguồn đến đến đồng hồ tổng tách mạng và từ vị trí sau đồng hồ khách hàng được xem là đồng hồ tổng.

3.3 Kiểm nghiệm chất lượng nước mua bán:

3.3.1 Hàng tháng, Bên A và Bên B sẽ lấy 10 (mười) mẫu nước tại vị trí các đồng hồ tổng đã chọn trước được nêu tại Phụ lục 1 của hợp đồng này để tiến hành kiểm nghiệm hoặc gửi đến một đơn vị có chức năng kiểm nghiệm để kiểm nghiệm các chỉ tiêu theo quy định. Kết quả kiểm nghiệm là cơ sở để hai bên phân định trách nhiệm về chất lượng nước mua bán giữa hai bên. Chi phí kiểm nghiệm do Bên A chịu.

3.3.2 Bên B có quyền yêu cầu một đơn vị có chức năng kiểm nghiệm tiến hành lấy mẫu nước tại vị trí được quy định tại khoản 3.3.1 của điều này để kiểm nghiệm đối chiếu kết quả kiểm nghiệm chất lượng nước do Bên A thực hiện. Chi phí kiểm nghiệm này do Bên B chịu.

3.3.3 Nếu có xảy ra phản ánh của khách hàng sử dụng nước về chất lượng nước thì hai bên cùng tiến hành kiểm tra, tìm nguyên nhân. Nếu lỗi thuộc về bên nào thì bên đó chịu chi phí kiểm nghiệm và thực hiện theo Điểm 7.3.1 Khoản 7.3 Điều 7 của hợp đồng này.

Điều 4: Đơn giá mua bán

4.1 Đơn giá mua bán của khối lượng nước được ghi nhận thông qua các đồng hồ tổng nêu tại Khoản 1.1.1, 1.1.2, 1.1.3 Điều 1 của hợp đồng này là **6.965,49 đồng/m³**.

4.2 Đơn giá nêu trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.

4.3 Trong thời gian thực hiện hợp đồng, hai bên sẽ thương thảo, tính toán lại đơn giá cho phù hợp với tình hình thực tế.

Điều 5: Thanh toán

5.1 Hàng tháng Bên B thực hiện thanh toán tiền mua bán sỉ nước sạch như sau:

- 5.1.1 Ngày 01 (một) của tháng liền kề sau ngày ghi nhận khối lượng nước mua bán được quy định tại Điều 2 của hợp đồng này, Bên B thanh toán số tiền là 10.000.000.000 (mười tỷ) đồng cho Bên A.
 - 5.1.2 Ngày 05 (năm) của tháng liền kề sau ngày ghi nhận khối lượng nước mua bán được quy định tại Điều 2 của hợp đồng này, Bên B thanh toán tiếp số tiền là 15.000.000.000 (mười lăm tỷ) đồng cho Bên A.
 - 5.1.3 Ngày 10 (mười) của tháng liền kề sau ngày ghi nhận khối lượng nước mua bán được quy định tại Điều 2 của hợp đồng này, Bên B thanh toán tiếp số tiền là 15.000.000.000 (mười lăm tỷ) đồng cho Bên A.
 - 5.1.4 Ngày 15 (mười lăm) của tháng liền kề sau ngày ghi nhận khối lượng nước mua bán được quy định tại Điều 2 của hợp đồng này, Bên B thanh toán tiếp số tiền là 15.000.000.000 (mười lăm tỷ) đồng cho Bên A.
 - 5.1.5 Ngày 20 (hai mươi) của tháng liền kề sau ngày ghi nhận khối lượng nước mua bán được quy định tại Điều 2 của hợp đồng này, Bên B thanh toán dứt điểm số tiền còn lại cho Bên A.
 - 5.1.6 Việc thanh toán được thực hiện bằng hình thức chuyển khoản. Nếu ngày thanh toán được nêu tại Khoản 5.1.1, 5.1.2, 5.1.3, 5.1.4, 5.1.5 rơi vào ngày thứ bảy, chủ nhật hoặc ngày nghỉ theo quy định thì ngày thanh toán được dời vào ngày liền kề sau đó.
- 5.2 Trường hợp Bên B chậm thanh toán như quy định tại Khoản 5.1 của điều này thì phải chịu thêm lãi suất vay quá hạn hiện hành của Ngân hàng cho số tiền chậm thanh toán.
 - 5.3 Hàng tháng, Bên A gửi cho Bên B bộ hồ sơ thanh toán bao gồm:
 - Biên bản ghi nhận khối lượng nước mua bán được quy định tại Khoản 2.1 Điều 2 của hợp đồng này (Phụ lục 3).
 - Thông báo số tiền phải thanh toán (Phụ lục 4).
 - Bảng kết quả kiểm nghiệm.
 - Hóa đơn bán sỉ.

Điều 6: Các trường hợp ngưng cung cấp nước, ngưng tiếp nhận nước

- 6.1 Bên A ngưng cung cấp nước khi xảy ra một hoặc các trường hợp sau:
 - 6.1.1 Theo kế hoạch sửa chữa định kỳ, nhưng không quá 24 giờ một lần. Bên A có trách nhiệm thông báo cho Bên B biết trước ít nhất 07 (bảy) ngày.
 - 6.1.2 Do các sự cố lớn tại các nhà máy của Bên A và/ hoặc nguồn nước của Bên A và của các đơn vị khác mà Bên A ký hợp đồng mua. Khi có sự cố xảy ra, Bên A phải thông báo ngay cho Bên B trong vòng 2 (hai) giờ và sau đó phải gửi văn bản chính thức.
 - 6.1.3 Do các sự cố lớn trên hệ thống ống truyền dẫn của Bên A. Khi có sự cố xảy ra, Bên A phải thông báo ngay cho Bên B trong vòng 2 (hai) giờ và sau đó phải gửi văn bản chính thức.

6.1.4 Do các trường hợp bất khả kháng như được nêu tại Điều 8 của hợp đồng này. Khi xảy ra các trường hợp bất khả kháng, Bên A phải thông báo ngay cho Bên B trong vòng 2 (hai) giờ và sau đó phải gửi văn bản chính thức.

6.2 Bên B ngưng tiếp nhận nước khi xảy ra một hoặc các trường hợp sau:

6.2.1 Bên A không thực hiện việc kiểm nghiệm nước sạch được quy định tại Khoản 3.3.1 Điều 3 của hợp đồng này.

6.2.2 Chất lượng nước mua bán không đạt tiêu chuẩn như quy định tại Khoản 3.1 Điều 3 của hợp đồng này.

6.2.3 Thực hiện công tác sửa chữa, cải tạo hệ thống cấp nước theo kế hoạch. Trong trường hợp này Bên B phải thông báo cho Bên A biết trước ít nhất 02 (hai) ngày.

6.2.4 Khi có sự cố hư hỏng đột xuất hệ thống cấp nước của Bên B mà có thể làm gián đoạn việc tiếp nhận nước từ bên A. Trong trường hợp này Bên B phải thông báo ngay khi phát hiện sự cố cho Bên A biết.

Điều 7: Trách nhiệm của các bên.

7.1 Trách nhiệm của Bên A:

7.1.1 Đảm bảo cung cấp nguồn nước liên tục và đạt tiêu chuẩn được quy định tại Khoản 3.1 Điều 3 của hợp đồng này, trừ các trường hợp bất khả kháng nêu tại Điều 8.

7.1.2 Giải quyết nhanh chóng, kịp thời các sự cố hư hỏng trong phạm vi tài sản của mình.

7.1.3 Thông báo và phối hợp cùng Bên B ghi nhận, tính toán để giảm trừ khối lượng nước mua bán khi xuất hiện xì, bể ống cấp 1 và cấp 2 tại vị trí sau đồng hồ tổng thuộc tài sản của Bên A và/hoặc có yêu cầu xúc xả nước đục mà nguyên nhân xuất phát từ trách nhiệm của Bên A.

7.1.4 Hỗ trợ Bên B khắc phục các sự cố vượt ngoài khả năng của Bên B (khi có yêu cầu).

7.1.5 In hóa đơn tiền nước cho Bên B theo tiến độ đọc số và thu tiền đã được thỏa thuận.

7.1.6 Làm việc với các cơ quan quản lý nhà nước, với các phương tiện thông tin đại chúng, với nhân dân về các vấn đề có liên quan đến quy định, cơ chế, chính sách, ... trong việc cung cấp và sử dụng nước sạch có tầm ảnh hưởng đến hoạt động của Bên A.

7.2 Trách nhiệm của Bên B:

7.2.1 Thanh toán tiền nước đầy đủ, đúng hạn được quy định tại Điều 5 của hợp đồng này.

7.2.2 Đảm bảo chất lượng nước cung cấp cho khách hàng sử dụng nước đạt theo tiêu chuẩn được quy định tại Khoản 3.1 Điều 3 của hợp đồng này.

7.2.3 Thông báo và phối hợp với Bên A ghi nhận các sự cố xì, bể ống cấp 1 và cấp 2 tại vị trí sau đồng hồ tổng thuộc tài sản của Bên A và/hoặc có yêu cầu súc

xả nước đục mà nguyên nhân xuất phát từ trách nhiệm của Bên A để cùng tiến hành tính toán khối lượng nước mua bán được giảm trừ.

- 7.2.4 Phối hợp, hỗ trợ với bên thứ ba có sử dụng chung nguồn nước do bên A cung cấp trong việc cung cấp nước sạch. Thông báo cho Bên A các trường hợp tạm ngưng tiếp nhận nước khi tiến hành sửa chữa hệ thống mạng lưới phân phối của mình, đặc biệt khi việc tạm ngưng tiếp nhận nước này làm ảnh hưởng đến việc cung cấp nước của Bên thứ ba có hợp đồng mua bán sỉ nước sạch với Bên A.
- 7.2.5 Phối hợp với Bên A trong việc xử lý, khắc phục các sự cố cấp nước trong trường hợp các sự cố này xảy ra trên diện rộng, vượt phạm vi quản lý của Bên B.
- 7.2.6 Làm việc với các cơ quan quản lý nhà nước, với các phương tiện thông tin đại chúng, với nhân dân về các vấn đề có liên quan đến quy định, cơ chế, chính sách, ... trong việc cung cấp và sử dụng nước sạch trên địa bàn của Bên B.

7.3 Trách nhiệm chung của hai bên:

- 7.3.1 Tìm nguyên nhân về chất lượng nước khi có phản ánh của khách hàng. Nếu lỗi thuộc về bên nào thì bên đó có trách nhiệm giải quyết, bồi thường (nếu có).
- 7.3.2 Thực hiện theo các quy định của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về cung cấp nước, sử dụng nước và các văn bản pháp lý khác của Nhà nước có liên quan đến vấn đề cung cấp và sử dụng nước.

Điều 8: Các trường hợp bất khả kháng.

- 8.1 Trường hợp bất khả kháng là những sự kiện, hoàn cảnh được liệt kê dưới đây khi xảy ra nằm ngoài dự kiến và tầm kiểm soát của ít nhất một trong hai bên và bên gặp trường hợp bất khả kháng đã làm hết trách nhiệm của mình ma vẫn không ngăn chặn được như:
- Chiến tranh, thiên tai, địch họa, hỏa hoạn.
 - Khủng bố, bạo động, phá hoại có tính chất tội phạm.
 - Nguồn điện cung cấp cho Bên A bị ngừng hoặc cung cấp không đảm bảo cho hoạt động sản xuất tại trạm bơm nước thô và nhà máy nước của Bên A và/hoặc các đơn vị khác mà Bên A ký hợp đồng mua nước sạch.
 - Nước thô để sản xuất nước sạch tại các nhà máy nước của Bên A và/hoặc tại các đơn vị khác mà Bên A ký hợp đồng mua nước sạch không đủ hoặc nguồn nước thô này có chất lượng thấp đến mức không thể xử lý được thành nước sạch đủ tiêu chuẩn như quy định.
 - Những tác động không lường trước như: các đơn vị thi công cầu, đường làm hư hỏng hệ thống tuyến ống truyền tải của Bên A.
- 8.2 Trong các trường hợp bất khả kháng được nêu trên, bên gặp trường hợp bất khả kháng phải gửi thông báo đến bên kia trong thời gian sớm nhất và hai bên sẽ cùng hợp tác nhanh chóng khắc phục hậu quả để tiếp tục ngay việc mua bán, cung cấp nước sạch trong thời gian sớm nhất. Nếu có thiệt hại phát sinh thì thiệt hại thuộc phạm vi quản lý của bên nào bên đó tự chịu trách nhiệm giải quyết.

- 8.3 Khi xảy ra trường hợp bất khả kháng, bên gặp trường hợp bất khả kháng được xem như không vi phạm đối với việc thực hiện các nghĩa vụ của mình theo hợp đồng trong thời gian và phạm vi ảnh hưởng do trường hợp bất khả kháng gây ra.

Điều 9: Thời hạn thực hiện hợp đồng.

- 9.1 Hợp đồng này thực hiện việc mua bán lượng nước từ kỳ 01 đến kỳ 12 năm 2026.
- 9.2 Trước khi hợp đồng hết thời hạn, hai bên sẽ cùng thương thảo ký kết hợp đồng mới.
- 9.3 Hợp đồng này tự thanh lý khi hai bên hoàn thành trách nhiệm nêu tại Điều 7 của hợp đồng.

Điều 10: Điều khoản chung.

- 10.1 Hai bên cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của mình theo quy định trong hợp đồng này và theo quy định của pháp luật. Các bất đồng ý kiến phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng sẽ được hai bên bàn bạc, giải quyết trên tinh thần hợp tác và tôn trọng quyền lợi của nhau.
- 10.2 Trong thời gian thực hiện hợp đồng này, những vấn đề phát sinh (nếu có) làm ảnh hưởng đến quyền lợi của một hoặc hai bên, thì sẽ được hai bên ghi nhận, nghiên cứu để đưa vào thực hiện trong hợp đồng kế tiếp.
- 10.3 Tranh chấp giữa các bên nếu không tự giải quyết được thì sẽ do Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết. Hai bên phải tuân thủ theo phán quyết có hiệu lực của Tòa.
- 10.4 Việc sửa đổi, bổ sung các điều khoản của hợp đồng này phải được sự thống nhất của hai bên và phải được thể hiện bằng văn bản.

Hợp đồng này được lập thành 08 (tám) bản, mỗi bên giữ 04 (bốn) bản có giá trị như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN B

ĐẠI DIỆN BÊN A

PHỤ LỤC 1
DANH SÁCH ĐỒNG HỒ TỔNG

1. Đồng hồ tổng nguồn (Outlet)

STT	Mã vị trí	Vị trí
1	td1001	Trần Nãi
2	td1004	Khu vực nhà máy nước Bình An
3	td1005	Khu vực Bình Thắng
4	td1006	Khu vực Giản Dân
5	td1007	Khu vực Đại học Quốc Gia
6	td1008	Khu vực Xa lộ Đại Hàn
7	td1010	Khuôn viên NMN
8	td1011	Nguyễn Văn Bá
9	td1012	Khu vực Ngã tư Bình Thái
10	td1014	RMK
11	td1016	C/x An Bình
12	td1017	Riverside
13	td1018	Khu vực An Điền - An Phú
14	td1020	Liên tỉnh lộ 25B
15	td1022	Đặng Văn Bi
16	td1025	Võ Văn Ngân
17	td1026	Nguyễn Xiển
18	td1027	Cầu Bình Phước (TD)
19	td1028	Tháp cắt áp Thủ Đức
20	td1029	Xa lộ Hà Nội (đối diện NMN BOO)
21	td1030	Truyền tải điện 4
22	td1032	Ngã ba Tân Vạn
23	td1041	Lương Định Của – Tỉnh lộ 25B
24	td1043	Đỗ Xuân Hợp
25	td1044	Ngã ba Cát Lái
26	td1047	Quốc lộ 13 - Kha Vạn Cân (Trạm xăng dầu Forimex)
27	td1048	Lê Văn Việt (2)
28	td1049	Linh Đông – Đường 28
29	td1051	7 Đặng Văn Bi – Nguyễn Văn Bá
30	td1052	Võ Văn Ngân – Lê Văn Chí
31	td1053	Chân cầu Sài Gòn
32	td1054	Cây xăng Đông Hòa, 132 Xa lộ Hà Nội, Dĩ An Bình Dương

2. Đồng hồ tổng tách mạng

STT	Mã vị trí	Vị trí
33	td2019	Cầu Bình Triệu

PHỤ LỤC 2: TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG NƯỚC SẠCH

Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và quy định kiểm tra, giám sát chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt, QCVN 01-1:2024/BYT

được ban hành kèm Thông tư số 52/2024/TT-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Bộ Y tế

CÁC THÔNG SỐ VỀ CHẤT LƯỢNG NƯỚC SẠCH VÀ NGƯỠNG GIỚI HẠN CHO PHÉP:

TT	Tên thông số	Đơn vị tính	Ngưỡng giới hạn cho phép
Các thông số nhóm A			
<i>a. Thông số vi sinh vật</i>			
1	Coliform tổng số	CFU/100 ML hoặc MPN/100mL	< 1
2	<i>E. coli</i> hoặc Coliform chịu nhiệt	CFU/100 mL hoặc MPN/100mL	< 1
<i>b. Thông số cảm quan và hoá học</i>			
3	Màu sắc	TCU	15
4	Mùi ^(*)	-	Không có mùi lạ
5	pH ^(*)	-	Trong khoảng 6,0-8,5
6	Độ đục	NTU	2
7	Asen (Arsenic) (As)	mg/L	0,01
8	Clo dư tự do ^(*)	mg/L	Trong khoảng 0,2-1,0
9	Permanganat	mg/L	2
10	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)	mg/L	1
Các thông số nhóm B			
<i>a. Thông số vi sinh vật</i>			
11	Trực khuẩn mũ xanh (<i>Pseudomonas aeruginosa</i>)	CFU/100mL	< 1
12	Tụ cầu vàng (<i>Staphylococcus aureus</i>)	CFU/100mL	< 1
<i>b. Thông số hoá học</i>			
13	Antimon (Sb)	mg/L	0,02
14	Bari (Ba)	mg/L	1,3
15	Bor tính chung cho cả Borat và axit Boric (B)	mg/L	2,4
16	Cadmi (Cd)	mg/L	0,003
17	Chì (Plumbum) (Pb)	mg/L	0,01
18	Clorua (Chloride) (Cl ⁻)	mg/L	250 hoặc 300 ^(**)
19	Chromi (Cr)	mg/L	0,05
20	Đồng (Cuprum) (Cu)	mg/L	1
21	Độ cứng, tính theo CaCO ₃	mg/L	300
22	Florua (Fluoride) (F ⁻)	mg/L	1,5
23	Kẽm (Zincum) (Zn)	mg/L	2
24	Mangan (Mn)	mg/L	0,1
25	Natri (Na)	mg/L	200
26	Nhôm (Aluminium) (Al)	mg/L	0,2
27	Nickel (Ni)	mg/L	0,07
28	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N)	mg/L	11
29	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N)	mg/L	0,9
30	Sắt (Ferrum) (Fe)	mg/L	0,3
31	Seleni (Se)	mg/L	0,04

32	Sulfat (Sulfate) (SO_4^{2-})	mg/L	250
33	Sunfua (Sulfide) (S^{2-})	mg/L	0,05
34	Thủy ngân (Hydrargyrum) (Hg)	mg/L	0,001
35	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/L	1.000
36	Xyanua (Cyanide) (CN^-)	mg/L	0,05
<i>Nhóm Alkan Clo hóa</i>			
37	1,1,1 - Trichloroethane ($\text{C}_2\text{H}_3\text{Cl}_3$)	$\mu\text{g/L}$	2.000
38	1,2 - Dichloroethane ($\text{C}_2\text{H}_4\text{Cl}_2$)	$\mu\text{g/L}$	30
39	1,2 - Dichloroethene ($\text{C}_2\text{H}_2\text{Cl}_2$)	$\mu\text{g/L}$	50
40	Carbon tetrachloride (CCl_4)	$\mu\text{g/L}$	2
41	Dichloromethane (CH_2Cl_2)	$\mu\text{g/L}$	20
42	Tetrachloroethene (C_2Cl_2)	$\mu\text{g/L}$	40
43	Trichloroethene (C_2HCl_3)	$\mu\text{g/L}$	8
44	Vinyl chloride ($\text{C}_2\text{H}_3\text{Cl}$)	$\mu\text{g/L}$	0,3
<i>Nhóm Hydrocacbua thơm</i>			
45	Benzene (C_6H_6)	$\mu\text{g/L}$	10
46	Ethylbenzene (C_8H_{10})	$\mu\text{g/L}$	300
47	Pentachlorophenol ($\text{C}_6\text{HCl}_5\text{O}$)	$\mu\text{g/L}$	9
48	Styrene (C_8H_8)	$\mu\text{g/L}$	20
49	Toluene (C_7H_8)	$\mu\text{g/L}$	700
50	Xylene (C_8H_{10})	$\mu\text{g/L}$	500
<i>Nhóm Benzen Clo hóa</i>			
51	1,2 - Dichlorobenzene ($\text{C}_6\text{H}_4\text{Cl}_2$)	$\mu\text{g/L}$	1.000
52	Monochlorobenzene ($\text{C}_6\text{H}_5\text{Cl}$)	$\mu\text{g/L}$	300
53	Tổng Trichlorobenzene ($\text{C}_6\text{H}_3\text{Cl}_3$)	$\mu\text{g/L}$	20
<i>Nhóm chất hữu cơ phức tạp</i>			
54	Acrylamide ($\text{C}_3\text{H}_5\text{NO}$)	$\mu\text{g/L}$	0,5
55	Epichlorohydrin ($\text{C}_3\text{H}_5\text{ClO}$)	$\mu\text{g/L}$	0,4
56	Hexachlorobutadiene (C_4Cl_6)	$\mu\text{g/L}$	0,6
<i>Nhóm hóa chất bảo vệ thực vật</i>			
57	1,2- Dibromo - 3 chloropropane ($\text{C}_3\text{H}_5\text{Br}_2\text{Cl}$)	$\mu\text{g/L}$	1
58	1,2 - Dichloropropane ($\text{C}_3\text{H}_6\text{Cl}_2$)	$\mu\text{g/L}$	40
59	1,3- Dichloropropene ($\text{C}_3\text{H}_4\text{Cl}_2$)	$\mu\text{g/L}$	20
60	2,4-D ($\text{C}_8\text{H}_6\text{Cl}_2\text{O}_3$)	$\mu\text{g/L}$	30
61	2,4 - DB ($\text{C}_{10}\text{H}_{10}\text{Cl}_2\text{O}_3$)	$\mu\text{g/L}$	90
62	Alachlor ($\text{C}_{14}\text{H}_{20}\text{ClNO}_2$)	$\mu\text{g/L}$	20
63	Aldicarb ($\text{C}_7\text{H}_{14}\text{N}_2\text{O}_2\text{S}$)	$\mu\text{g/L}$	10
64	Atrazine ($\text{C}_8\text{H}_{14}\text{ClN}_5$) và các dẫn xuất chloro-triazine	$\mu\text{g/L}$	100
65	Carbofuran ($\text{C}_{12}\text{H}_{15}\text{NO}_3$)	$\mu\text{g/L}$	5
66	Chlorpyrifos ($\text{C}_9\text{H}_{11}\text{Cl}_3\text{NO}_3\text{PS}$)	$\mu\text{g/L}$	30
67	Chlordane ($\text{C}_{10}\text{H}_6\text{Cl}_8$)	$\mu\text{g/L}$	0,2
68	Chlorotoluron ($\text{C}_{10}\text{H}_{13}\text{ClN}_2\text{O}$)	$\mu\text{g/L}$	30
69	Cyanazine ($\text{C}_9\text{H}_{13}\text{ClN}_6$)	$\mu\text{g/L}$	0,6
70	DDT ($\text{C}_{14}\text{H}_9\text{Cl}_5$) và các dẫn xuất	$\mu\text{g/L}$	1

71	Dichlorprop ($C_9H_8Cl_2O_3$)	$\mu\text{g/L}$	100
72	Fenoprop ($C_9H_7Cl_3O_3$)	$\mu\text{g/L}$	9
73	Hydroxyatrazine ($C_8H_{15}N_5O$)	$\mu\text{g/L}$	200
74	Isoproturon ($C_{12}H_{18}N_2O$)	$\mu\text{g/L}$	9
75	MCPA ($C_9H_9ClO_3$)	$\mu\text{g/L}$	2
76	Mecoprop ($C_{10}H_{11}ClO_3$)	$\mu\text{g/L}$	10
77	Methoxychlor ($C_{16}H_{15}Cl_3O_2$)	$\mu\text{g/L}$	20
78	Molinate ($C_9H_{17}NOS$)	$\mu\text{g/L}$	6
79	Pendimethalin ($C_{13}H_{19}N_3O_4$)	$\mu\text{g/L}$	20
80	Permethrin ($C_{21}H_{20}Cl_2O_3$)	$\mu\text{g/L}$	20
81	Propanil ($C_9H_9Cl_2NO$)	$\mu\text{g/L}$	20
82	Simazine ($C_7H_{12}ClN_5$)	$\mu\text{g/L}$	2
83	Trifluralin ($C_{13}H_{16}F_3N_3O_4$)	$\mu\text{g/L}$	20
<i>Nhóm hóa chất khử trùng và sản phẩm phụ</i>			
84	2,4,6 - Trichlorophenol ($C_6H_2Cl_3OH$)	$\mu\text{g/L}$	200
85	Bromat (BrO_3^-)	$\mu\text{g/L}$	10
86	Formaldehyde (CH_2O)	$\mu\text{g/L}$	500
87	Monochloramine (NH_2Cl)	$\mu\text{g/L}$	3.000
<i>Nhóm Trihalomethane (THM)</i>			
88	Bromodichloromethane ($CHBrCl_2$)	$\mu\text{g/L}$	60
89	Bromoform ($CHBr_3$)	$\mu\text{g/L}$	100
90	Chloroform ($CHCl_3$)	$\mu\text{g/L}$	300
91	Dibromochloromethane ($CHBr_2Cl$)	$\mu\text{g/L}$	100
<i>Nhóm Halogenated acetonitrile</i>			
92	Dibromoacetonitrile (C_2HBr_2N)	$\mu\text{g/L}$	70
93	Dichloroacetonitrile (C_2HCl_2N)	$\mu\text{g/L}$	20
94	Trichloroacetonitrile (C_2Cl_3N)	$\mu\text{g/L}$	1
<i>Nhóm Haloacetic acid (HAA)</i>			
95	Acid monochloroacetic ($C_2H_3ClO_2$)	$\mu\text{g/L}$	20
96	Acid dichloroacetic ($C_2H_2Cl_2O_2$)	$\mu\text{g/L}$	50
97	Acid trichloroacetic ($C_2HCl_3O_2$)	$\mu\text{g/L}$	200
<i>c. Thông số nhiễm xạ</i>			
98	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/L	0,1
99	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/L	1,0

**PHỤ LỤC 3: MẪU BIÊN BẢN XÁC ĐỊNH LƯỢNG NƯỚC MUA BÁN SỈ
CỦA CÔNG TY CPCN THỦ ĐỨC KỲ .../...**

TỔNG CÔNG TY CẤP NƯỚC SÀI GÒN
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
XÍ NGHIỆP TRUYỀN DẪN NƯỚC SẠCH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc



Số : _____/BB-TDNS-QLĐHT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm

**BIÊN BẢN XÁC ĐỊNH LƯỢNG NƯỚC MUA BÁN SỈ
CỦA CÔNG TY CPCN KỲ .../...**

Hôm nay, ngày ... tháng ... năm ..., tại Công ty Cổ phần Cấp nước

chúng tôi gồm:

Bên A: Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn

Ông/Bà: (Xí nghiệp Truyền dẫn Nước sạch)

Bên B: Công ty Cổ phần Cấp nước

Ông/Bà:

Cùng xác định lượng nước mua bán sỉ của kỳ .../... như sau:

Từ ngày .../.../... đến ngày .../.../... (... ngày)

I. LƯỢNG NƯỚC QUA ĐỒNG HỒ TỔNG (A)

a1. Lượng nước được ghi nhận tại các đồng hồ tổng nguồn được nêu tại Phụ lục 1 của hợp đồng mua bán sỉ nước sạch: (A1)

Stt	DMA	Vị trí	Chiều tách mạng	C/s kỳ trước (.../.../...)	C/s kỳ này (.../.../...)	Lượng nước qua đồng hồ (m ³)	Ghi chú	
1								
2								
...						
CỘNG								

a2. Lượng nước được ghi nhận tại các đồng hồ khách hàng được xem là đồng hồ tổng, nêu tại Phụ lục 1 của hợp đồng mua bán sỉ nước sạch: (A2)

Stt	DMA	Vị trí	Chiều tách mạng	C/s kỳ trước (.../.../...)	C/s kỳ này (.../.../...)	Lượng nước qua đồng hồ (m ³)	Ghi chú	
1								
2								
...						
CỘNG								

a3. Lượng nước được ghi nhận tại các đồng hồ khách hàng khai thác trực tiếp trên tài sản Bên A, nêu tại Phụ lục 2 của hợp đồng mua bán sỉ nước sạch: (A3)

a3.1. Lượng nước được ghi nhận tại các đồng hồ khách hàng là đồng hồ sau đồng hồ tổng nguồn: (A3.1)

Stt	DMA	Vị trí	Chiều tách mạng	C/s kỳ trước (.../.../...)	C/s kỳ này (.../.../...)	Lượng nước qua đồng hồ (m ³)	Ghi chú	
1								
2								
...						
CỘNG								

**a3.2. Lượng nước được ghi nhận tại các đồng hồ khách hàng là đồng hồ tổng nguồn:
(A3.2)**

Stt	DMA	Vị trí	Chiều tách mạng	C/s kỳ trước (.../.../...)	C/s kỳ này (.../.../...)	Lượng nước qua đồng hồ (m ³)	Ghi chú
1							
2							
...					
CỘNG							

II. LƯỢNG NƯỚC GIẢM TRỪ (nếu có) (B)

b1. Lượng nước giảm trừ của các đồng hồ tổng nguồn được nêu tại Phụ lục 1 của hợp đồng mua bán sỉ nước sạch: (B1)

Stt	Số biên bản Ngày phát hành	Nội dung giảm trừ	Đơn vị thi công	Lượng nước giảm trừ (m ³)	Ghi chú
1					
2					
...					

b2. Lượng nước giảm trừ của các đồng hồ khách hàng được xem là đồng hồ tổng, nêu tại Phụ lục 1 của hợp đồng mua bán sỉ nước sạch: (B2)

Stt	Số biên bản Ngày phát hành	Nội dung giảm trừ	Đơn vị thi công	Lượng nước giảm trừ (m ³)	Ghi chú
1					
2					
...					

b3. Lượng nước giảm trừ của các đồng hồ khách hàng được xem là đồng hồ tổng (sau đồng hồ tổng nguồn hoặc là đồng hồ tổng nguồn), nêu tại Phụ lục 2 của hợp đồng mua bán sỉ nước sạch: (B3)

Stt	Số biên bản Ngày phát hành	Nội dung giảm trừ	Đơn vị thi công	Lượng nước giảm trừ (m ³)	Ghi chú
1					
2					
...					

III. LƯỢNG NƯỚC GIẢM TRỪ (CHƯA THỐNG NHẤT) (C)

c1. Lượng nước giảm trừ của các đồng hồ tổng nguồn được nêu tại Phụ lục 1 của hợp đồng mua bán sỉ nước sạch: (C1)

i. BÊN A

- a.
b.
c.

Ý kiến đề nghị:

.....
.....

ii. BÊN B

- a.
b.
c.

Ý kiến đề nghị:

.....

c2. Lượng nước giảm trừ của các đồng hồ khách hàng được xem là đồng hồ tổng, nêu tại Phụ lục 1 của hợp đồng mua bán sỉ nước sạch: (C2)

i. BÊN A

- a.
- b.
- c.

Ý kiến đề nghị:

.....

ii. BÊN B

- a.
- b.
- c.

c3. Lượng nước giảm trừ của các đồng hồ khách hàng được xem là đồng hồ tổng (sau đồng hồ tổng nguồn hoặc là đồng hồ tổng nguồn), nêu tại Phụ lục 2 của hợp đồng mua bán sỉ nước sạch: (C3)

i. BÊN A

- a.
- b.
- c.

Ý kiến đề nghị:

.....

ii. BÊN B

- a.
- b.
- c.

IV. TỔNG LƯỢNG NƯỚC MUA BÁN SỈ

(A)	Lượng nước qua ĐHT (A1+A2+A3.2)		(m ³)
(A1)	Lượng nước qua các ĐH tổng nguồn nêu tại PL1		(m ³)
(A2)	Lượng nước qua ĐH khách hàng được xem là ĐHT nêu tại PL1		(m ³)
(A3)	Lượng nước qua ĐH khách hàng khai thác trực tiếp trên tài sản Bên A nêu tại PL2: (A3.1 + A3.2)		(m ³)
(A3.1)	Lượng nước qua các đồng hồ khách hàng là đồng hồ sau đồng hồ tổng nguồn		(m ³)
(A3.2)	Lượng nước qua các đồng hồ khách hàng là đồng hồ tổng nguồn		(m ³)
(B)	Lượng nước giảm trừ		(m ³)
(B1)	Lượng nước giảm trừ của các ĐH tổng nguồn nêu tại PL1		(m ³)
(B2)	Lượng nước giảm trừ của ĐH khách hàng được xem là ĐHT nêu tại PL1		(m ³)

(B3)	Lượng nước giảm trừ của các ĐH khách hàng được xem là đồng hồ tổng (sau đồng hồ tổng nguồn hoặc là đồng hồ tổng nguồn), nêu tại Phụ lục 2 của hợp đồng mua bán sỉ nước sạch:		(m ³)
(S _{PL1})	Lượng nước thanh toán qua các ĐHT nêu tại PL1: (A1) + (A2) – (A3.1) – (B1) – (B2)		(m ³)
(S _{PL2})	Lượng nước thanh toán qua các ĐH khách hàng nêu tại PL2: (A3.1) + (A3.2) – (B3)		(m ³)
	TỔNG CỘNG: (S_{PL1}) + (S_{PL2})		(m³)

Bên B

Công ty CPCN

Ban GNKDT**Giám đốc****Bên A****TỔNG CÔNG TY CẤP NƯỚC SÀI GÒN**
Xí nghiệp truyền dẫn nước sạch**Đội QLDHT****Giám đốc****Tổng Giám đốc**

PHỤ LỤC 4: MẪU THÔNG BÁO SỐ TIỀN PHẢI THANH TOÁN

ỦY BAN NHÂN DÂN TP. HỒ CHÍ MINH
TỔNG CÔNG TY CẤP NƯỚC SÀI GÒN
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
◁>

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc



Số : _____/TB-TCT-.....

Tp. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm

THÔNG BÁO SỐ TIỀN PHẢI THANH TOÁN KHỐI LƯỢNG NƯỚC MUA BÁN KỶ ... NĂM ...

- Căn cứ hợp đồng mua bán sỉ nước sạch số ... ngày ...
- Căn cứ Biên bản ghi nhận khối lượng nước mua bán kỳ ... năm ..., ngày ... giữa Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – Trách nhiệm hữu hạn một thành viên và Công ty Cổ phần Cấp nước

Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – Trách nhiệm hữu hạn một thành viên thông báo số tiền Quý Công ty phải thanh toán cho khối lượng nước mua bán kỳ .../năm... như sau:

- Khối lượng nước mua bán: ... m³
- Đơn giá: ... đồng/m³.
- Thành tiền: ... đồng.
- Thuế giá trị gia tăng: đồng.
- **Tổng số tiền phải thanh toán: ... đồng.**

Đề nghị Quý Công ty thanh toán tiền nước mua sỉ vào ngày __ tháng __ năm __ .

Trân trọng.

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**

Nơi nhận:

- CTCPCN ...
- P.KTTC.
- P.KDDVKH.

PHỤ LỤC 5:
QUY TRÌNH XỬ LÝ, TRƯỜNG HỢP TÍNH TRUNG BÌNH
VÀ QUY TẮC ỨNG XỬ TRONG CÁC TRƯỜNG HỢP GẶP SỰ CỐ, NGHI
NGỜ TÍNH CHÍNH XÁC CỦA ĐỒNG HỒ TỔNG

1. Quy trình xử lý khi đồng hồ tổng có sự cố bất thường.

Trong trường hợp có đồng hồ tổng có chỉ số khối lượng bất thường do các sự cố như đồng hồ hư hỏng, dữ liệu của bộ ghi nhận dữ liệu không liên tục hoặc lệch với chỉ số đồng hồ, hoặc do hết pin ... thì thực hiện theo quy trình sau:

- 1.1. Bên A ghi nhận hoặc tiếp nhận thông tin đồng hồ tổng khi có sự bất thường về chỉ số và hư hỏng trong quá trình quản lý hoặc do Bên B phản ánh.
- 1.2. Trong thời gian không quá 02 ngày, Bên A sẽ thông báo cho các đơn vị liên quan kiểm tra, đánh giá xác nhận tình trạng đồng hồ tổng tại hiện trường và đưa ra hướng xử lý.
- 1.3. Bên A sẽ lên kế hoạch triển khai và thực hiện công tác khắc phục sự cố từng trường hợp như sau:
 - 1.3.1. Trường hợp đồng hồ hoặc bộ ghi nhận và truyền dữ liệu bị sự cố có thể khắc phục tại hiện trường (thay pin, thay nối dây tín hiệu, thay bộ hiển thị, đấu nối tiếp đất ...) thì Bên A sẽ xử lý, khắc phục trong vòng 03 ngày làm việc và có sự chứng kiến, ký biên bản xác nhận của các bên liên quan.
 - 1.3.2. Trường hợp đồng hồ tổng gặp sự cố không khắc phục được tại hiện trường, Bên A sẽ phối hợp các đơn vị liên quan thay thế đồng hồ hiện hữu bằng đồng hồ đã được kiểm định trong vòng 07 ngày, đồng thời niêm phong đồng hồ hiện hữu, đem kiểm định tại cơ quan có chức năng có thẩm quyền để xác định tình trạng đồng hồ trên (biên bản niêm phong phải có xác nhận của các bên).

2. Các trường hợp tính bình quân lượng nước cung cấp và bán sỉ trong thời gian đồng hồ tổng hư hỏng hoặc không có đồng hồ đo đếm.

2.1. Trường hợp 1: đồng hồ tổng bị hư hỏng, sự cố nhiều nhất 10 ngày trong cùng kỳ.

Tính toán khối lượng bình quân ngày cho những ngày đồng hồ tổng gặp sự cố, hư hỏng bằng khối lượng bình quân theo những ngày còn lại trong kỳ.

2.2. Trường hợp 2: đồng hồ tổng bị hư hỏng, sự cố nhiều hơn 10 ngày.

- 2.2.1. Tính toán khối lượng bình quân ngày cho những ngày đồng hồ tổng gặp sự cố, hư hỏng bằng khối lượng bình quân ngày theo 03 kỳ đầy đủ đã thống nhất khối lượng trước đó (không sử dụng Kỳ có ngày Tết âm lịch để tính).
- 2.2.2. Trong trường hợp không đủ khối lượng ổn định liên tục 03 kỳ thì tính khối lượng bình quân cho những ngày đồng hồ gặp sự cố bằng khối lượng bình quân theo số ngày thực tế đồng hồ tổng ghi nhận trước đó nhưng không ít hơn 10 ngày liên tục.

2.3. Trường hợp 3: đồng hồ tổng mới lắp đặt bị sự cố (không có dữ liệu tại các thời điểm trước đó).

- 2.3.1. Đồng hồ tổng có dữ liệu ít nhất 10 ngày liên tục được tính như Mục 2.2.2.
- 2.3.2. Đồng hồ tổng có dữ liệu ít hơn 10 ngày, khối lượng tạm tính bằng không. Sau khi đồng hồ tổng được thay thế hoặc khắc phục sẽ sử dụng khối lượng trung bình của 10 ngày liên tục sau khi hoạt động để tính toán lại khối lượng cho thời gian các ngày tạm tính.
- 2.3.3. Bên A sẽ nhanh chóng lên kế hoạch và khắc phục sự cố như mục 1.3 nêu trên.

2.4. Trường hợp 4: đồng hồ tổng gặp sự cố, hư hỏng hoặc hoạt động không ổn định rơi vào những ngày lễ, tết

- Khối lượng tiêu thụ vào những ngày này có thể thấp hoặc cao hơn so với ngày thường. Tính lượng nước bình quân trong thời gian đồng hồ tổng xảy ra sự cố vào dịp lễ, tết sẽ tính theo “hệ số K”.
- Khối lượng tính bình quân ngày cho thời gian đồng hồ tổng hư hỏng = K x khối lượng bình quân ngày theo mục 2.1 hoặc mục 2.2.

$$K = \frac{\text{Khối lượng bình quân các ngày lễ tết của năm trước tương ứng với các ngày cần tính trung bình}}{\text{Khối lượng bình quân 10 ngày trước khi đồng hồ bị hư tương ứng của năm trước}}$$

2.5. Trường hợp 5: đồng hồ tổng hoạt động bình thường, bộ ghi nhận và truyền dữ liệu bị hư hỏng và không có chỉ số đọc trên bộ hiển thị đầu kỳ:

- Bị sự cố nhiều nhất 10 ngày trong cùng kỳ: Tính toán khối lượng bình quân ngày cho những ngày bộ ghi nhận và truyền dữ liệu gặp sự cố, hư hỏng bằng khối lượng bình quân theo những ngày còn lại trong kỳ.
- Bị sự cố trên 10 ngày trong cùng kỳ: Tính toán khối lượng bằng khối lượng bình quân ngày theo 03 kỳ đã thống nhất khối lượng trước đó (không sử dụng Kỳ có ngày Tết âm lịch để tính).

2.6. Trường hợp 6: đồng hồ tổng mới thay thế có khối lượng bình quân ngày chênh lệch bất thường so với dữ liệu khối lượng bình quân ngày quá khứ:

- Đồng hồ tổng sau khi được thay thế (đảm bảo yêu cầu pháp lý kỹ thuật). Bên A sẽ theo dõi khối lượng và xử lý chênh lệch bất thường **so với dữ liệu khối lượng bình quân ngày quá khứ**. Khi đó khối lượng sẽ được tạm tính theo mục 2.2.
- Trường hợp này Bên B cung cấp dữ liệu các đồng hồ DMA và đồng hồ khách hàng (nếu có) khu vực lân cận (do đồng hồ tổng này cung cấp) cho Bên A, cùng phối hợp xử lý phân tích dữ liệu, đưa ra hướng giải quyết khắc phục sự cố của đồng hồ tổng.
- Trường hợp giải quyết theo phương án thay thế đồng hồ hiện hữu bằng đồng hồ khác (hoặc sửa chữa) thì sử dụng khối lượng trung bình của 10 ngày liên tục sau khi hoạt động để tính toán lại khối lượng cho thời gian tạm tính.

3. Quy tắc ứng xử khi có nghi ngờ về độ chính xác của đồng hồ tổng

- 3.1.** Khi Bên B nghi ngờ độ chính xác của các đồng hồ tổng thì có quyền yêu cầu Bên A thực hiện việc kiểm tra đồng hồ thông qua văn bản chính thức.
- 3.2.** Sau khi nhận được yêu cầu kiểm tra đồng hồ nghi ngờ, Bên A sẽ thực hiện kiểm tra bằng các thiết bị kiểm tra tại hiện trường với sự chứng kiến của các bên.
- 3.3.** Trong trường hợp Bên B yêu cầu phải có kiểm tra của cơ quan chức năng có thẩm quyền, Bên A sẽ thực hiện tháo gỡ, thay thế đồng hồ hiện hữu bằng đồng hồ đã kiểm định tại vị trí này trong thời gian ngắn nhất. Đồng hồ bị nghi ngờ độ chính xác sẽ được niêm phong mang đi kiểm định tại cơ quan chức năng có thẩm quyền.
- 3.4.** Lượng nước mua bán sỉ trong thời gian từ khi Bên B yêu cầu kiểm tra đến khi thay đồng hồ đã được kiểm định sẽ được tạm tính theo trường hợp quy định tại mục 2.2.
- 3.5.** Sau khi có kết quả kiểm định, căn cứ vào kết quả:
 - 3.5.1.** Trường hợp đồng hồ có kết quả kiểm định có độ chính xác trong giới hạn cho phép: tất cả các chi phí liên quan bao gồm phí kiểm định, chi phí tháo dỡ, lắp đặt đồng hồ và các chi phí liên quan khác sẽ do Bên B chịu trách nhiệm chi trả.
 - 3.5.2.** Trường hợp đồng hồ có kết quả kiểm định có độ chính xác vượt giới hạn cho phép: Bên A sẽ chịu trách nhiệm chi trả tất cả chi phí liên quan.
 - 3.5.3.** Lượng nước đã tạm tính ở mục 3.4 sẽ được so sánh khối lượng đo đếm thực tế 10 ngày liên tục sau khi hoạt động của đồng hồ đã kiểm định để truy thu hoặc giảm trừ.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do – Hạnh phúc

DỰ THẢO

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2026

HỢP ĐỒNG CHO THUÊ TÀI SẢN HOẠT ĐỘNG

Số: /HĐ-TCT-KTTC

- Căn cứ Bộ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24 tháng 11 năm 2015;
- Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14 tháng 6 năm 2005;
- Căn cứ nhu cầu và khả năng của mỗi bên.

Hôm nay, ngày tháng năm 2026, tại Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên, chúng tôi gồm có:

BÊN A (Bên cho thuê): TỔNG CÔNG TY CẤP NƯỚC SÀI GÒN - TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN

Địa chỉ: Số 01 Công trường Quốc tế, Phường Xuân Hoà, TP. Hồ Chí Minh.

Điện thoại: (28) 38227422

– Fax: (28) 38242063

Mã số thuế: 0301129367

Tài khoản số: 6220431101100091 tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Chợ Lớn.

Đại diện: Ông Bùi Thanh Giang

– Chức vụ: Tổng Giám đốc

BÊN B (Bên thuê): CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THỦ ĐỨC

Địa chỉ: Số 8 Khổng Tử, Phường Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh.

Điện thoại: (28) 3896 0240

– Fax: (28) 3722 0896

Mã số thuế: 0304803601

Tài khoản số: 110000008508 tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Đông Sài Gòn.

Đại diện: Ông Nguyễn Công Minh

– Chức vụ: Giám đốc

Hai bên đồng ý thực hiện việc thuê tài sản hoạt động với các điều khoản sau đây:

Điều 1: Đối tượng hợp đồng

Bên A cho thuê và Bên B đồng ý thuê tài sản để cung cấp nước sạch trên địa bàn Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức (theo Bảng kê tài sản cho thuê hoạt động năm 2026 đính kèm).

Điều 2. Thời hạn thuê tài sản

Bên A cho Bên B thuê tài sản hoạt động từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026.

Điều 3. Giá trị hợp đồng và phương thức thanh toán

1. Giá trị hợp đồng:

Giá thuê tài sản trong thời gian 01 (một) năm (chưa bao gồm thuế GTGT) là **8.753.507.622 đồng** (Số tiền bằng chữ: *Tám tỷ, bảy trăm năm mươi ba triệu, năm trăm lẻ bảy nghìn, sáu trăm hai mươi hai đồng*).

Thuế GTGT được áp dụng theo quy định hiện hành của pháp luật thuế tại thời điểm xuất hoá đơn.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, hai bên sẽ xem xét điều chỉnh giá thuê tài sản hoạt động trên cơ sở đảm bảo quyền lợi của hai bên và được thể hiện thông qua việc ký phụ lục hợp đồng trong năm 2026.

2. Phương thức thanh toán:

Bên B thanh toán tiền thuê tài sản mỗi quý cho Bên A trong vòng 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày Bên A xuất hóa đơn giá trị gia tăng đã bao gồm thuế GTGT theo quy định.

3. Hình thức thanh toán: Chuyển khoản.

4. Đồng tiền thanh toán: Đồng Việt Nam.

Điều 4: Quyền và nghĩa vụ của hai bên

1. Quyền và nghĩa vụ của Bên A:

- Có trách nhiệm nhận lại tài sản cho thuê khi hết hạn Hợp đồng trong trường hợp Bên B không tiếp tục gia hạn hợp đồng.
- Bên A có quyền đơn phương hủy hợp đồng và yêu cầu bồi thường thiệt hại nếu Bên B có các hành vi sau đây:
 - + Không trả tiền thuê trong một quý.
 - + Sử dụng tài sản không đúng công dụng và mục đích của tài sản.
 - + Làm mất mát hoặc hư hỏng tài sản thuê.
 - + Cho người khác thuê lại tài sản mà không có sự đồng ý của Bên A.

2. Quyền và nghĩa vụ của Bên B:

- Có trách nhiệm bảo quản và không được thay đổi tình trạng của tài sản thuê.
- Bảo đảm sử dụng tài sản thuê đúng công dụng và mục đích của tài sản thuê.
- Trong quá trình sử dụng, nếu Bên B làm hư hỏng hoặc thay đổi tình trạng của tài sản thuê thì Bên B sẽ chịu mọi chi phí sửa chữa hoặc thay thế tài sản bị hư hỏng.
- Trả đủ tiền thuê tài sản theo phương thức đã thỏa thuận, Bên B sẽ chịu lãi suất vay ngân hàng 0,05%/ngày cho số ngày trả chậm.
- Bên B có quyền đơn phương hủy hợp đồng và yêu cầu bồi thường thiệt hại nếu Bên A chậm giao tài sản theo thỏa thuận gây thiệt hại cho Bên B.

Điều 5: Điều khoản thi hành

- Hai bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản của Hợp đồng. Bên nào vi phạm sẽ phải chịu trách nhiệm theo đúng quy định của pháp luật về hợp đồng kinh tế.
- Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề trở ngại hoặc tranh chấp thì hai bên chủ động thương lượng giải quyết trên tinh thần hòa giải, đôi bên cùng có lợi. Nếu cần thì lập Phụ lục hợp đồng hoặc biên bản bổ sung hợp đồng. Trường hợp có tranh chấp không tự thỏa thuận được, vụ việc sẽ được đưa ra Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết theo luật định. Bên thua kiện sẽ chịu toàn bộ chi phí liên quan đến việc tranh chấp.

- Hợp đồng này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 31 tháng 12 năm 2026 và được xem như thanh lý khi các bên hoàn tất các nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng.

- Hợp đồng này được lập thành 06 (sáu) bản. Mỗi bên giữ 03 (ba) bản có giá trị pháp lý như nhau./.

ĐẠI DIỆN BÊN A
TỔNG GIÁM ĐỐC

ĐẠI DIỆN BÊN B
GIÁM ĐỐC

Bùi Thanh Giang

Nguyễn Công Minh

DANH MỤC TÀI SẢN CHO THUÊ HOẠT ĐỘNG NĂM 2026

(Đính kèm Hợp đồng số: */HD-TCT-KTTC* ngày tháng năm 2026)

Đơn vị tính : Đồng Việt Nam

STT	Danh mục tài sản	Nguyên giá	Giá thuê
1	LĐTO CN Khu dân cư và tái định cư Nam Rạch Chiếc	1.080.526.932	108.052.693
2	LĐTO đường Tô Ngọc Vân (Chợ Thủ Đức - Nguyễn Đình Nghi)	6.188.234.908	618.823.491
3	PTMLCN các hẻm phường Trường Thạnh, Long Bình, Long Phước, Quận 9	6.865.800.217	686.580.022
4	PTMLCN đường Ngô Chí Quốc, P.Bình Chiểu, Q.Thủ Đức (Lắp đặt ống bên lề trái hướng từ TP.HCM đi Bình Dương)	4.204.317.650	420.431.765
5	PTMLCN phường Tam Bình, phường Tam Phú, Quận Thủ Đức	8.232.196.469	823.219.647
6	PTMLCN đường Bình Chiểu và các hẻm phường Bình Chiểu, Quận Thủ Đức	9.322.250.681	932.225.068
7	PTMLCN các hẻm phường Linh Xuân, Quận Thủ Đức	5.345.359.776	534.535.978
8	PTMLCN đường Ngô Chí Quốc, P.Bình Chiểu, Q.Thủ Đức (Lắp đặt ống bên lề phải hướng từ TP.HCM đi Bình Dương)	2.322.483.068	232.248.307
9	PTMLCN phường Long Trường, Quận 9	7.681.120.603	768.112.060
10	PTMLCN phường Long Thạnh Mỹ, Tân Phú, Quận 9	6.080.119.680	608.011.968
11	PTMLCN phường Phú Hữu, Tăng Nhơn Phú A, Tăng Nhơn Phú B, Hiệp Phú, Quận 9	5.891.272.187	589.127.219
12	PTMLCN các hẻm đường Ngô Chí Quốc, phường Bình Chiểu, Quận Thủ Đức	4.815.334.524	481.533.452
13	PTMLCN phường Hiệp Bình Chánh, Quận Thủ Đức	3.665.445.110	366.544.511
14	LĐTO cấp 2 Tinh lộ 43 – giai đoạn 3 (kênh Ba Bò - KCX Linh Trung 2), Q.Thủ Đức	88.434.243	8.843.424

STT	Danh mục tài sản	Nguyên giá	Giá thuê
15	PTMLCN Khu dân cư Thạnh Mỹ Lợi, Q.2	4.685.014.589	468.501.459
16	PTMLCN Đại Lộ Đông Tây	1.329.987.981	132.998.798
17	PTMLCN dọc Đại Lộ Đông Tây Quận 2	9.737.177.601	973.717.760
Cộng:			8.753.507.622

**ĐẠI DIỆN BÊN A
TỔNG GIÁM ĐỐC**

**ĐẠI DIỆN BÊN B
GIÁM ĐỐC**

Bùi Thanh Giang

Nguyễn Công Minh